

Những kỹ vật kháng chiến - Tập 2

Nhà xuất bản: Quân đội Nhân dân
Năm xuất bản: 2005

**Đóng eBook và Share bởi Thư viện sách điện tử Online:
wWw.VietLion.Com**



* **Chỉ đạo nội dung:**

ĐẢNG ỦY, BAN GIÁM ĐỐC

BẢO TÀNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM

* **Tổ chức thực hiện, hoàn chỉnh bản thảo:**

Đại tá LÊ MÃ LƯƠNG (chủ biên)

Đại tá TRỊNH HỒNG VIỆT

Thượng tá HOÀNG LÂM

Thượng tá NGUYỄN THỊ LÂM HÀ

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2002, sách “Những kỷ vật kháng chiến” tập 1 đã ra mắt bạn đọc, gồm 37 bài viết và ảnh về 37 hiện vật và nhóm hiện vật, phản ánh những hoạt động, chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong các sự kiện lớn của cách mạng, các cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1975.

Dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị, nhân dịp kỷ niệm 30 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Ất Mão, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30.4.1975-30.4.2005) Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam phối hợp với Thư viện Quân đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản cuốn sách “**Những kỷ vật kháng chiến**” tập 2.

Sách gồm 40 bài viết và ảnh về 40 hiện vật và nhóm hiện vật, phản ánh hoạt động chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, đấu tranh cách mạng của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong số đó có 30 hiện vật, nhóm hiện vật về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, 8 hiện vật phản ánh về hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, 2 hiện vật phản ánh về tuyến đường chi viện chiến lược - Đường Hồ Chí Minh, 13 hiện vật phản ánh về hành động chiến đấu dũng cảm, kiên cường nổi bật của 10 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 3 đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 4 hiện vật phản ánh về cuộc sống chiến đấu của 4 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Trong sách có 7 hiện vật, nhóm hiện vật phản ánh về chiến dịch Hồ Chí Minh, đặc biệt trong số đó là các phim, ảnh gốc ghi lại thời khắc 2 xe tăng mang số hiệu 843 và 390 của Quân giải phóng húc đổ cánh cổng phụ và cổng chính tiến vào dinh Độc Lập, bắt tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ những nhân vật chủ chốt trong nội các chính quyền ngụy Sài Gòn - trưa ngày 30 tháng 4

năm 1975.

“Những kỹ vật kháng chiến” tập 2 ra mắt bạn đọc sẽ là một “bó hoa nhỏ” kính dâng các liệt sĩ, thương binh, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân, các bà mẹ Việt Nam anh hùng và nhân dân đã lập nên những kỳ tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất dân tộc, đưa đất nước vào kỷ nguyên mới, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

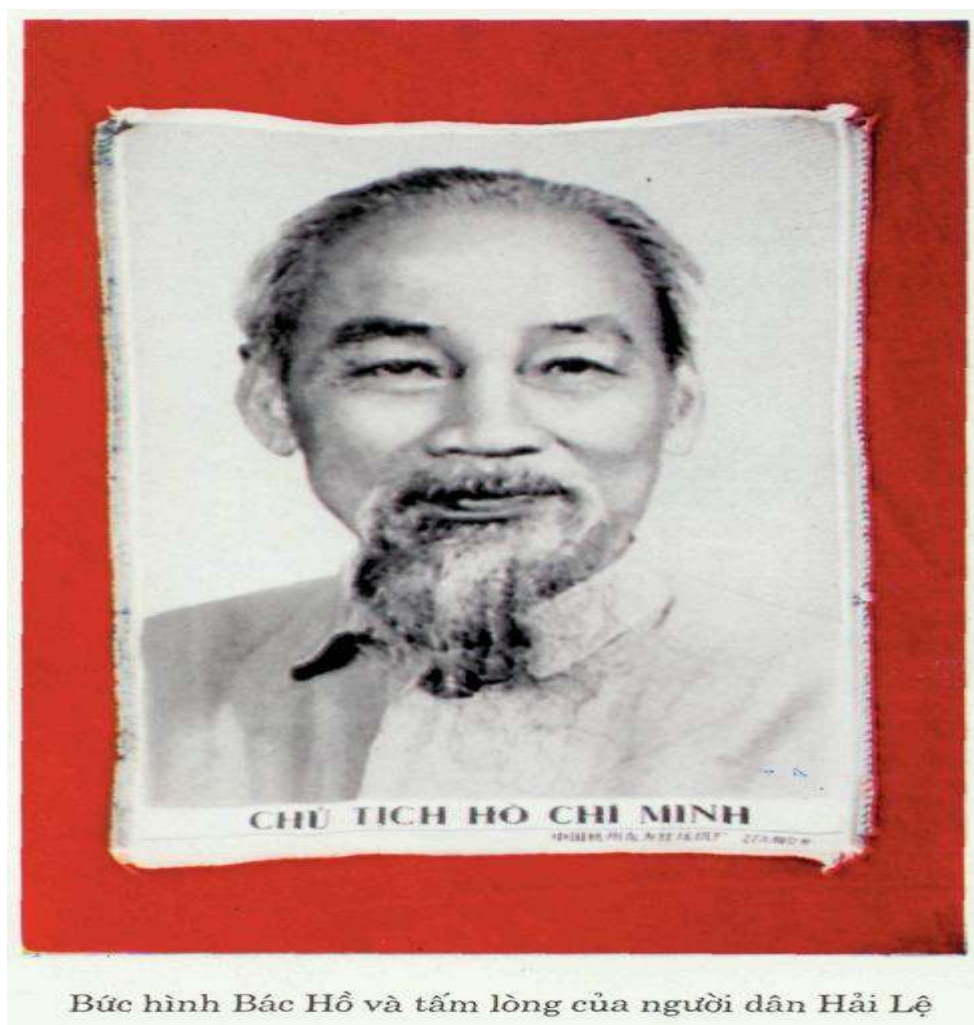
Đây sẽ là một trong những cuốn sách quý, trang bị cho Tủ sách Phòng Hồ Chí Minh. Chúng tôi hy vọng rằng chuyện kể về “Những kỹ vật kháng chiến” sẽ góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ luôn trân trọng sự cống hiến, hy sinh của cha anh trong cuộc chiến đấu anh dũng giải phóng dân tộc.

Trong quá trình biên soạn mặc dù có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót về các thông tin của hiện vật, rất mong được các thế hệ cán bộ, chiến sĩ và bạn đọc đóng góp ý kiến, bổ sung.

Xin trân trọng giới thiệu “Những kỹ vật kháng chiến” tập 2 cùng bạn đọc.

Đại tá - Thạc sĩ ĐỖ GIA NAM
Giám đốc Thư viện Quân đội

BỨC HÌNH BÁC HỒ VÀ TẤM LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN HẢI LỆ



Đó chính là bức hình Bác Hồ dệt bằng lụa đen trắng, dưới có chữ **Chủ tịch Hồ Chí Minh** bằng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc (dệt tại Trung Quốc) là hiện vật thiêng liêng nhất của nhân dân xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Bức hình Bác Hồ chỉ có kích thước (27 x 40)cm, trải qua năm tháng đã cũ sòn, lại có nhiều nếp gấp. Đó là vì bức hình đã được các đồng chí đảng viên gấp nhỏ lại để chôn giấu, bảo vệ bức ảnh trước sự tra xét của quân thù suốt 10 năm trời.

Mặc dù sống trong vùng địch kiểm soát, giáp thị xã Quảng Trị và căn cứ La Vang của địch, số dân chỉ có 2.368 người, đảng bộ xã vẫn được duy trì với 61 đồng chí. Mỗi thôn thành lập được một tiểu đội du kích. Toàn xã có một trung đội du kích với 30 đồng chí.

Xã Hải Lệ giàu truyền thống cách mạng từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp, là nơi phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Trong thời kỳ chống Mỹ, nơi đây luôn là trọng điểm bình định của địch. Chúng đã tiến hành hàng trăm cuộc hành quân càn quét, bắt bớ, chém giết, gây bao tội ác trời không dung, đất không tha với nhân dân Hải Lệ.

Trước sự tàn bạo của quân thù, đảng bộ xã Hải Lệ đã tổ chức cho đảng viên và các đoàn thể làm lễ tuyên thệ trước bức hình của Bác. Từ năm 1969 đến năm 1972, tấm hình Bác Hồ đã bao lần được treo trang trọng trong các cuộc họp của các cấp, ngành quân, dân, chính, đảng. Dưới chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng kính mến, cán bộ và nhân dân đã trịnh trọng hứa với Bác thực hiện khẩu hiệu “Ba bám”: Cán bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.

Thực hiện lời tuyên thệ với vị Cha già dân tộc, Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân “một tấc không đi, một ly không dời”, rào làng kháng chiến để giữ đất, giành dân, chống phá âm mưu của địch dồn dân, lập ấp chiến lược. Nhất là sau năm 1968, địch tăng cường các cuộc hành quân, càn quét, phản kích quyết liệt vào các thôn trong xã. Nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt bớ, tra tấn đến chết, đảng bộ đã nhiều lần tổ chức tuyên thệ trước ảnh Bác Hồ phát động toàn đảng bộ “Biến cạm thù thành hành động cách mạng”, kiên quyết chiến đấu, làm thất bại âm mưu “Việt Nam hoá chiến tranh của đế quốc Mỹ”.

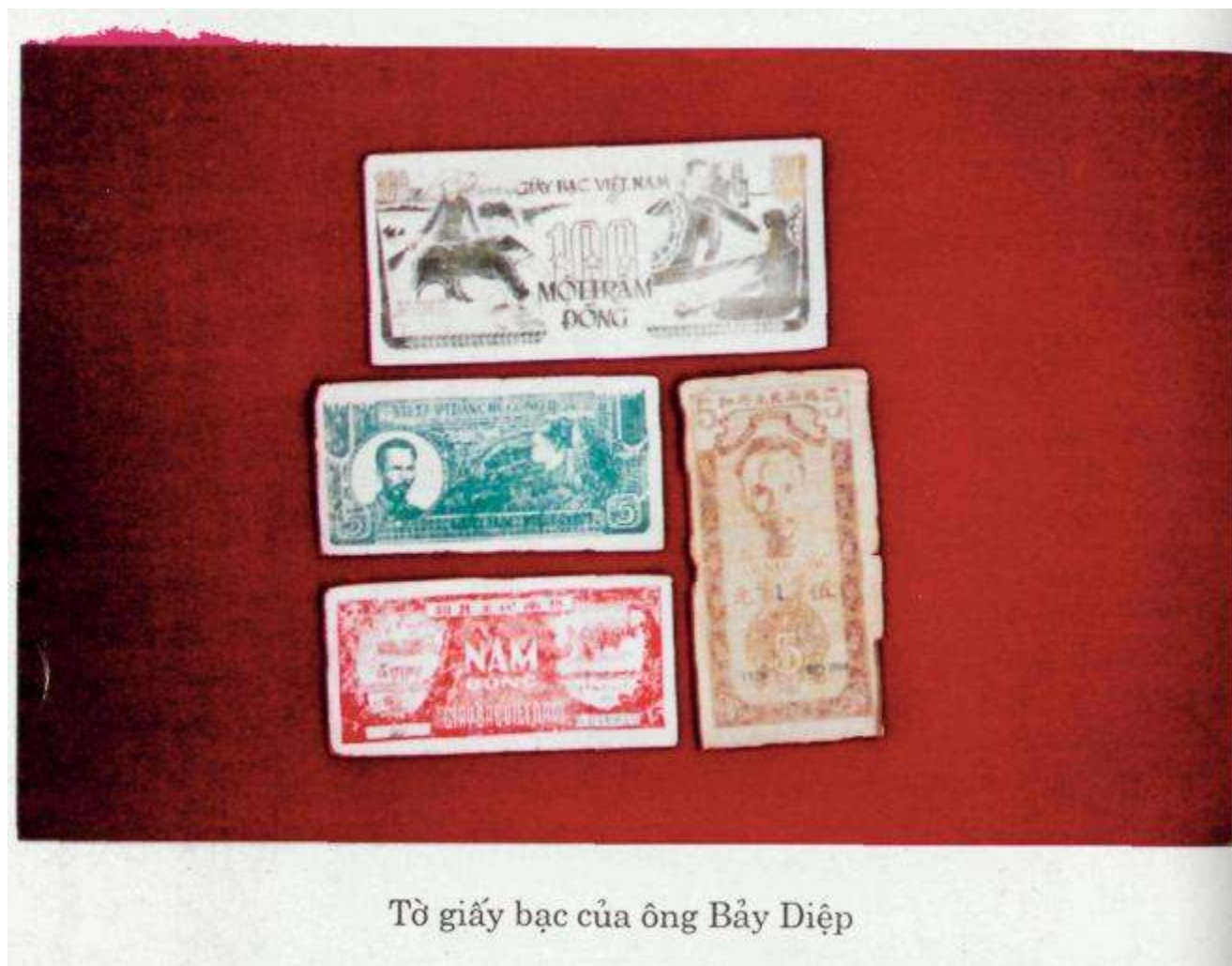
Mỗi lần địch gây tội ác, đảng viên lại xuống cơ sở lãnh đạo nhân dân mang xác những người bị địch giết hại lên đồn địch, đấu tranh chống địch đánh đập, bắn giết đồng bào, chống càn quét và bắt chúng phải bồi thường. “Đội quân tóc dài” của các mẹ, các chị còn khôn khéo kêu gọi binh lính ngụy chống lệnh đi càn quét, đòi trở về quê cũ làm ăn. Nhiều bà mẹ kết hợp đi chợ với rải truyền đơn ngay trong thị xã Quảng Trị. Các mẹ, các chị đi thăm chồng con bị bắt đi lính cũng tuyên truyền kêu gọi họ bỏ hàng ngũ địch, trở về với nhân dân. Nhờ làm tốt công tác binh vận, anh em binh lính đã được cảm hoá còn vẽ sơ đồ, hướng dẫn cho du kích vào đánh đồn. Phong trào cách mạng lôi cuốn nhân dân toàn xã tham gia. Từ cụ già đến em nhỏ đều hăng hái đóng góp công sức cho cách mạng. Cụ ông, cụ bà 60, 70 tuổi, thiếu nhi thi nhau tìm kiếm vũ khí của địch cho đội du kích.

Kết quả trong những năm địch khủng bố gắt gao, chà đi xát lại nhiều lần, dồn dân lập ấp chiến lược, với âm mưu thâm độc “Tát cạn nước để bắt cá”, nhằm thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đảng bộ vẫn bám đất, bám dân, lãnh đạo nhân dân xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng. Trong mọi hoàn cảnh, hình ảnh Bác Hồ luôn rực sáng trong tim mỗi người dân yêu nước xã Hải Lệ, cổ vũ họ vượt lên đau thương để đứng vững. Toàn xã đã đánh 209 trận, diệt 65 xe tăng, bắn rơi 1 máy bay, diệt 5 tên ác ôn ngoan cố.

Tháng 4 năm 1972, xã Hải Lệ được giải phóng. Bức hình Bác Hồ đã được đồng chí Nguyễn Thản, đảng ủy viên đảng bộ xã Hải Lệ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị trao cho đồng chí Nguyễn Bá San - cán bộ sưu tầm của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Bức hình Bác Hồ được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

ĐOÀN THỊ LỢI

TỜ GIẤY BẠC CỦA ÔNG BẢY DIỆP



Ngày 31 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phát hành đồng tiền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày 30 tháng 11 năm 1946 “Giấy bạc Việt Nam” - đồng tiền đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - lưu hành rộng rãi trên cả nước, được nhân dân yêu quý tin tưởng, coi là niềm tự hào dân tộc.

Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam hiện đang trưng bày bốn tờ “Giấy bạc Việt Nam”, trong đó có ba tờ mệnh giá 5 đồng, một tờ mệnh giá 100 đồng phát hành ở miền Nam năm 1946. Trên mặt đồng tiền có in dòng chữ “Giấy bạc Việt Nam”, một mặt in hình Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặt kia mô tả khí thế kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ.

Bốn tờ “Giấy bạc Việt Nam” được ông Bảy Diệp ở ấp An Hòa, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, cất giữ từ năm 1950 đến năm 1975. Khi đất nước hoà bình thống nhất, ông trao lại cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam làm hiện vật trưng bày.

Ông Bảy kể rằng “Giấy bạc Việt Nam” lưu hành chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại đánh chiếm quê hương ông. Chúng cấm sử dụng “Giấy bạc Việt Nam” hồng xóa đi hình ảnh cách mạng, hình ảnh Bác Hồ trong tâm trí nhân dân miền Nam. Chúng tịch thu, thậm chí bắt bớ những người giữ “Giấy bạc Việt Nam”. Bất chấp lệnh cấm của chính quyền thực dân, ông Bảy Diệp vẫn giữ những tờ “Giấy bạc Việt Nam” có hình Bác Hồ trong người làm kỷ niệm, bày tỏ lòng tin của mình với cách mạng, với Bác Hồ, tin ngày cách mạng thắng lợi.

Năm 1954, hòa bình chỉ được ít ngày, Mỹ - Diệm âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Chúng thi chính sách “tố cộng, diệt cộng” tàn khốc ở Bến Tre quê hương ông. Chúng bắt nhân dân ly khai cách mạng, bắt bớ, giam giữ những người đi theo kháng chiến, tịch thu mọi tài liệu liên quan đến cách mạng, nhằm xóa bỏ hình ảnh cách mạng, hình ảnh kháng Chiến trong quần chúng nhân dân. Bất chấp mọi sự nguy hiểm, ông Bảy Diệp bí mật làm giao liên cho cách mạng.

Những năm 1956-1959 sợ kẻ địch bất ngờ khám xét, ông Bảy đem bốn tờ tiền có hình Bác Hồ gói kín vào giấy ni-lon giấu lên ngọn cây dừa trong vườn. Thỉnh thoảng, ông giả vờ trèo lên hái dừa lấy đồng tiền ra ngắm để tự động viên mình vững tin vào Bác Hồ, vào cách mạng. Mỗi lần ngắm hình Bác ông lại nhớ tới miền Bắc và cảm thấy như được tiếp thêm nghị lực, lòng tin đối với cách mạng, ông tự nhủ mình phải cố gắng công tác hơn nữa để cách mạng mau thành công, Nam Bắc mau sum họp.

Khi kẻ địch thực hiện chính sách “tam quang”, đốt phá nhà cửa, chặt cây cối, dồn dân vào ấp chiến lược, ông trèo lên ngọn dừa lấy gói tiền cho vào lọ nút kín, chôn xuống đất. Lúc đầu, ông chôn trong vườn nhà, sau thấy kẻ địch cày ủi, xăm hầm, không yên tâm, đêm tối ông đào gói tiền lên chôn cạnh bờ ao. Lâu lâu ông lại thay đổi nơi cất giấu tiền. Từ năm 1959 đến năm 1971 ông Bảy không nhớ nổi mình đã giấu đi, giấu lại tiền bao nhiêu lần. Năm 1972, ông Bảy Diệp bị địch bắt bỏ tù. Mấy năm trong tù, ông luôn luôn giữ vững khí tiết, khiến kẻ địch không moi được tin tức gì về cách mạng. Năm 1975 đất nước thống nhất, ông Bảy Diệp tìm lại bốn tờ “Giấy bạc Việt Nam” có in hình Bác Hồ mà ông đã nâng niu gìn giữ bấy lâu trao tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

“Giấy bạc Việt Nam”, kỷ vật thiêng liêng của ông Bảy Diệp thể hiện tấm lòng son sắt của ông nói riêng và của nhân dân miền Nam nói chung đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu - người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

HỒNG VIỆT

SÚNG NGỰA TRỜI TRONG PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI BẾN TRE



Súng ngựa trời trong phong trào Đồng khởi Bến Tre

Cuối năm 1959, chuẩn bị vũ khí cho đồng khởi, lãnh đạo tỉnh ủy Bến Tre gồm các đồng chí Hai Thủy, Ba Đào, Ba Định giao nhiệm vụ cho đồng chí Sáu Huân - cán bộ huyện Thanh Phú và đồng chí Ba Thành - cán bộ công đoàn vận tải thành phố Sài Gòn (nguyên là giám đốc công binh xưởng miền Tây thời kỳ kháng chiến chống Pháp) - tổ chức sản xuất vũ khí để sát thương và tiêu diệt địch.

Lúc này, đồng chí Ba Thành chỉ có một túi đồ nghề: chiếc quạt lò rèn, chiếc kìm, chiếc búa. Đồng chí Ba Thành tuyển Hai Dược tới phụ việc. Sau đó tỉnh ủy bổ sung các đồng chí Mười Xích, Đoang, Sự, Ba Tam và cấp một ít tiền cho tổ quân giới.

Tổ quân giới mua một vài thứ nguyên liệu cần thiết, xin dân ống nước, chế tạo loại vũ khí gọi là “vũ khí nhân dân”. Vũ khí này có nòng bằng ống nước, đường kính nòng 30 - 70mm, dài 400 - 800mm, đáy nòng hàn kín hoặc đập bẹp. Gần đáy nòng có một lỗ khoan nhỏ để lắp cò. Cò nối với dây giật. Khi giật, cò mổ vào hạt nổ viên đạn các bin để viên đạn tác động vào thuốc nổ, tạo tiếng nổ lớn và áp suất cao, phóng đi những mảnh gang, sắt vụn, bi xe đạp, mảnh chai... (đôi khi được ngâm nước tiêu, nọc rắn) về phía trước khoảng 130-150m. Sau khi bắn thử thành công, tỉnh ủy cho sản xuất hàng loạt. Lúc đầu súng được hàn hai chân, sau hàn bốn chân, hình dáng hao hao giống con bộ ngựa, dân gọi nôm là “súng ngựa trời”. Cách thức sản xuất “súng ngựa trời” của tỉnh Bến

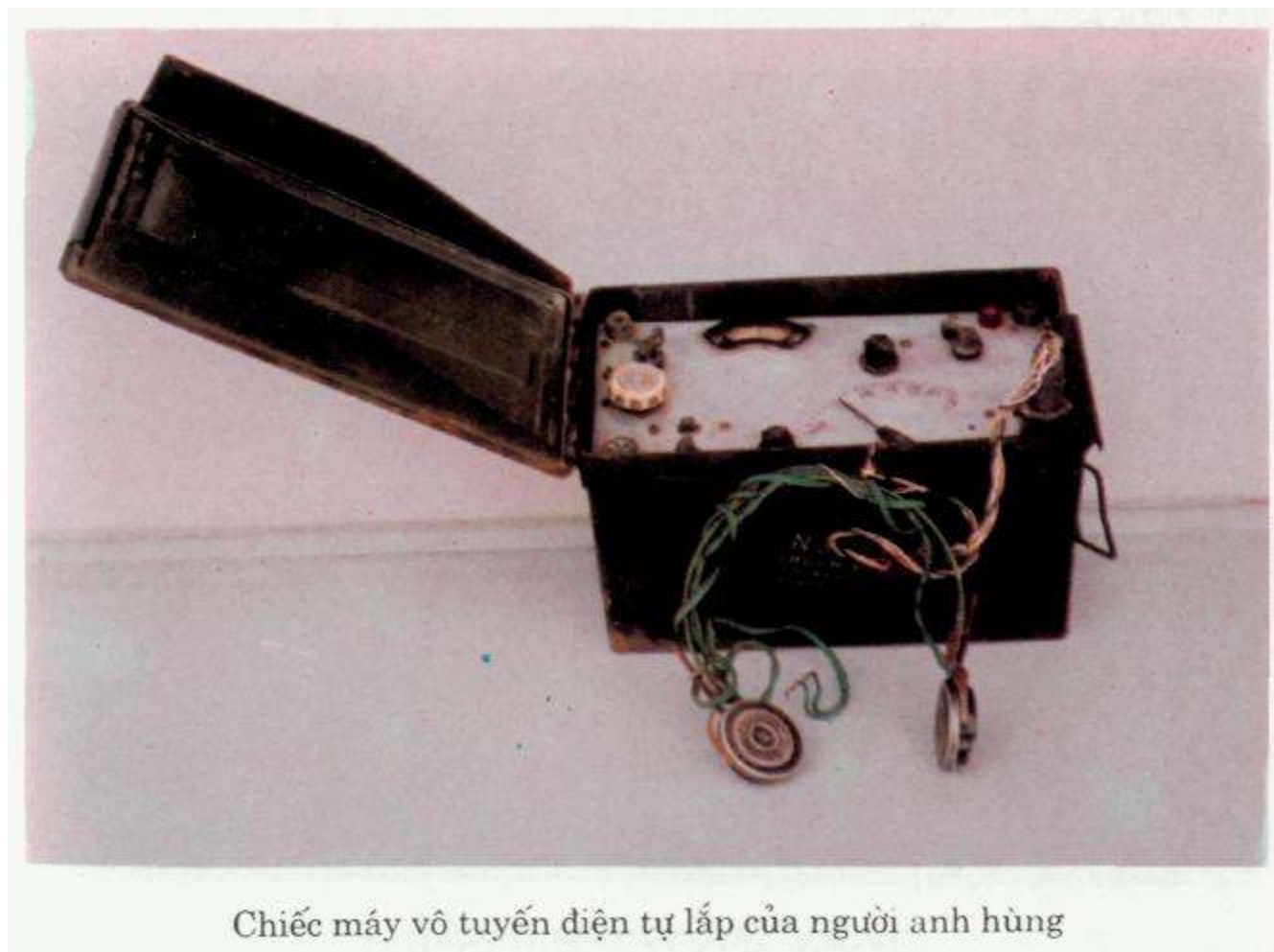
Tre được phổ biến ra toàn Nam Bộ. Các tỉnh sản xuất ra nhiều kiểu “súng ngựa trời” dài, ngắn khác nhau.

Cuối tháng 1-1960, lính thủy đánh bộ và lính bảo an ngự đóng ở xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày, Bến Tre bung ra, đi giải toả cho các đồn ở xã Định Thủy, Bình Khánh đang bị bao vây.

Ngày 26-1-1960, tiểu đội vũ trang xã Định Thủy phục kích tại cầu Rạch, cầu ông Bông, bắn chìm chiếc ghe máy chở lính bảo an, diệt 8 tên, thu một súng. Ngày 3-2-1960, đại đội 264 của tỉnh phối hợp với tiểu đội vũ trang xã Bình Khánh chặn đánh địch ở ấp An Thạnh, An Hoà. Trong trận này, lần đầu tiên “súng ngựa trời” xuất hiện, góp phần diệt 10 tên thủy quân lục chiến ngự, làm thất bại cuộc càn của địch. Một trong các khẩu “súng ngựa trời” đó đã trở thành hiện vật của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, mang số đăng ký 6783 K3/1774.

HOÀNG HÀ

CHIẾC MÁY VÔ TUYẾN ĐIỆN TỰ LẮP CỦA NGƯỜI ANH HÙNG



Chiếc máy vô tuyến điện tự lắp của người anh hùng

Bảo tàng Thông tin hiện đang lưu giữ, trưng bày hiện vật mang số đăng ký BTTT 113/K1-113. Đó là chiếc máy vô tuyến điện tự lắp theo kiểu Si-nel của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Trần Việt Hùng.

Nói tới Bến Tre là nói tới quê hương của phong trào đồng khởi, quê hương của nữ tướng Nguyễn Thị Định và “đội quân tóc dài” đã bao lần làm cho kẻ thù khiếp sợ. Quê hương của những người con anh dũng quả cảm, kiên trì bám trụ lập nên nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong chiến công chung ấy của quê hương Bến Tre có những con người ngày đêm âm thầm, lặng lẽ khắc phục muôn vàn khó khăn thiếu thốn, thầm lặng đảm bảo cho mạch máu thông tin thông suốt kịp thời phục vụ cho lãnh đạo chỉ huy trong tỉnh.

Một trong những người đi đầu thể hiện tinh thần khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ là đồng chí Trần Việt Hùng - người con của huyện Mỏ Cày - một vùng đất giàu truyền thống cách mạng.

Trần Việt Hùng tham gia cách mạng và làm giao thông liên lạc từ rất sớm, ngay từ năm 16 tuổi anh đã tham gia công tác thông tin của tỉnh ủy Bến Tre. Từ năm 1965 Trần Việt Hùng được điều sang công tác tại tỉnh đội, trực tiếp phụ trách thông tin của tỉnh đội Bến Tre. Đứng trước tình hình địa bàn Bến Tre là một tỉnh đồng bằng, trũng thấp, sông ngòi chằng chịt, địch thường xuyên đánh phá ác liệt. Nhất là sau những ngày thất bại nặng nề năm 1968, địch bắt đầu mở nhiều chiến dịch “Bình định” hết sức khốc liệt. Việc liên lạc bằng hữu tuyến, hoặc thông tin vận động là rất khó khăn, địch rất dễ phát hiện. Hệ thống thông tin vô tuyến điện đã thiếu, nay do địch khủng bố gắt gao nên lại càng thiếu thốn hơn. Vì vậy, ngay từ khi được giao nhiệm vụ phụ trách thông tin, đồng chí đã bắt tay ngay vào xây dựng mạng thông tin vô tuyến điện, chủ yếu phục vụ từ Sở chỉ huy tới 6 huyện, 2 tiểu đoàn và 1 trung đoàn chủ lực của tỉnh.

Trong điều kiện khó khăn đó, Trần Việt Hùng đã khởi xướng, phát động bộ đội thông tin của tỉnh đội phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tự học tập, nghiên cứu tìm tòi, tận dụng các linh kiện thu được của địch để chế tạo ra những chiếc máy vô tuyến điện đơn giản, gọn nhẹ, cơ động phù hợp với điều kiện thực tế của chiến trường. Với trách nhiệm là người phụ trách hệ thống thông tin của tỉnh đội, Trần Việt Hùng là người đi đầu, ngày đêm suy nghĩ phải làm sao nhanh chóng có đủ máy thông tin phục vụ cho chiến đấu. Vượt lên căn bệnh viêm thận vẫn hành hạ anh ngày đêm, sức khỏe suy giảm, có lúc tưởng như không qua khỏi. Trần Việt Hùng vẫn quyết định phải lắp ráp bằng được máy vô tuyến điện. Bằng kinh nghiệm của nhiều năm làm thông tin liên lạc bên tỉnh ủy cộng với sự cần cù, mày mò tự học, sau nhiều lần suy nghĩ và tranh thủ sự góp ý của anh em trong tổ thông tin, anh cùng anh em trong tổ tìm kiếm, thu gom các linh kiện từ chiếc máy thu thanh chiến lợi phẩm, máy vô tuyến điện bị hỏng thu được của địch, rồi từ những sợi dây mìn Mỹ bỏ lại, những máy dò tiếng động địch thả xuống vùng giải phóng để thu lượm tin tức, chỉ đường cho máy bay đánh phá, hay những ống pháo sáng, thùng đựng đạn đại liên... cũng được Trần Việt Hùng và anh em mang về dùng cho việc lắp ráp máy vô tuyến điện, theo sơ đồ máy thu phát Si-nel dùng đèn điện tử và bán dẫn. Sau nhiều lần làm đi làm lại, chỉnh sửa, cải tiến, chiếc máy vô tuyến điện kiểu Si-nel đã ra đời. Đây là chiếc máy vô tuyến điện chạy ở 2 băng tần: băng 1 từ 6.500 - 45.000 kHz; băng 2 từ 4.900 - 3.800 kHz; thu phát chung 1 ăng-ten. Các đèn điện tử và đèn bán dẫn được lấy từ máy PRC-10, PRC-25. Các tụ điện, điện trở và cuộn cảm lấy trong máy thu thanh, máy thu tiếng động chiến lợi phẩm. Ăng-ten được dùng bằng dây mìn Clây-mo, sườn máy làm bằng ống pháo sáng.

Các linh kiện khác từ lỗ cắm, đảo mạnh, công tắc, rơ-le... đều được Trần Việt Hùng tận dụng từ các máy thông tin cũ hỏng thu được của địch. Ngoài ra, để máy được chắc chắn phù hợp với hoàn cảnh của chiến trường, máy được thiết kế đặt trong thùng đạn đại liên, vậy mà vẫn làm việc tốt ở cự ly 150-200km. Có lúc máy đã được dùng để liên lạc từ căn cứ chỉ huy tỉnh đội đóng tại xã Lương Phú, Bến Tre đến Quân ủy Miền ở Salon - Campuchia.

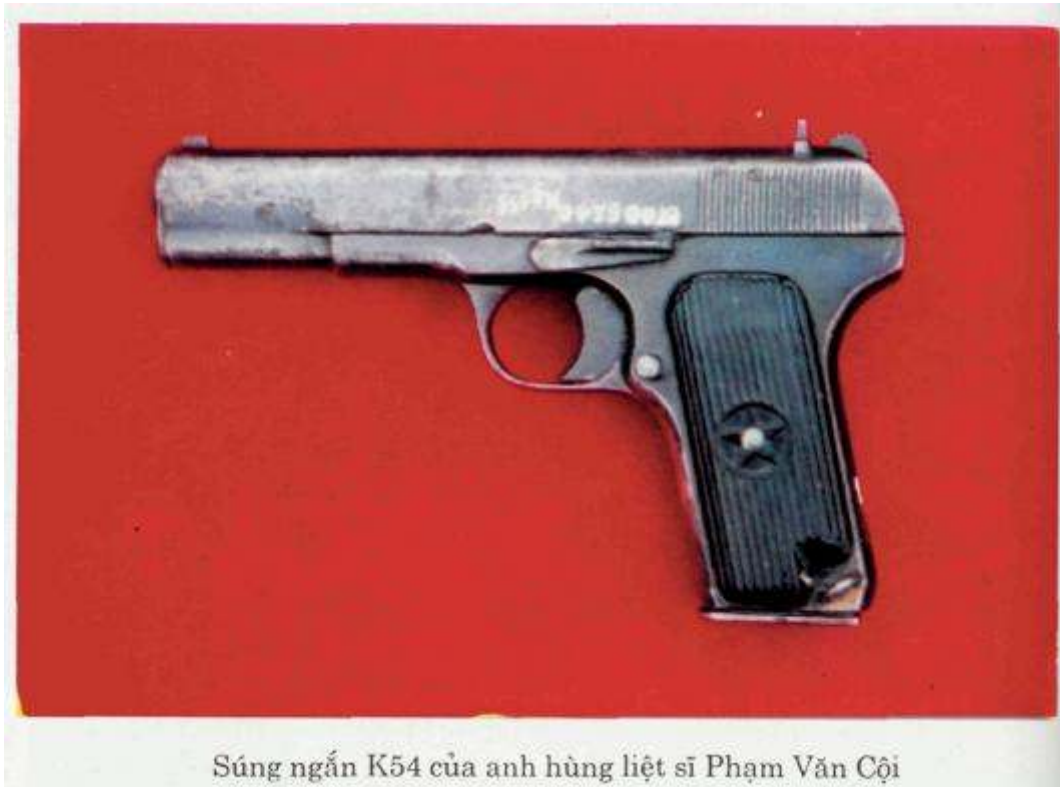
Sau nhiều phiên liên lạc, hiệu quả của máy Si-nel được khẳng định. Trần Việt Hùng cùng anh em trong tổ lắp ráp thêm 18 bộ nữa để phục vụ cho các đơn vị, cơ quan trong tỉnh giữ vững thông tin liên lạc. Các chiến sĩ báo vụ ở các đơn vị chiến đấu của tỉnh đội đã trực tiếp thu phát hàng chục ngàn bức điện chính xác, kịp thời phục vụ các đơn vị chỉ huy đánh địch trong suốt những năm chiến đấu ác liệt, từ 1968 đến 1975.

Trần Việt Hùng, người con của quê hương đồng khởi là tấm gương sáng về tinh thần vượt khó, phát huy trí sáng tạo tận dụng khí tài của địch để đánh địch, tiêu biểu cho ý chí tự lực tự cường của người chiến sĩ thông tin. Đồng chí đã được tặng 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, 20 bằng khen, giấy khen, 4 lần là chiến sĩ thi đua, 4 lần đạt danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, đồng chí được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

QUÁCH NGỌC PHONG

**SÚNG NGẮN K54
CỦA ANH HÙNG LIỆT SĨ PHẠM VĂN CỘI**



Khẩu súng ngắn K54, số 14049628, hiện vật gốc của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam có số đăng ký: 5405/K3.1354, gắn liền với tên tuổi người anh hùng Phạm Văn Cội, nổi danh với những trận đánh hay, đạt hiệu suất cao trong thời kỳ đầu chống Mỹ.

Anh Phạm Văn Cội sinh năm 1940 tại ấp Bầu Cạp, xã Nhuận Đức, quận Củ Chi, tỉnh Gia Định, nay là xã Đức Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, bố mẹ anh sinh được ba người con, một gái, hai trai. Bố và chị gái của anh đã bị địch giết chết trong một trận càn, khi đang chở xe bò thuê. Từ đó anh phải đi ở đợ để kiếm miếng cơm, manh áo, giúp đỡ mẹ trong lúc bần hàn. Năm 1960, khi anh 20 tuổi cũng là lúc phong trào đồng khởi ở quê hương sục sôi như nước vỡ bờ. Được đoàn thể giác ngộ, anh thôi việc cạo mủ cao su ở đồn điền, trở về xã xung phong vào đội tự vệ mật. Khi đội du kích xã phục hồi, cả hai anh em Phạm Văn Cội đều tham gia. Năm 1961, với cương vị là tiểu đội trưởng du kích, anh đã dẫn đội du kích đi săn bọn giặc tập nhảy dù. Bản thân anh đã bắn chết nhiều tên địch bằng súng thô sơ.

Năm 1962, quân chủ lực ngụy bất ngờ càn quét xã Nhuận Đức. Tình thế lúc ấy thật gay go. Lực lượng du kích trong ấp, người đi làm đồng, người đi công tác xa chưa về. Chỉ còn một mình, anh vẫn quyết tâm đánh trả địch. Dựa vào hệ thống địa đạo và công sự chiến đấu liên hoàn, anh vừa bắn trả bọn địch vừa hô anh em xung phong khiến bọn địch tưởng quân ta đông. Một mình anh cơ động, lúc ẩn, lúc hiện, mưu trí, dũng cảm diệt 5 tên địch bằng cả súng trường và lựu đạn, buộc chúng phải bỏ dở trận càn.

Năm 1963, lần đầu tiên địch dùng xe M113 yểm trợ cho quân ngụy hành quân càn quét xã Nhuận Đức. Trận này cũng chỉ có anh và một đồng chí nữa. Bằng vũ khí tự tạo, các anh đã mưu trí dùng cảm chiến đấu, dùng lựu đạn diệt 1 xe thiết giáp M113 và nhiều tên địch, buộc chúng phải rút lui.

Các trận đánh của anh không chỉ đạt hiệu suất cao mà quan trọng hơn là tạo được niềm tin cho anh em du kích. Từ thực tiễn chiến đấu, đội du kích xã Nhuận Đức - Củ Chi đã rút ra được 10 kinh nghiệm đánh Mỹ: Một người cũng đánh được Mỹ. Vũ khí nào cũng diệt được địch. Đánh địch bất kể điều kiện thời gian nào, dù lực lượng chúng ra sao...

Trưởng thành trong chiến đấu, anh được kết nạp vào đảng, được cấp trên tin nhiệm cử giữ chức từ ấp đội trưởng, xã đội phó đến xã đội trưởng, trực tiếp phụ trách đội du kích tập trung.

Càng thất bại nặng nề, bọn địch càng điên cuồng càn quét căn cứ cách mạng Củ Chi. Chúng đã biến Củ Chi thành vùng trắng, một căn cứ quân sự để che chở cho Sài Gòn. Trong một trận chiến đấu không cân sức để bảo vệ vành đai diệt Mỹ, người em của Phạm Văn Cội đã anh dũng hy sinh. Nợ nước, thù nhà nung nấu tâm can anh, mài sắc ý chí và nghị lực của anh, khiến cho anh ngày càng nghĩ ra nhiều cách đánh địch phong phú, sáng tạo. Càng căm thù giặc anh càng say sưa đánh giặc bất kể ngày đêm. Cứ có cơ hội là anh nghĩ ra cách tổ chức diệt giặc đạt hiệu suất cao nhất. Thực hiện khẩu hiệu “Ba bám”. Anh và đồng đội đã “năm thất lưng địch” mà đánh, làm cho địch bị thiệt hại nặng nề. Ngay cả khi vết thương chưa lành hẳn, anh vẫn nén đau, hàng ngày đi nghiên cứu địa hình, củng cố làng xã chiến đấu, rèn luyện thêm về kỹ thuật quân sự cho anh em du kích, xây dựng cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu, đã ra quân là đánh thắng.

Ngày 8 tháng 1 năm 1966, đế quốc Mỹ mở cuộc phản công lớn mang mật danh “năm mũi tên” hòng gỡ thế thất bại trong năm 1965, trong đó có “mũi tên” mang mật danh “cái bẫy” đánh vào Củ Chi. Lực lượng địch lên đến 12.000 tên, 200 máy bay, 600 xe quân sự, 2 tiểu đoàn pháo. Suốt 8 ngày đêm, Phạm Văn Cội đã chỉ huy anh em du kích xã Nhuận Đức ngoan cường bám đánh địch, diệt 111 tên, bắn rơi và phá huỷ 7 máy bay lên thẳng, 1 máy bay khu trục, nhiều xe cơ giới, góp phần cùng chiến thắng chung của quân dân huyện Củ Chi bẻ gãy trận càn quét khốc liệt của địch, diệt 1.700 tên, bắn cháy 84 máy bay, 56 xe quân sự.

Không chỉ đánh giặc giỏi, anh còn có tài chế tạo ra được nhiều loại vũ khí diệt địch. Trong những năm đội du kích mới được phục hồi, vũ khí đánh giặc vô cùng thiếu thốn, anh đã mày mò chế tạo ra chông đinh, cung tên để diệt địch. Đặc biệt anh còn chế tạo ra một loại vũ khí rất lợi hại đó là mìn phóng lựu đạn. Qua nhiều lần thử nghiệm, lần đầu ra quân, sử dụng vũ khí mới, chỉ một mìn phóng, anh đã diệt 56 tên Mỹ tại trận. Anh cũng là người chỉ huy tài giỏi. Tháng 2-1966, anh đã năm lần chỉ huy anh em đi tập kích bọn Mỹ, chặn đánh xe cơ giới của địch càn vào xã, riêng anh diệt tới 6 xe bọc thép, hàng chục tên địch, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng.

Tháng 4 năm 1966, anh dẫn đầu anh em du kích vượt rào gai, bãi mìn lọt vào căn cứ Mỹ ở Đồng Dù, gài mìn diệt 2 xe cơ giới của địch, đồng thời còn gỡ mìn của địch mang về đánh lại địch.

Tháng 9 năm 1966, suốt 12 ngày địch càn quét bao vây mọi ngã đường vào xã Nhuận Đức. Trời lại mưa dầm dề, địa đạo sụt lở, trong ổ chiến đấu không có nắp, chỉ còn anh cùng một chiến sĩ quần nhau với giặc. Nhìn đồng đội thương vong nhiều, lòng anh đau đớn. Anh thề quyết tử chặn địch để bảo vệ thương binh. Hai chiếc xe M118 của địch bị trúng mìn của du kích nằm đó, nhưng các xe

bọc thép khác vẫn gầm rú bao vây. Thấy lực lượng ta còn ít, bọn địch hò nhau định bắt sống anh. Anh và đồng đội vẫn bình tĩnh chiến đấu, diệt 25 tên khiến bọn địch chùn tay, bỏ dở cuộc càn.

Đặc biệt, cách đánh xe cơ giới của anh cũng rất độc đáo. Ngoài việc dùng mìn để diệt xe, anh còn phục kích dọc đường, đón chiếc xe cuối cùng đi càn về, hay đi tiếp viện, dùng lựu đạn tung lọt vào xe để phá. Có lần trên đường đi chuẩn bị trận đánh, anh bất ngờ gặp địch. Bị truy đuổi gắt gao, đạn địch bắn theo như mưa, chạy được một đoạn anh giả vờ bị trúng đạn ngã xuống. Bọn địch tưởng anh đã chết, hí hửng xông lại. Trong khi đó anh đã gài xong trái lựu đạn ngay chỗ anh nằm. Địch xông tới, anh chồm dậy chạy tiếp. Bọn địch tới nơi thì trái lựu đạn nổ tung làm chết mấy tên. Ba lần như vậy, địch khiếp sợ không dám đuổi theo anh nữa.

Trong một trận chống càn vào mùa khô năm 1967, Phạm Văn Cội chỉ huy đội du kích phối hợp với đơn vị chủ lực chiến đấu bẻ gãy cuộc càn của bộ binh và xe tăng địch. Sau trận đánh, Phạm Văn Cội đi kiểm tra trận địa, giữa đường gặp địch phục kích. Anh đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh. Lúc anh hy sinh cũng là lúc giấy triệu tập anh đi dự Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn Miền về tới xã. Trước đó, trong Đại hội mừng công của Quân khu 7, anh đã được bầu là kiện tướng diệt Mỹ, diệt xe cơ giới, lá cờ đầu phong trào thi đua diệt Mỹ của đất thép Củ Chi. Anh còn được biểu dương là tấm gương tiêu biểu về tự tạo vũ khí đánh địch, đạt hiệu suất cao, là người đội trưởng du kích mẫu mực, được đồng đội và nhân dân thương yêu, tin tưởng.

Tin anh hy sinh bay nhanh như một luồng gió, gây xúc động sâu sắc cho gia đình, đồng đội, bà con làng xóm và các đại biểu dự Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua toàn Miền. Ngày 17 tháng 9 năm 1967, Phạm Văn Cội đã được ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì và danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Khẩu súng ngắn K54 - kỷ vật thân thiết đã gắn với cuộc đời chiến đấu hy sinh cao cả của anh - đã được đồng chí Lâm Văn Bằng - xã đội trưởng xã Nhuận Đức, Củ Chi trao cho đồng chí Phạm Văn Cận - cán bộ sưu tầm của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam ngày 27 tháng 12 năm 1973.

Khẩu súng ngắn của Phạm Văn Cội được trưng bày trang trọng cùng phần trưng bày giới thiệu về địa đạo Củ Chi - mảnh đất anh hùng với những con người gang thép như Phạm Văn Cội. Anh như vẫn còn đó khi nhận lá cờ “Đất thép thành đồng” do khu Sài Gòn - Gia Định tặng đội du kích xã Nhuận Đức, Củ Chi tháng 11 năm 1966. Trong tấm ảnh lịch sử, Phạm Văn Cội trẻ mãi tuổi đôi mươi với khuôn mặt thông minh và nụ cười dễ mến. Đã 37 năm kể từ ngày anh hy sinh nhưng tên tuổi của anh còn sống mãi với non sông, đất nước.

ĐOÀN THỊ LỢI

MẢNH DÙ CỦA MÁ QUẾ



“Má ơi, Con đói!”, “má ơi, con muốn về nhà”, “má ơi, tìm ba về cho con!”... Những lời con trẻ như muối xát vào lòng trong lúc người mẹ cố thu xếp chỗ ngủ cho con. Chẳng có giường, chẳng có chiếu, má lót tạm cho con mảnh dù pháo sáng, ru cho con ngủ, dẫn đứa lớn trông đứa bé để đi nhận nhiệm vụ. Ngày mai đi chợ Miếu Bông, má sẽ mua thêm thuốc, đường sữa cho thương binh. Dưới Điện Phước địch càn quét, đồn dân dữ quá, má cùng bà con chạy lên Điện Thọ, sống chết với anh em. Việc gì đoàn thể giao cho má cũng hoàn thành: vớt chồng, mua đồ tiếp tế, phục vụ du kích chiến đấu, vận động binh lính địch, đi đấu tranh chính trị... Đó là mẹ Việt Nam anh hùng Đinh Thị Quế ở xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Má sinh năm 1928, nhưng đau thương mất mát đã làm má già hơn đến chục tuổi.

Tháng 5-1966, khi chồng má - ông Lê Trầm - hy sinh, má Quế mới 38 tuổi, có 6 đứa con, đứa nhỏ nhất mới 7 tháng tuổi. Vậy mà, người mẹ ấy đã thay chồng gánh vác công việc gia đình, xã hội, làm tiếp công tác của chồng. Năm 1969, má được kết nạp Đảng. Những người con lớn của má Quế chưa đến tuổi trưởng thành đã xin má cho đi bộ đội, du kích, để trả thù cho cha, cho bác (anh chồng má là ông Lê Văn Sâm, hy sinh ngày 27-5-1948) và góp phần giải phóng quê hương, Ba người con lớn của má đã ngã xuống khi tuổi đời còn rất trẻ.

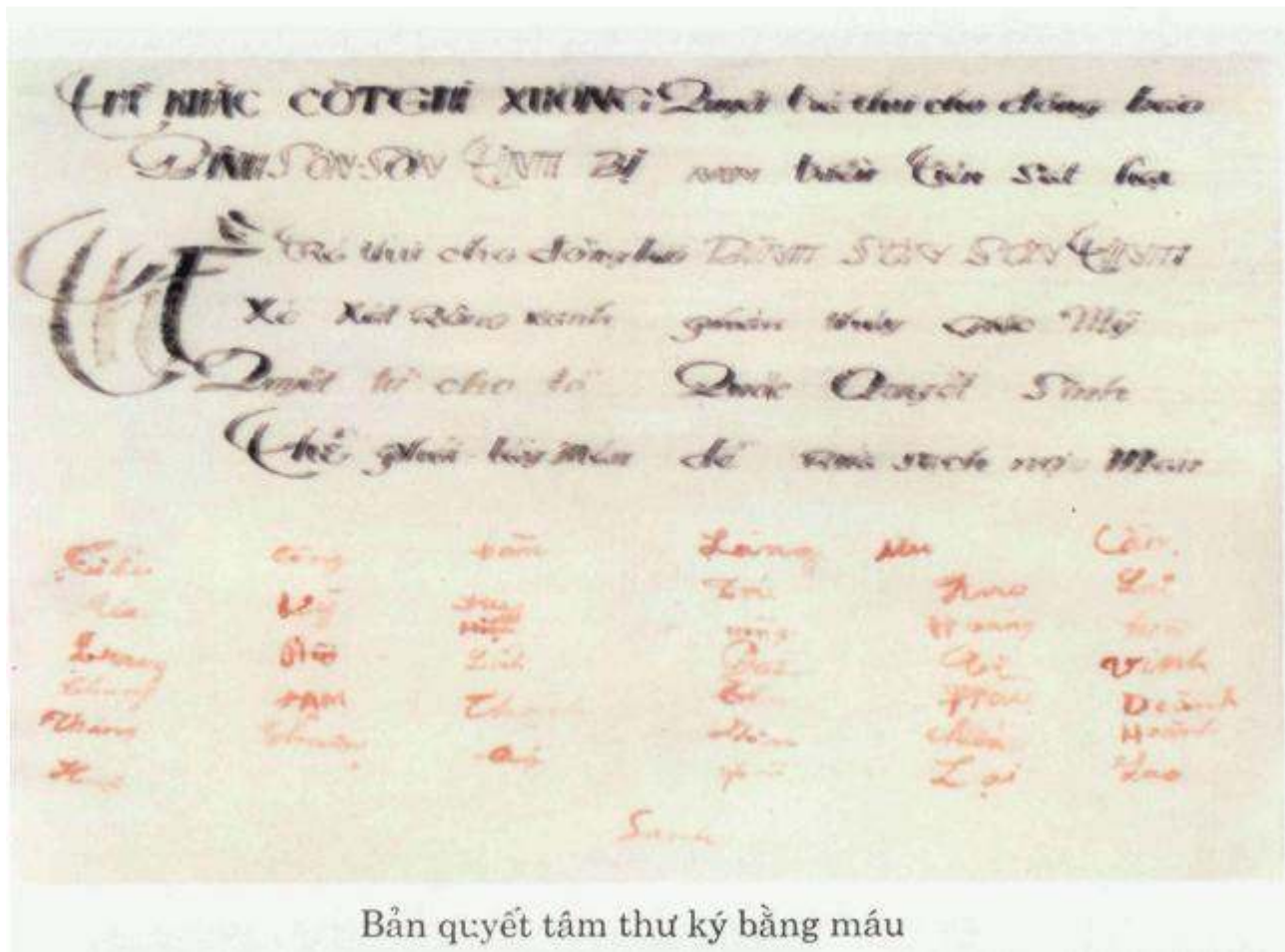
Má hiện ở với người con trai út tên là Lê Thanh Tịnh, làm việc tại ủy ban nhân dân xã. Ngay khi cuộc chiến đấu còn đang diễn ra ác liệt, tổ chức đã quyết định đưa Tịnh ra Bắc học tập để tạo điều kiện cho má Quế công tác thuận lợi và cố gắng giữ lại cho gia đình cách mạng một người con nối dõi. Đây là nguồn động viên, an ủi lớn nhất đối với má Quế và gia đình.

Hiện nay má vẫn còn nỗi đau, gánh nặng kéo dài là hai người con bệnh tật do di chứng của chất độc hoá học. Người con gái do bệnh rất nặng, má đã gửi điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh, việc đi lại thăm nom rất vất vả, tốn kém. Mặc dù vậy má Quế vẫn không hề phàn nàn, ca thán. Má như hình ảnh những cây ngô má đang vun xới trong vườn. Tầm thân gầy guộc vẫn đứng thẳng trong mưa nắng, bão dông, chắt chiu từng ngày, từng giờ nuôi trái bắp mỗi ngày mỗi lớn.

Má Quế đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương Độc lập hạng Nhất và huy chương Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Mạnh dù pháo sáng năm nào má dùng để lót cho con nằm trong lúc đi hoạt động cách mạng, nay được các cán bộ Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam sưu tầm về và trưng bày trang trọng tại chuyên đề Bà mẹ Việt Nam anh hùng, với số đăng ký hiện vật: DT/B.1400.

NGUYỄN THỊ LÂM HÀ

BẢN QUYẾT TÂM THƯ KÝ BẰNG MÁU



Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đơn phương” và chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã lộ rõ bộ mặt xâm lược. Đầu tháng 3 năm 1965, chúng ồ ạt đưa hàng chục vạn quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” với biện pháp

chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”.

Trên chiến trường Quảng Ngãi cuối năm 1966 đầu năm 1967, những đơn vị tinh nhuệ nhất của Mỹ và quân chư hầu đánh thuê cho Mỹ đã có mặt. Ngày 28 tháng 8 năm 1966, lữ đoàn lính thủy đánh bộ Nam Triều Tiên mang tên Rồng Xanh - đơn vị đánh thuê khét tiếng tàn ác, man rợ đến đóng quân ở hai huyện Bồng Sơn và Sơn Tịnh. Ngoài ra, còn có các đơn vị của Mỹ như trung đoàn 7, hai tiểu đoàn của trung đoàn 9 và lữ dù nhẹ 196. Số quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ ở Quảng Ngãi lên tới 12 nghìn tên, tăng gấp sáu lần so với năm 1965, riêng ở huyện Bồng Sơn trung bình cứ tám người dân có một tên lính.

Quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên càn quét vào các vùng giải phóng của ta ở các huyện Nghĩa Hành, Ba Tơ, Đức Phổ, chúng vây bắt, dồn dân vào các trại tập trung. Chúng đốt phá làng mạc, gây ra nhiều vụ thảm sát ở hai huyện Bồng Sơn và Sơn Tịnh. Ngày 5 và ngày 6 tháng 10 năm 1966, bọn lính thuộc lữ đoàn Rồng Xanh đã tàn sát đẫm máu, man rợ tại xã Bình Hoà, huyện Bình Sơn. Ngay từ sáng sớm ngày 5-10, pháo binh của chúng đóng ở xã Bình Liên nã đạn dồn dập vào các thôn Nam Yên, An Phước, Lạc Sơn của xã Bình Hoà. Dứt tiếng pháo, hàng chục chiếc máy bay trực thăng CH47 chở quân đổ bộ xuống các cánh đồng ven xã. Chúng như những bầy thú dữ, tay cầm súng chia thành nhiều hướng tràn vào trong xóm, bắt người già, trẻ em, phụ nữ tập trung thành từng cụm rồi đẩy họ xuống các hố bom, dùng súng bắn xối xả giết hại hơn 400 người, chúng còn hãm hiếp phụ nữ, dùng dao mổ bụng moi gan, phanh thây, bêu đầu trên cọc, vứt người già xuống giếng, hàng trăm nóc nhà bị đốt phá, hàng nghìn con trâu bò bị giết hại... đau thương tang tóc bao trùm toàn xã.

Cuộc tàn sát đẫm máu nhân dân xã Bình Hoà của lữ đoàn “Rồng Xanh” Nam Triều Tiên đã gây làn sóng căm phẫn cao độ trong lực lượng vũ trang và nhân dân cả nước. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã kịp thời mở đợt sinh hoạt chính trị rộng khắp trong toàn tỉnh, động viên cán bộ, đảng viên lực lượng vũ trang và nhân dân giữ vững khí tiết cách mạng, đồng thời phát động phong trào thi đua nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ và bẻ lũ tay sai, “Xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ”, “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, “Nợ máu phải trả bằng máu”.

Đại đội thông tin liên lạc tỉnh Quảng Ngãi cuối năm 1966 đứng chân trên địa bàn gần huyện Đức Phổ, có nhiệm vụ đảm bảo thông tin thông suốt từ tỉnh đội đến các đơn vị trong tỉnh, các trận đánh của bộ đội địa phương cũng như phối hợp với chủ lực quân khu. Hưởng ứng đợt phát động căm thù giặc của tỉnh ủy, đơn vị đã lập bản quyết tâm. Đồng chí đại đội trưởng Lê Ngọc Sanh phân công phân đội thông tin máy 2W chuẩn bị văn bản. Nội dung của bản quyết tâm: “Thẻ khắc cốt ghi xương, quyết trả thù cho đồng bào Bồng Sơn, Sơn Tịnh bị quân Nam Triều Tiên sát hại. Thẻ trả thù cho đồng bào Bồng Sơn, Sơn Tịnh. Thẻ xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ. Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Thẻ phải lấy máu để rửa sạch nợ máu”.

Phân ký tên mỗi đồng chí trong đơn vị đều tự chích máu mình để viết tên. Có 6 phân đội, đồng chí Lê Ngọc Sanh ký sau cùng.

Phân đội hữu tuyến điện 1 gồm các đồng chí: Tiến, Đình Tía - sau này được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Trang, Chung, Thắng, Huệ.

Phân đội hữu tuyến điện 2: Long, Thi, Hồng, Đài, Thu, Sơn, Hải.

Phân đội máy 15W: Công, Tuỳ, Đại, Đạm, Thuần.

Phân đội máy 2W: Cầm, Sĩ, Vinh, Doanh, Hoàn, Sao.

Phân đội truyền đạt: Ưu, Tero, Hoàng, Trí, Hảo, Cước, Lai.

Phân đội sửa chữa: Đàm, Huy, Niệm, Thịnh, Giá.

Sau khi đăng ký quyết tâm, đơn vị đã tham gia đánh nhiều trận, tiêu biểu nhất là trận núi Giàng đầu năm 1967. Núi Giàng nằm gần thị trấn Đức Phổ, tỉnh chủ trương tiêu diệt vị trí này trong mùa khô 1966-1967. Tỉnh đội trưởng là đồng chí Hà Thế Tĩnh, chính trị viên tỉnh đội là đồng chí Nguyễn Huy Chương. Lực lượng tham gia chiến đấu gồm hai tiểu đoàn đặc công tỉnh là 506A và 506B. Đại đội thông tin đảm bảo liên lạc thông suốt, từ việc cắt hàng rào, đặt mìn, phát lệnh nổ súng đều dùng điện thoại. Sau khi nổ súng thì dùng máy 2W để liên lạc chỉ huy trận đánh. Trận này ta thắng giòn giã, diệt gọn 2 đại đội bộ binh nguy, 1 trung đội pháo, bộ đội thông tin chỉ bị thương một người.

Năm 1969, tỉnh đội chủ trương tiến công vị trí cầu Dục nằm trên quốc lộ 1. Đại đội thông tin được giao nhiệm vụ đảm bảo thông tin cho trận đánh. Một bất ngờ xảy ra. Khi bộ đội đang hành quân đến vị trí xuất phát thì phát hiện lựu đạn chuẩn bị cho trận đánh chưa lắp kíp. Đồng chí tỉnh đội trưởng rất lo lắng và điện cho đại đội trưởng Lê Ngọc Sanh tìm biện pháp khắc phục đảm bảo giờ nổ súng đúng quy định. Lê Ngọc Sanh dùng mật mã quy ước lệnh cho đơn vị dừng lại quay về tra kíp lựu đạn. Nhờ đảm bảo thông tin kịp thời, bí mật đã giúp cho bộ đội đặc công tỉnh không bị tổn thất, góp phần vào thắng lợi của trận đánh. Sau chiến công này đại đội thông tin liên lạc tỉnh đã được đề nghị tặng huân chương Chiến công.

Còn nhiều trận đánh mà đại đội thông tin Quảng Ngãi đã góp phần vào chiến thắng chung của lực lượng vũ trang tỉnh cũng như quân khu. Trong suốt quá trình chiến đấu từ 1964 đến 1975, đại đội đã được Nhà nước tặng thưởng hai huân chương Chiến công hạng Nhì, một huân chương Chiến công hạng Ba, hai phân đội được tặng thưởng huân chương Chiến công hạng Nhì và Ba, một đồng chí được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Các đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi và Quân khu 5 trong đó có đại đội thông tin liên lạc của tỉnh Quảng Ngãi đã biến đau thương thành hành động cách mạng, trút căm hờn lên nòng súng lưỡi lê, lấy máu mình để lập bản quyết tâm, quyết trả thù cho đồng bào mình bị hại. Bản đăng ký quyết tâm của đại đội thông tin liên lạc tỉnh Quảng Ngãi là hiện vật quý của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam mang số đăng ký 6235/Gi 1168, đã góp phần vào việc giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

NGUYỄN TIẾN DŨNG

TÚI ĐỰNG CƠM VẮT CỦA BÙI NGỌC ĐỦ



Túi đựng cơm vắt của Bùi Ngọc Đủ

Tháng 2-1967, Mỹ - ngụy đưa sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ và hai chiến đoàn ngụy ra phía Tây và Bắc Quảng Trị, xây dựng hệ thống cứ điểm gồm những công sự vững chắc, trong đó có căn cứ hỏa lực có bảy pháo đội (40 khẩu 105mm và 8 khẩu 175mm) ở điểm cao 241. Từ căn cứ này, pháo binh địch liên tục bắn phá, tạo một vòng cung hỏa lực từ Đông Hà qua các xã phía Bắc khu phi quân sự đến phía Tây đường số 9. Trung đoàn 84B pháo hỏa tiễn ĐKB được lệnh vượt sông Bến Hải, phối hợp với các phân đội hỏa tiễn H6, cối 120mm, cối 82mm của trung đoàn 164 pháo binh (Quân khu 4) và pháo binh Sư đoàn 324 bộ binh đánh địch.

Theo kế hoạch, trận tập kích hỏa lực vào điểm cao 241 cùng ngày với tiểu đoàn 99 dùng A12 pháo kích sân bay Đà Nẵng (ngày 28-2-1967). Nhưng ngày 27-2, địch cho 7 tiểu đoàn mở cuộc càn Pôtori ở khu vực dự kiến trung đoàn 84B sẽ bố trí trận địa. Ta quyết định tạm hoãn trận đánh để giữ bí mật và bảo toàn lực lượng. Ngày 28-2-1967, tiểu đội vận tải của trung đoàn 84B gồm 10 đồng chí - hầu hết là chiến sĩ mới được bổ sung - do trung đội phó Bùi Ngọc Đủ chỉ huy, được trang bị 4 tiểu liên AK, 3 súng trường CKC với 490 viên đạn, 20 quả lựu đạn - bất ngờ gặp địch ở vùng núi Cù Đình (Cam Lộ, Quảng Trị). Tiểu đội đã anh dũng đánh lui 15 đợt tiến công của 200 tên lính thủy đánh bộ Mỹ, diệt 41 tên, thu 9 súng.

Suốt ngày quần nhau với địch, số cơm vắt dự trữ mang theo cũng đã hết, riêng Bùi Ngọc Đủ còn một nắm cơm và 2/3 bi-đông nước. Sau khi xốc lại đội hình chiến đấu, Bùi Ngọc Đủ chia nắm cơm và nước uống cho từng chiến sĩ để bộ đội tiếp tục trụ vững, bảo vệ đạn và giữ bí mật cho trận đánh

lớn sắp nổ ra. Trong trận đánh ngày 28 tháng 2 năm 1967, Bùi Ngọc Đủ đã tiêu diệt 5 tên Mỹ. Anh được tặng thưởng huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì.

Mười chiến sĩ trong tiểu đội Bùi Ngọc Đủ được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ” đầu tiên trong lực lượng pháo binh dự bị.

Bùi Ngọc Đủ sinh năm 1939, ở thôn Hương Nam, xã Quảng Lộc, Quảng Xương, Thanh Hoá. Trước ngày lên đường vào chiến trường B (chiến trường miền Nam) - cuối năm 1966 - anh đã tự khâu cho mình một chiếc túi đựng cơm vắt, chiếc túi đã theo anh trên khắp các chiến trường, gắn với bao kỷ niệm của cuộc đời quân ngũ. Khi hành quân ròng rã 7 ngày đêm mang đạn tiến công vào cứ điểm Tà Con (1-1967), lúc lại cùng đồng đội nắm cơm hành quân tới vị trí làng Thanh - chân đồi không tên - (ngày 24-2-1967). Chiếc túi đựng cơm vắt của anh hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, có số đăng ký: 3220/B. 555. Túi vải phin trắng, khâu tay, rộng 19cm, dài 28cm, dây rút bằng sợi dù pháo sáng, túi có nhiều vết ố gỉ sắt, mặc dù cũ nhưng vẫn còn lành nguyên.

NGUYỄN THỊ NGỌC LÂM

SÚNG MÁY PHÒNG KHÔNG 14,5mm LẬP CÔNG



Súng máy phòng không 14,5mm lập công

Từ tháng 2 năm 1965, đế quốc Mỹ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Mục tiêu cuộc chiến tranh nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của của miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam. Hàng ngày, hàng triệu tấn bom Mỹ giội xuống những làng xóm Việt Nam thanh bình, giết hại từ cụ già tới em nhỏ. Làng xóm tan hoang, ruộng đồng ngổn ngang những hố bom. Lòng người Việt Nam sôi sục căm thù. “giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”, đó là đạo lý của phụ nữ Việt Nam từ ngàn xưa.

Vào một ngày đáng ghi nhớ: ngày 19 tháng 5 năm 1965, đúng ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu, 14 chị em dân quân xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hoá tuổi còn rất trẻ từ 18 đến 20 đã làm lễ thành lập đơn vị phòng không dân quân. Đây chính là đơn vị dân quân gái sử dụng súng máy phòng không 14,5mm đầu tiên được thành lập trên miền Bắc. Súng do Liên Xô sản xuất, viện trợ cho quân đội ta.

Dưới lá cờ Tổ quốc và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, chị em long trọng tuyên hứa: Sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc. Quyết tâm chiến đấu, bắn rơi máy bay Mỹ, bảo vệ bầu trời quê hương thân yêu.

Được các anh bộ đội pháo phòng không huấn luyện sử dụng súng máy phòng không 14,5mm để bắn máy bay tầm thấp, lúc đầu các chị rất lúng túng. Biết bao khó khăn thử thách với những cô gái chỉ quen với công việc đồng áng. Nhưng khó khăn càng nhiều, ý chí, nghị lực càng cao, sau thời gian ngắn, các chị đã lãnh hội được những thao tác cơ bản. Luyện tập say mê không kể thời tiết nắng, mưa, kết thúc khoá huấn luyện, mỗi nữ pháo thủ không chỉ giỏi thao tác số (vị trí) của mình mà còn thành thạo thao tác các số (vị trí) khác trong khẩu đội.

Nhiệm vụ cấp trên giao cho trung đội là chiến đấu với máy bay địch, bảo vệ cầu De, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trên kênh De. Theo yêu cầu chiến đấu, chị em phải cơ động trên phạm vi 7 xã. Mặc dù thường xuyên phải cơ động xa, mang vác nặng nhưng chị em chẳng nề hà, luôn khắc phục khó khăn, sẵn sàng chiến đấu cao.

Chỉ chưa đầy một tháng sau ngày thành lập, các chị đã ra quân đánh thắng trận đầu. Ngày 16 tháng 6 năm 1967, hai máy bay Mỹ đến ném bom, bắn phá đoàn thuyền vận chuyển trên kênh De, thời cơ đã đến, chị em bình tĩnh thao tác đúng các yếu lĩnh đã luyện tập, nổ súng kịp thời bắn rơi 1 máy bay A4 Mỹ, bảo vệ đoàn thuyền an toàn. Đây chính là chiếc máy bay Mỹ đầu tiên do nữ dân quân bắn rơi trên miền Bắc.

Ngày 2 tháng 11 năm 1967, hai chiếc máy bay F4 Mỹ được mệnh danh “Con ma” đến bắn phá cầu De. Phát huy truyền thống ra quân chiến thắng trận đầu, các chị đã lập tiếp chiến công vẻ vang thứ hai, bắn tan xác 1 chiếc.

8 giờ sáng ngày 30 tháng 7 năm 1972, hai chiếc máy bay F4 đến bắn phá cầu De, chiếc đi đầu bỏ nhào, nghi binh, chiếc thứ hai từ hướng khác định lao xuống đánh lén. Chị em không mắc mưu địch, bình tĩnh, bám sát chiếc thứ hai, một điểm xạ dài - ngay lập tức chiếc máy bay bốc cháy, cổ lết ra phía biển, cầu De được bảo vệ an toàn.

Trải qua hai giai đoạn chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, từ 1965-1972, trung đội nữ dân quân Hoa Lộc, Hậu Lộc đã bắn rơi 3 máy bay Mỹ. Không chỉ chiến đấu

giỏi, các chị còn là đơn vị sản xuất giỏi. Tranh thủ thời gian, các chị tích cực tăng gia sản xuất, thu hoạch được 6 tấn khoai, cấy thí điểm giống lúa mới trên vùng đất cát, đạt 5,6 tấn một héc-ta, mở đầu phong trào 5 tấn lúa/ha của huyện Hậu Lộc.

Vừa chiến đấu vừa xây dựng, trung đội đã kết nạp được 10 đảng viên, nội bộ đoàn kết tốt, chị em thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Trung đội đã được thưởng một huân chương Quân công hạng Ba, một huân chương Chiến công hạng Nhất, một huân chương Chiến công hạng Nhì. Bảy năm liền trung đội đạt danh hiệu “Trung đội Quyết thắng”. 14 chị em trong trung đội đều được Bác Hồ thưởng Huy hiệu của Người.

Một vinh dự vô cùng lớn lao đã đến với chị em, ngày 3 tháng 9 năm 1973, trung đội nữ dân quân Hoa Lộc được Nhà nước tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đến Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, khách tham quan có thể thấy tám ảnh ghi lại khoảnh khắc lịch sử: trận chiến đấu ngày 16-6-1967. Trong trận chiến đấu đầu tiên này, các nữ anh hùng của chúng ta làm nên chiến thắng, bắn rơi máy bay Mỹ, lập công đầu dâng lên Đảng, Bác kính yêu. Khẩu súng máy phòng không 14,5mm có số máy ngắm 208054 lập chiến công giờ đây đã thành hiện vật truyền thống, lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, có số đăng ký: 5765/K3. 1469.

ĐOÀN THỊ LỢI

KHẨU PHÁO 85mm CỦA ĐẠI ĐỘI DÂN QUÂN GÁI NGƯ THỦY ANH HÙNG



Khẩu pháo 85mm của đại đội dân quân gái
Ngư Thủy anh hùng

Khi giới thiệu với khách tham quan các hiện vật trưng bày ngoài trời tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, các hướng dẫn viên bảo tàng thường dừng lại khá lâu trước khẩu pháo 85mm đặt bên chân Cột cờ Hà Nội. Nhiều khách tham quan khi nghe giới thiệu lai lịch của khẩu pháo cứ đọc đi

đọc lại dòng chú thích “Một trong những khẩu pháo của đại đội dân quân gái Ngư Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình, Đơn vị anh hùng đã bắn cháy 5 tàu chiến địch năm 1968 và 1972”.

Khẩu pháo có số hiệu 4685 do Liên Xô chế tạo năm 1942, viện trợ cho Việt Nam năm 1956 là một trong bốn khẩu pháo 85mm mà Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình trang bị cho đại đội dân quân gái Ngư Thủy ngày 20 tháng 11 năm 1967.

Khi thành lập, đại đội có 37 chị em, tuổi đời từ 17 đến 25, trình độ học vấn từ lớp bốn đến lớp bảy. Để nắm vững tính năng, kỹ, chiến thuật sử dụng pháo thành thạo, chị em đêm ngày miệt mài bên mâm pháo học tập, thao tác dưới sự hướng dẫn của các sĩ quan pháo binh. Hơn hai tháng huấn luyện gian khổ nhọc nhằn, trận đầu ra quân ngày 7 tháng 2 năm 1968, đơn vị đã lập công xuất sắc bắn cháy tàu chiến Mỹ mang số hiệu 013 xâm phạm vùng biển quê hương. Với chiến công này đại đội dân quân gái Ngư Thủy được công nhận là đơn vị pháo binh dân quân đầu tiên trên miền Bắc bắn cháy tàu chiến Mỹ.

Trong năm 1968, đại đội dân quân gái Ngư Thủy nhiều lần đánh trả đích đáng tàu chiến Mỹ xâm phạm vùng biển, bắn cháy thêm hai tàu chiến Mỹ vào các ngày 27 tháng 3 và 16 tháng 8.

Do có thành tích bắn cháy nhiều tàu chiến Mỹ, ngày 25 tháng 8 năm 1970 đại đội dân quân gái Ngư Thủy được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bản tuyên dương công trạng của đơn vị có đoạn viết “Một tập thể anh dũng tuyệt vời, chiến đấu gan dạ, sử dụng thành thạo pháo, ba lần bắn cháy tàu khu trục Mỹ. Trong bom đạn ác liệt vẫn hiên ngang vững vàng đánh trả tàu chiến, bảo vệ vùng biển, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất. 100% cán bộ, chiến sĩ được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng huy hiệu Hồ Chủ tịch”.

Nhà thơ, cô Bộ trưởng Xuân Thủy khi về thăm Ngư Thủy, cảm kích đã viết tặng các nữ dân quân anh hùng mấy vần thơ như sau:

*“Chiều nay Xuân Thủy thăm Ngư Thủy
Trời biển mênh mông đất Quảng Bình
Giặc Mỹ hay đâu còn cát trắng
Anh hùng toàn những gái xuân xanh”.*

Trong cuộc chiến đấu đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của không quân và hải quân Mỹ năm 1972, đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy lại lập công xuất sắc bắn cháy hai tàu chiến Mỹ vào các ngày 5-5-1972 và 9-6-1972. Chị Nguyễn Thị Loan cán bộ đại đội pháo binh nữ anh hùng gần 30 năm sau vẫn nhớ như in trận chiến đấu đêm 9 tháng 6 năm 1972.

Chị Loan kể: Đêm 9 tháng 6 năm 1972, biển Ngư Thủy lặng gió, cả đại đội sôi nổi, khẩn trương chuẩn bị chiến đấu. Qua thông báo của trên khả năng đêm nay tàu chiến địch lại mò vào căn trộm. Chính trị viên Thời hội ý chỉ huy rút kinh nghiệm các trận đánh trước, phát biểu: Thằng địch gian ngoan dập dờn ở ngoài khơi gây căng thẳng cho mình sau nhiều đêm thức trắng. Bữa nay mình phải cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Tàu địch vô khi nào ta bắn được ngay. Lệnh chuẩn bị chiến đấu được truyền xuống các khẩu đội. Chuông báo động reo vang trong hầm chỉ huy đại đội, chiến sĩ thông tin báo cáo đại đội trưởng tàu địch xuất hiện, phương vị đã được xác định. Kế toán viên Nguyễn Thị Thiệm, Trần Thị Hải nhanh chóng đặt thước đo trên bản đồ xác định tọa độ mục tiêu, phân tử bắn.

Từ đài quan sát, trinh sát Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Sâm báo cáo đã bắt được mục tiêu cách bờ 10km. Ba chiếc tàu chiến địch hiện rõ dần trong ống kính. Phần tử bắn được truyền xuống các khẩu đội. Các khẩu đội báo cáo đã nạp đạn xong. Chỉ huy Trần Thị Hoanh hạ lệnh bắn khi tàu địch vào đúng toạ độ bắn. Cả trận địa gầm lên, mặt đất rung chuyển, đạn rơi đúng toạ độ xác định. Sau mấy phút bất ngờ, tàu chiến địch nổ súng bắn trả, trận địa mịt mù khói đạn. Cả đại đội không ai nao núng. Chiến sĩ nạp đạn Lê Thị Tương lao một lúc hơn một chục viên đạn không thấy mỏi tay. Trần Thị Bình bị mảnh pháo đạn văng vào mặt máu chảy ròng ròng vẫn không rời vị trí pháo thủ số 1. Tàu chiến địch tập trung bắn trả căng hơn. Có quả đạn nổ ngay sát bờ công sự, đạn địch làm đứt dây thông tin, Nguyễn Thị Tuyết lập tức ra nổi lại bảo đảm chỉ huy thông suốt.

Đêm tối, nhiều ánh lửa loé lên từ nòng pháo tàu chiến địch. Trần Thị Hoanh ra lệnh nhằm ánh lửa đầu nòng pháo địch bắn! Đạn pháo ta lại vun vút lao tới phía tàu chiến địch, một cụm lửa dựng lên cao vút sáng rực cả một vùng biển. Một tàu chiến địch trúng đạn bốc cháy. Tàu địch rút chạy, Trận đấu pháo kết thúc. Cả trận địa reo vang. Nhân dân trong xã đổ ra chúc mừng thắng lợi, giúp chị em củng cố lại trận địa.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Tháng 12 năm 1977, đại đội dân quân gái pháo binh Ngư Thủy giải thể. Các nữ dân quân anh hùng trở về với cuộc Sống đời thường trên vùng đất đầy cát trắng nắng gió, nhọc nhằn lo cuộc mưu sinh. 21 năm sau, tháng 7 năm 1998, các nữ dân quân Ngư Thủy anh hùng mới có dịp ra thăm Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, thăm lại khẩu pháo đã cùng các chị lập công xuất sắc bảo vệ vùng biển quê hương.

Cuộc sống của các nữ dân quân Ngư Thủy cũng như của nhân dân trong xã hôm nay vẫn còn nhiều khó khăn thiếu thốn, song họ luôn mong ước xây dựng một đài tưởng niệm tại trận địa năm xưa để nhớ lại một thời oanh liệt và động viên nhau vươn lên xoá nghèo trên vùng đất thương yêu.

TRỊNH HỒNG VIỆT

CHIẾC TÀU PHÁ THỦY LÔI



Một trong số hiện vật trưng bày ngoài trời ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam được nhiều khách tham quan chú ý, đó là chiếc tàu phá thủy lôi. Nhìn nó, khó ai ngờ rằng trông thô sơ, đơn giản là thế mà các loại bom từ trường, thủy lôi hiện đại của Mỹ chế tạo đều bị phá tung.

Trong hai cuộc chiến tranh phá hoại đánh phá miền Bắc Việt Nam, đế quốc Mỹ tiến hành phong tỏa các cửa sông, cảng biển. Chúng đã sử dụng các loại thủy lôi, bom từ trường rải khắp các tuyến sông, cửa biển hòng phá hoại tàu thuyền, ngăn cản việc vận chuyển của ta. Hải quân nhân dân Việt Nam đã chủ động phối hợp hiệp đồng với các lực lượng phòng không của quân và dân miền Bắc, chiến đấu kiên cường góp phần bắn rơi 4.081 máy bay Mỹ, rà phá thủy lôi, bom đạn của địch trên các sông, cảng, cửa biển làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ. Trong chiến tranh ác liệt thiếu thốn, cán bộ, chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam đã khắc phục khó khăn, mưu trí, sáng tạo chế tạo thành công chiếc tàu phóng từ để rà phá bom, mìn, thủy lôi, bảo đảm thông đường vận chuyển trên sông nước phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân ta. Câu chuyện chế tạo tàu phóng từ trở thành huyền thoại đối với bộ đội hải quân.

Ngày 2 tháng 7 năm 1966, Bộ tư lệnh Hải quân quyết định thành lập đại đội 8 công binh (sang năm 1967 đổi là đội 8 công binh), trực thuộc Phòng Tác chiến, Bộ tham mưu Hải quân. Nhiệm vụ của đội là tham mưu cho quân chủng trong việc tổ chức, nghiên cứu chống địch phong tỏa bằng thủy lôi, đề xuất sử dụng các phương tiện, trang thiết bị rà phá, tổ chức huấn luyện rà phá thủy lôi cho các đơn vị trong và ngoài quân đội.

Ngày 26 tháng 2 năm 1967, đế quốc Mỹ cho nhiều lượt máy bay A6A và A3B xuất phát từ những căn cứ quân sự, tàu sân bay của biên đội 77 ở Thái Bình Dương, thả thủy lôi phong tỏa hầu hết các cửa sông, hải cảng trên miền Bắc nhằm ngăn chặn việc vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong đó số bom, mìn, thủy lôi đế quốc Mỹ sử dụng có các loại thủy lôi từ trường hiện đại như MK52 nặng 580kg+25kg, trong đó chứa 300kg thuốc nổ và loại thủy lôi âm thanh quang học (nổ ở cự ly gần) MK50 nặng 250kg+15kg, trong đó chứa 150kg thuốc nổ, bom từ trường DST-36, MK42.

Do số lượng thủy lôi mà hải quân Mỹ thả ngày càng nhiều, gây cho tàu thuyền của ta đi lại vận chuyển hàng hoá bị tổn thất nghiêm trọng, trong khi các phương tiện rà phá thủy lôi của ta hầu như chưa có gì, ngoài mấy chiếc tàu vỏ sắt 50 tấn chỉ rà quét được những quả thủy lôi neo chạm nổi còn các loại thủy lôi khác không phá nổi.

Trước những tội ác và sự phá hoại của các loại thủy lôi, bom mìn do đế quốc Mỹ gây ra với nhân dân ta, Bộ tư lệnh Hải quân đã chủ động giao cho các đơn vị trong quân chủng tổ chức nghiên cứu, tìm tòi, tháo gỡ, nòng cốt là đội 8 công binh.

Đồng chí Trương Thế Hùng, đội trưởng đội 8 công binh, được Bộ tư lệnh Hải quân giao nhiệm vụ nghiên cứu, rà phá thủy lôi. Bằng vốn kiến thức cơ bản được học về một số thủy lôi của Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên do chuyên gia Liên Xô cung cấp, đồng chí cùng hai đồng đội khác trong đội đã tiến hành nghiên cứu, tháo gỡ thành công hai quả thủy lôi MK52 và MK50. Sau khi tháo gỡ, đồng chí Hùng và đồng đội nắm được tính năng, cấu tạo, nguyên lý kỹ thuật, hoạt động của hai loại thủy lôi trên, suy nghĩ tìm cách rà phá chúng một cách hiệu quả nhất.

Bộ tư lệnh Hải quân giao nhiệm vụ cho Xưởng 46 - xưởng sửa chữa tàu của Hải quân - nghiên cứu cách rà phá thủy lôi của hải quân Mỹ, đồng thời tổ chức hội nghị toàn quân chúng bàn về vấn đề này. Tại hội nghị, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật được trình bày, thảo luận nhằm tạo ra những biện pháp hiệu quả nhất vừa rà phá được thủy lôi, vừa đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. Đồng chí Trương Thế Hùng đề xuất ý kiến chế tạo tàu phóng từ, bởi theo nhận định của tổ nghiên cứu chỉ có tàu phóng từ mới phá nổi thủy lôi Mỹ. Ý kiến của đồng chí Hùng và đội 8 công binh được Bộ tư lệnh Hải quân đánh giá cao.

Sau hội nghị, Bộ tư lệnh Hải quân nhất trí phương án chế tạo tàu phóng từ. Đồng chí Nguyễn Trọng Bích - công nhân cơ điện của Xưởng 46 - được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện. Trong thời gian này, đế quốc Mỹ đánh phá ác liệt khu vực Hải Phòng, Xưởng 46 phải di dời. Đồng chí Hùng và Bích phải liên hệ với Hợp tác xã cơ khí Thăng Long (chuyên sản xuất khung xe đạp) đặt làm chiếc vỏ tàu. Các chi tiết khác, hai đồng chí phối hợp với anh em công nhân Xưởng 46 không quản ngày đêm vừa nghiên cứu, vừa tự chế tạo. Công việc chế tạo tàu phóng từ được tiến hành rất khẩn trương, từ tháng 9 năm 1967 đến tháng 12 năm 1967, chiếc tàu phóng từ đầu tiên của Hải quân nhân dân Việt Nam đã hoàn thành.

Chế tạo xong, để đặt tên cho sản phẩm đặc biệt của mình, anh em công nhân Xưởng 46 đã thống nhất đặt ký hiệu H.DL.9, nghĩa là: “Hải quân. Diệt Lôi. sản xuất tháng 9 năm 1967”.

Tháng 1 năm 1968, tàu phóng từ được thử nghiệm “diệt lôi” trên biển tại khu vực phà Khúc, phà Quý Cao, Hải Phòng... Đề phòng quân Mỹ đánh phá, đội 8 công binh phải tiến hành rà phá thử vào ban đêm. Công việc thử nghiệm rất khó khăn khi phối hợp hiệp đồng, kiểm tra kết quả. Hai đồng chí dũng cảm nhất của đội là Trịnh Thanh Tơ và Ngô Tấn Khoa được chọn thực hiện nhiệm vụ nguy hiểm này.

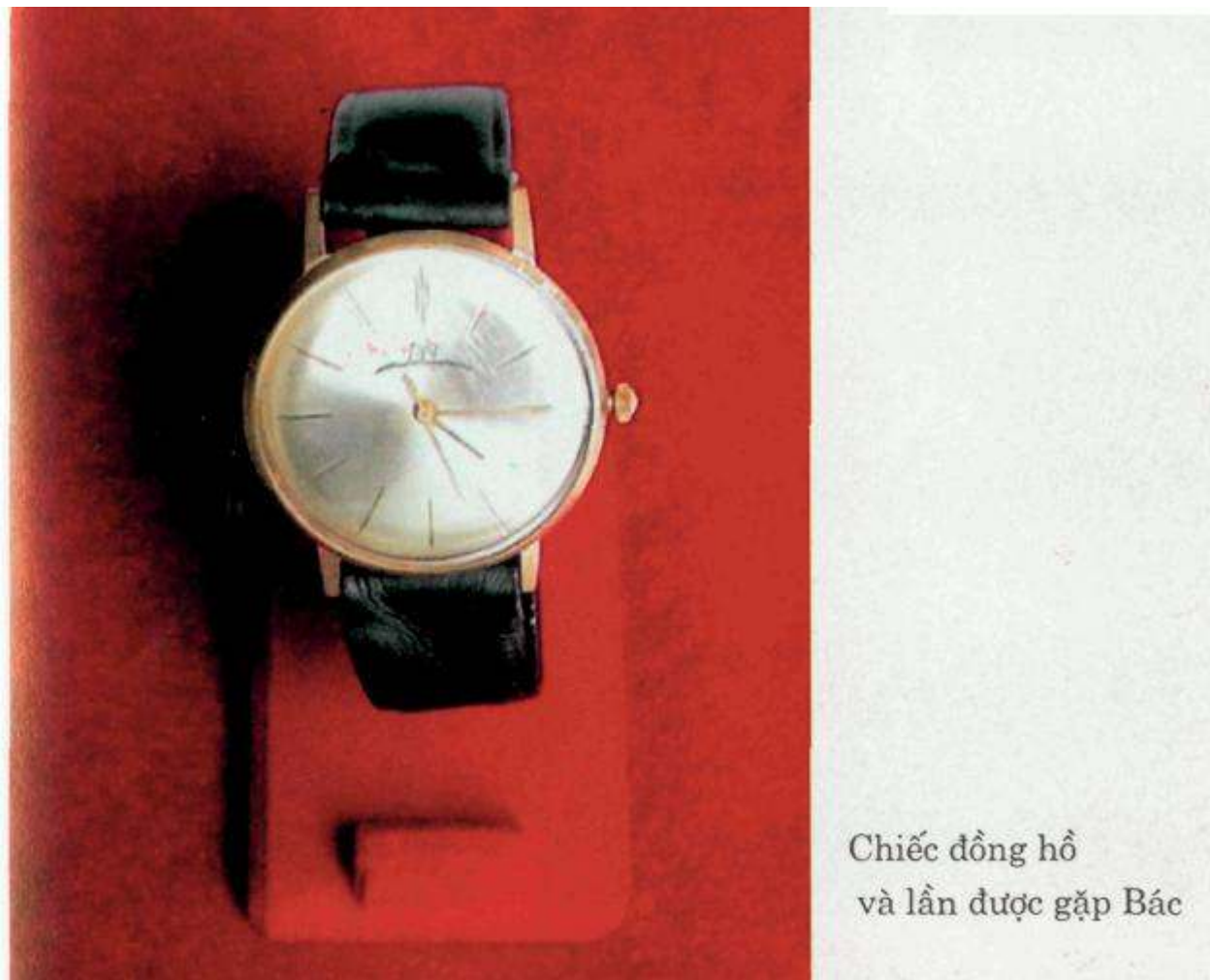
Sau ba tháng thử nghiệm thành công, đội 8 công binh sử dụng tàu phóng từ tiến hành rà phá thủy lôi. Đến tháng 4 năm 1968, đội 8 công binh đã rà phá được 18 quả thủy lôi, bom từ trường, khoảng cách nổ cách xa tàu từ 50 đến 100 mét, tuyệt đối an toàn cho người điều khiển và tàu.

Kết quả chế tạo tàu phóng từ giúp cho việc rà phá thủy lôi đạt hiệu quả, từ đó hình thành ý tưởng chế tạo ra những thiết bị phóng từ đạt hiệu quả cao hơn như HT.5, ống phóng từ để rà phá được nhiều loại thủy lôi, bom từ trường của Mỹ khi chúng thả trên các sông, biển của ta với mật độ ngày càng dày đặc hơn.

Sau khi hoàn thành sứ mệnh của mình, tàu phóng từ được Bộ tư lệnh Hải quân đưa lên trưng bày trong triển lãm kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, sau đó được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, trở thành một hiện vật quý - một bảo vật quốc gia.

ĐÀO DUY NAM

CHIẾC ĐỒNG HỒ VÀ LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC



Thượng tướng Phạm Thanh Ngân mang chiếc cặp đựng những kỷ vật của mình ra tìm chọn những thứ trao cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam: đây là 8 chiếc huy hiệu Bác Hồ tặng ông sau mỗi lần bắn rơi máy bay Mỹ, đây là chiếc đồng hồ Liên Xô, mặt sau khắc chữ “Bác Hồ tặng Phạm Thanh Ngân, tháng 12 năm 1968”, còn đây nữa, bức ảnh Bác Hồ chụp với các anh hùng, chiến sĩ thi đua tiêu biểu của hai miền Nam - Bắc tại Phủ Chủ tịch ngày 20 tháng 7 năm 1968.

Ông giờ cao bức ảnh ngắm nghía, chỉ cho chúng tôi từng người trong bức ảnh. Phạm Thanh Ngân khi đó còn rất trẻ, ngồi ở đầu bàn, nét mặt rạng rỡ đang chăm chú nghe Bác hỏi chuyện. ông kể lại cho chúng tôi câu chuyện năm xưa, một kỷ niệm khó quên đối với ông trong cuộc đời quân ngũ.

Đạo đó đang là đầu mùa thu, 15 anh hùng, chiến sĩ thi đua, thanh niên xung phong, du kích tiêu biểu, có nhiều thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu xuất sắc ở hai miền Nam - Bắc được mời đến Phủ Chủ tịch gặp Bác Hồ. Nhận được giấy triệu tập của quân chủng, Phạm Thanh Ngân mừng lắm, mong sao cho đến ngày được gặp Bác, thế rồi ngày đó đã đến.

Một dãy bàn dài phủ khăn trắng, dưới vòm cây xanh mát, quanh vườn tràn ngập hương hoa ngọc

lan và tiếng chim ríu rít. Bác ngồi giữa bàn, hai bên là hai chiến sĩ gái ở miền Nam mới ra. Ở đây đối diện có Bác Phạm Văn Đồng, đứng dưới gốc cây là nhà báo Bức-sét. Chúng tôi quây quần ngồi xung quanh hai bác. Trên bàn bày hoa và nước uống, Bác đã chuẩn bị sẵn mời chúng tôi. Bác hỏi thăm sức khoẻ của bộ đội và du kích, hỏi những khó khăn trong sinh hoạt và chiến đấu, từng người đều được Bác hỏi chuyện.

Khi đến lượt tôi, Bác ân cần: “Cháu kể chuyện đi?”. Tôi bẽn lèn: “Thưa Bác, cháu kể chuyện về không quân ạ”. Tôi lần lượt kể cho Bác nghe những trận chiến đấu của mình...

Phạm Thanh Ngân bắt đầu tham gia chiến đấu từ tháng 6 năm 1966, khi máy bay địch đánh kho xăng Đức Giang (Hà Nội) và Thượng Lý (Hải Phòng)... mở đầu bước leo thang mới đánh phá hệ thống xăng dầu và thủ đô Hà Nội. Lúc đầu anh rất ngỡ ngàng vì dưới mặt đất chưa đánh địch bao giờ hướng chỉ ở trên trời. Được đồng chí Trần Hanh truyền đạt cho một số kinh nghiệm, nhưng khi gặp địch trận đầu, thấy quân địch đông quá, gấp hàng chục lần máy bay của ta - lần đầu tiên tham gia chiến đấu - Ngân không bắn rơi được chiếc máy bay Mỹ nào. Anh cảm thấy day dứt vô cùng. Rút kinh nghiệm cho những trận sau, anh quyết tâm làm thế nào cứ nhìn thấy máy bay địch là kiên quyết bắn rơi bằng được. Đến khoảng tháng 10, tháng 11 năm 1967, Phạm Thanh Ngân tham gia các trận chiến đấu dồn dập hơn, lại được bay cùng đồng chí Nguyễn Văn Cốc Hai người thường bay yểm hộ cho nhau (thời gian sau, đồng chí Cốc được điều vào chiến trường Khu 4, tại đây đồng chí đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 8 trên bầu trời Vinh, quê hương của Bác Hồ).

Máy bay Mỹ mỗi khi đi đánh phá miền Bắc nước ta, tốp đi đầu là bọn cường kích F-105, theo sau là F-4, F-4C để yểm hộ. Thời gian đầu, Phạm Thanh Ngân và đồng đội không bắn được máy bay cường kích của địch. Mục tiêu lúc đó đặt ra là phải làm sao bắn rơi được bọn cường kích để chúng không ném bom phá hoại miền bắc được, nhất là Hà Nội. Trận ngày 18 tháng 11 năm 1967, Phạm Thanh Ngân hiệp đồng cùng biên đội và bộ đội tên lửa phòng không đánh một trận rất hay. Hôm đó một tốp máy bay của địch gồm 12 chiếc F-105 và 4 chiếc F-4 bám sau, xuất hiện trên bầu trời Yên Bái - Phú Thọ. Chúng bay từ Thái Lan sang, vòng xuống núp sau dãy núi Tam Đảo hướng vào Hà Nội. Sau khi phát hiện mục tiêu, Phạm Thanh Ngân nhanh chóng thông báo và lệnh cho máy bay số 2 công kích tốp cường kích bên phải, còn mình xông thẳng vào tốp bên trái, mặc dù biết phía sau máy bay F-4 của địch đang bám theo. “Tôi đột ngột tăng tốc độ, phóng quả tên lửa thứ nhất vào tốp đi đầu, sau ít giây, máy bay địch bốc cháy. Lúc này tốc độ tiếp cận rất lớn, tôi cho máy bay vọt lên rồi phóng quả tên lửa thứ 2 tiêu diệt chiếc F-105 thứ 2 của địch. Cùng lúc, máy bay số 2 cũng phóng tên lửa vào tốp máy bay bên phải, một máy bay địch trúng đạn bốc cháy” - ông nhớ lại. Trận đó biên đội của Ngân bắn rơi 3 chiếc, tên lửa đối không của ta cũng hạ được 6 chiếc, trong đó có một chiếc F-105 do một tên đại tá phi công Mỹ lái. Đây là trận đánh hiệp đồng tuyệt đẹp của không quân và tên lửa phòng không. Trong 2 ngày tiếp theo, biên đội của Ngân bắn rơi thêm 2 chiếc nữa.

Sau khi nghe phi công Phạm Thanh Ngân kể xong, Bác Phạm Văn Đồng hỏi:

- Thế đồng chí lái được loại máy bay gì?
- Thưa bác, cháu lái được MiG 17 và MiG 21. - Tôi trả lời.
- Thế đồng chí lái loại máy bay nào tốt hơn? - Bác Đồng lại hỏi.

- Thừa Bác, cháu lái máy bay MiG 21 tốt hơn ạ. Cháu học 3 năm lái máy bay MiG 17 tại Liên Xô, tốt nghiệp về nước, cháu được phân công về đại đội của anh Trần Hanh. Năm 1965, cháu quay lại Liên Xô học lái máy bay MiG 21 đến năm 1966, sau đó cháu trở về tiếp tục tham gia chiến đấu. - Tôi trả lời.

- Thế đồng chí bay được bao nhiêu giờ rồi? - Bác Đồng lại hỏi.

- Thừa Bác, được khoảng 200 giờ ạ. - Tôi đáp.

- Thế số anh em mới về lái có tốt không?

- Dạ thưa Bác, số anh em mới về trẻ, khoẻ có kiến thức, ban đầu chưa có kinh nghiệm thực tiễn, nhưng tương lai các đồng chí ấy sẽ rất giỏi ạ. - Tôi trả lời.

Nghe tôi báo cáo xong, Bác Hồ căn dặn: “Các chú phải chăm chỉ học tập, rèn luyện hơn nữa càng học tập, càng tiến bộ, càng tiến bộ thì đánh địch càng giành nhiều thắng lợi”. Tôi nhìn Bác mà lòng dâng trào cảm động, Bác không được khoẻ lắm, thỉnh thoảng Bác lại húng hắng ho, vậy mà Bác vẫn thường xuyên quan tâm tới từng bước trưởng thành của bộ đội. Lời dặn dò của Bác như tiếp thêm sức mạnh cho tôi thêm quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi trong những trận không chiến bảo vệ bầu trời miền Bắc. Sau lần đó, tôi quyết tâm rèn luyện, lập thêm nhiều chiến công mới để đền đáp sự quan tâm của Đảng, của Bác Hồ.

Sau 46 năm cống hiến, mái tóc của Thượng tướng đã bạc trắng nhưng ông vẫn còn khoẻ mạnh, minh mẫn. Ông vẫn giữ được những nét thông minh, quả cảm của những năm chiến đấu trước đây, nét trầm tĩnh của người dày dặn kinh nghiệm. Ông trực tiếp bắn rơi 8 máy bay Mỹ, chỉ huy đơn vị bắn rơi 8 chiếc khác, được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1969, lúc đó ông là đại uý đại đội trưởng Đại đội 1, Trung đoàn không quân 921. Từ năm 1989 đến năm 1996, ông là Tư lệnh Quân chủng Không quân. Từ năm 1996 đến năm 2001, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Ông đã có những đóng góp thiết thực trong việc chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị của quân đội những năm đất nước tiến hành công cuộc đổi mới. Giờ đây, ông là Trưởng ban chỉ đạo Tổng kết chiến lược về quân sự và quốc phòng trực thuộc Bộ Chính trị.

Ông đưa cho chúng tôi xem một chiếc đồng hồ đeo tay còn mới và nói: đây là chiếc đồng hồ của Bác Hồ tặng cho những chiến sĩ phi công bắn rơi nhiều máy bay Mỹ khi Người đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân tháng 12 năm 1968. Tôi vẫn giữ nguyên trong hộp làm kỷ niệm từ đó đến giờ. Chợt nhớ ra điều gì, ông chạy vào phòng trong lấy ra chiếc mũ bay. Ông nói: còn đây là chiếc mũ đã cùng tôi lập chiến công bắn rơi 8 máy bay Mỹ từ năm 1966 đến năm 1969. Tất cả những gì quý nhất trong cuộc đời chiến đấu, tôi xin trao lại cho bảo tàng để góp phần giáo dục truyền thống và bản chất cách mạng của “Bộ đội Cụ Hồ” cho thế hệ trẻ.

Tiến chúng tôi ra tận cổng, ông động viên chúng tôi tích cực sưu tầm hiện vật để giữ lại cho đời sau những chứng tích của ông cha ta - những người đã chiến đấu, hy sinh tuổi xuân và xương máu để giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Những hiện vật của Thượng tướng Phạm Thanh Ngân trao tặng, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam đã trưng bày trang trọng trong “Triển lãm hiện vật sưu tầm năm 2003”.

TRẦN THANH HẰNG

LÁ CỜ CỜ ANH HÙNG



Lá cờ Cờ Cờ anh hùng

Với diện tích 4km², đảo Cờ Cờ nằm ở ngoài khơi huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, cách đất liền 30km, là vị trí tiền tiêu rất lợi hại. Trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, địch coi Cờ Cờ như một cái gai trước mắt chúng, chẳng những chúng quyết tâm bằng mọi cách nhổ bằng được cái gai này, mà còn phao tin sẽ dùng vũ lực chiếm lấy đảo. Và thực tế đảo Cờ Cờ đã lọt vào vòng vây của hạm đội 7 Mỹ và lực lượng hải quân ngụy.

Từ ngày 8-8-1964, địch liên tục cho máy bay, tàu chiến đánh phá ác liệt. Chỉ tính trong hai năm 1964-1965, Mỹ - ngụy đã đánh phá đảo 841 lần, có ngày chúng dùng tới 28 máy bay các loại, cùng tàu chiến đánh 18 lần, ném 200 quả bom đủ loại: nổ ngay, nổ chậm, bom hóa học... Có đợt chúng đánh phá ác liệt 2 - 3 ngày liền.

Các chiến sĩ Đại đội 32, Trung đoàn 270 Quân khu 4 được giao nhiệm vụ bảo vệ đảo đã kiên quyết đánh trả máy bay, tàu chiến địch.

Đại đội 32 là một tập thể đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm, cảnh giác cao, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Tháng 5-1965, ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tặng đảo Cờ Cờ lá cờ mang tên:

“Cồn Cỏ anh hùng - đoàn kết chiến đấu, kiên cường giữ vững từng tấc đất của Tổ quốc”.

Xứng đáng với lòng tin yêu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nhân dân cả nước, từ ngày 8-8-1964 đến ngày 31-12-1968, đại đội bắn hạ 48 máy bay các loại của đế quốc Mỹ. Riêng ngày 31-5-1968, đơn vị bắn rơi 4 máy bay, được Bác Hồ kính yêu tặng hai câu thơ:

*“Cồn Cỏ nở đầy hoa chiến thắng
Đánh cho tan xác giặc Huê Kỳ”*

Cán bộ, chiến sĩ đảo Cồn Cỏ rất sung sướng và tự hào được Bác Hồ đặc biệt quan tâm. Người đã thưởng cờ, máy ảnh, đài bán dẫn và cả thư khen. Trong thư Bác viết, “Thân ái gửi chiến sĩ và cán bộ đảo Cồn Cỏ. Vừa qua các chú đã chiến đấu liên tục và rất dũng cảm, đã bắn rơi nhiều máy bay và đánh đuổi tàu biệt kích Mỹ. Các chú đã xứng đáng với truyền thống anh hùng của quân đội ta. Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ gửi lời khen ngợi các chú. Các chú cần luôn luôn nâng cao cảnh giác, đoàn kết chặt chẽ, khó không nản, thắng không kiêu, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Chúc các chú sức khỏe và lập nhiều chiến công hơn nữa. Chào thân ái và quyết thắng”.

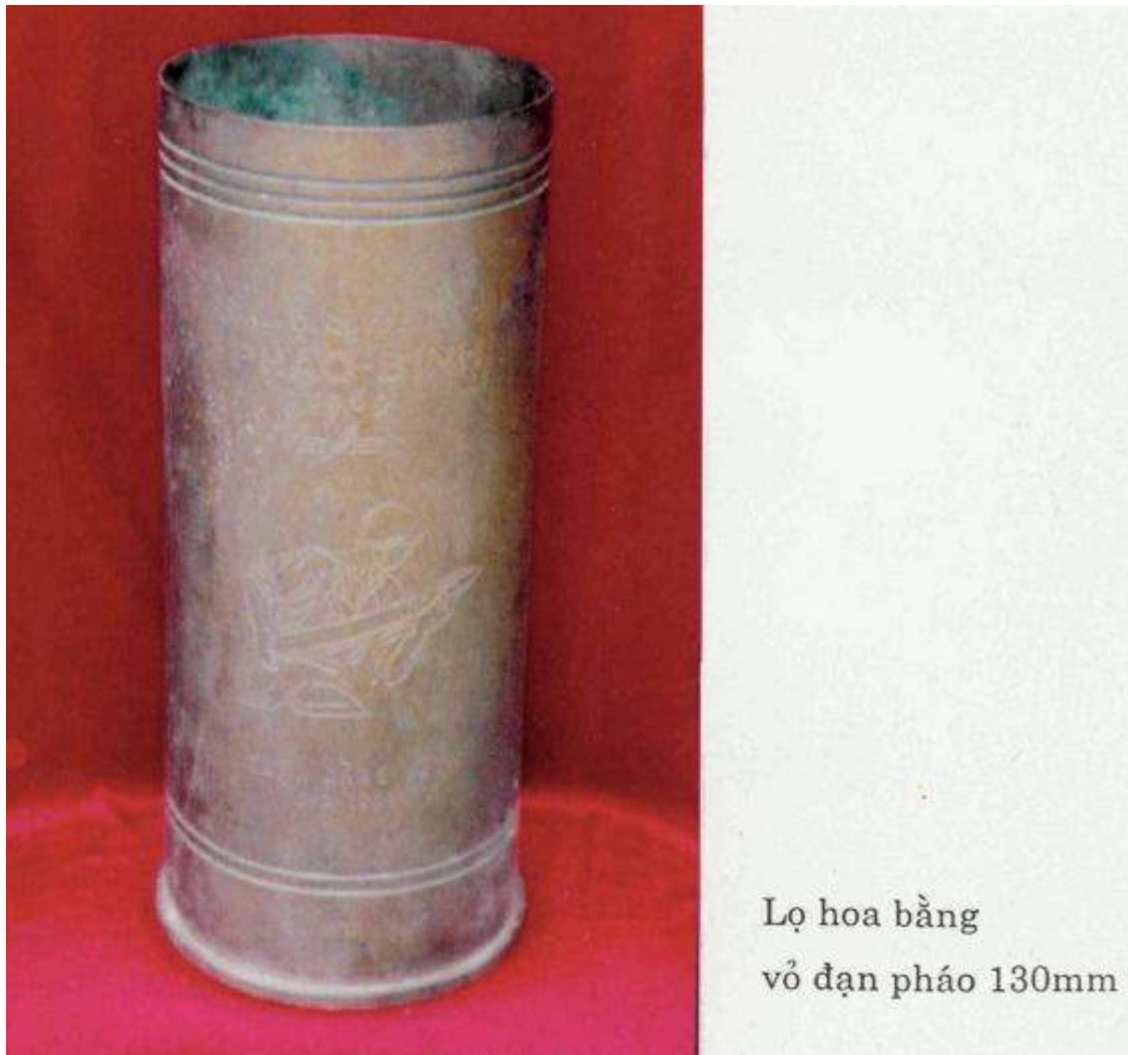
Được biết Bác Hồ trực tiếp đánh máy gửi thư cho đảo, cán bộ chiến sĩ đại đội 32 rất xúc động, không ai cầm được nước mắt.

Cán bộ chiến sĩ đảo Cồn Cỏ vừa chiến đấu giỏi, vừa tăng gia sản xuất tốt - tự túc được rau xanh đủ ăn, còn gửi về đất liền.

Sau hai năm bốn tháng chiến đấu với máy bay, tàu chiến Mỹ và một năm bảy tháng được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng cờ, ngày 1-1-1967 Nhà nước tuyên dương đảo Cồn Cỏ là Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Lá cờ “Cồn Cỏ anh hùng” đã trở thành hiện vật quý của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, với số đăng ký 1617/L209.

ĐẶNG BÍCH LIÊN

LỌ HOA BẰNG VỎ ĐẠN PHÁO 130mm

Cuối năm 1967, trước sự uy hiếp ngày càng mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân ta trên khắp chiến trường, đồng thời phát hiện sự di chuyển lực lượng của ta vào những hướng quan trọng, Mỹ - ngụy phải huỷ bỏ kế hoạch phản công chiến lược lần thứ ba, rút về giữ các vùng trọng yếu. Chúng tăng quân cho vùng chiến thuật 1, củng cố tuyến phòng ngự đường số 9. Thực chất là quân địch đã phải chuyển vào phòng ngự, rõ nét nhất là ở chiến trường đường số 9 và Trị Thiên - Huế.

Để uy hiếp quân địch mạnh hơn, ép địch phải tăng quân chi viện, đêm 6-2-1968, Trung đoàn bộ binh 24 (thiếu Tiểu đoàn 6) thuộc Sư đoàn 304 được tăng cường Tiểu đoàn bộ binh 3, Trung đoàn 101, Sư đoàn 325 tiến công quân địch ở cứ điểm Làng Vây. Về pháo binh, có một đại đội pháo Đ74 trực tiếp chi viện cho bộ binh, hai đại đội pháo Đ74 khác cùng với ĐKB, cối 120mm, A12 chế áp pháo binh địch ở Tà Cơn và điểm cao 845.

Vào 17 giờ ngày 6 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn 1 - Trung đoàn pháo binh 675 tại mặt trận Đường 9 - Khe Sanh đã bắn những quả đạn pháo 130mm đầu tiên vào căn cứ Làng Vây. Đây là trận đánh hiệp đồng quân binh chủng đầu tiên của quân đội ta trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Pháo

binh, xe tăng, bộ binh và đặc công đồng loạt đánh vào một vị trí đông quân, có công sự vững chắc và được trang bị vũ khí hiện đại.

Do chuẩn bị tốt nên phần lớn số đạn pháo của Tiểu đoàn 1 đã bắn trúng vào trung tâm và các mục tiêu khác của căn cứ Làng Vây, trong đó có khu cố vấn Mỹ. Được sự hỗ trợ của pháo binh, xe tăng dẫn đường cho bộ binh vào đánh chiếm các ồ kháng cự của địch ở căn cứ Làng Vây, pháo của ta còn khoá chặt các trận địa pháo của địch ở Tà Cơn và điểm cao 845.

Chiều ngày 7 tháng 2 năm 1968, quân ta làm chủ hoàn toàn căn cứ Làng Vây. Chiến thắng Làng Vây đã kết thúc đợt 1 của chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, quân ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch. Lần đầu tiên trên chiến trường miền Nam Việt Nam, quân địch buộc phải rút khỏi một khu vực phòng ngự, góp phần to lớn vào thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

Sau chiến thắng Làng Vây, trung đoàn 675 đã lưu giữ nhiều vỏ đạn pháo 130mm để làm kỷ niệm và tặng Bộ tư lệnh Pháo binh.

Năm 1969. Bộ tư lệnh Pháo binh tổ chức “Đại hội quyết thắng” để tuyên dương chiến công của cán bộ, chiến sĩ toàn binh chủng. Tham dự đại hội có đồng chí Phạm Thạch Tâm - Phó tư lệnh binh chủng, người đã tham gia chiến đấu tại chiến trường B5 (Quảng Trị) - đồng chí được Bộ tư lệnh Pháo binh tặng thưởng một lọ hoa bằng vỏ đạn pháo 130mm, được làm từ một trong những vỏ đạn pháo 130mm của trung đoàn 675 bắn vào căn cứ Làng Vây ngày 6 tháng 2 năm 1968. Vỏ đạn đã cưa phần đầu tạo dáng như lọ hoa, thân có trang trí ba đường rãnh chìm, quanh miệng lọ có hàng chữ: **“Đại hội quyết thắng pháo binh - 1969”**. Ở giữa là hình một chiến sĩ pháo binh đội mũ sắt, tay ôm một quả đạn pháo trong tư thế nạp đạn. Phía dưới có hàng chữ **“Trận Làng Vây - 6-2-1968”**.

Đồng chí Phạm Thạch Tâm đã sử dụng lọ cắm hoa - vỏ đạn tại đơn vị khi còn công tác và ở gia đình trong những ngày lễ, Tết. Lọ cắm hoa bằng vỏ đạn pháo là một kỷ vật thiêng liêng trong cuộc đời binh nghiệp của đồng chí. Ngày 25 tháng 5 năm 2000, đồng chí đã tặng lọ cắm hoa - vỏ đạn cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam làm hiện vật lịch sử để giáo dục truyền thống cho thế hệ mai sau. Lọ cắm hoa bằng vỏ đạn pháo mang số đăng ký 8821/K1.833.

ĐÌNH XUÂN HÒA

TẤM ÁO VÁ CỦA MÁ CHUNG



Tấm áo vá của má Chung

Người khách nước ngoài đứng hồi lâu bên một hiện vật là chiếc áo cánh đã cũ sòn, có rất nhiều mảnh vá, chị chăm chú đọc những dòng chữ ngắn gọn ghi trên chú thích áo cánh của má Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1921, ở xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, có năm con là hệt sĩ.

Hình ảnh gặp bất chợt đó khiến tôi nhớ lại câu chuyện cách đây đã hơn mười năm. Đó là một buổi trưa tháng tám năm 1994, nắng như đổ lửa xuống vùng đất cát Điện Bàn, trên chiếc xe con của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng tôi được nghe anh Đinh Duy Quang - trưởng ban chính sách tỉnh - kể về những bà mẹ Điện Bàn “mặc áo thay vai, bèn bi nuôi chồng con đánh giặc”, đã che chở, nuôi dưỡng bộ đội, cán bộ, trong đó có đơn vị của anh - đại đội 2 đặc công - trong những ngày ác liệt nhất thời chống Mỹ, cứu nước.

Theo sự chỉ dẫn của anh Quang và ủy ban nhân dân xã Điện Nam - xã có số hệt sĩ nhiều nhất tỉnh - chúng tôi đến thăm má Nguyễn Thị Chung ở đội 5, thôn 4. Xe đi gần tới nhà, gặp một bà già nhỏ thó đang bươn bả trên đường, anh cán bộ xã vội vàng xuống xe giới thiệu với chúng tôi đây là má Nguyễn Thị Chung, rồi mời bà trở về cho chúng tôi gặp. Tôi ngắm má hồi lâu, ái ngại không hiểu giờ này má còn vội đi đâu. Về tới nhà, má nói người con gái đi mua mấy chai nước ngọt tiếp khách, anh Quang can nài mãi không được. Nhìn đồ đạc trong nhà, tôi biết má sống không được sung túc. Anh Quang và anh cán bộ xã giúp chúng tôi chấp nối câu chuyện đứt quãng gợi lại từ nỗi đau của

má. Má Chung sinh năm 1921, có 7 người con, thì 5 anh hy sinh vì Tổ quốc; anh Võ Cường hy sinh năm 1964; anh Võ Hòa hy sinh năm 1967; các anh Võ Út, Võ Hủy hy sinh năm 1969; anh Võ Tiến hy sinh năm 1973. Có năm các con má ngã xuống liền hai anh trong một năm, má không còn nước mắt để khóc.

Âm thầm chịu đựng, má vẫn tích cực tham gia hoạt động cách mạng, nuôi giấu cán bộ, du kích trong căn hầm bí mật ở sau nhà. Có thời kỳ, bộ đội chủ lực về ở nhà má tới 3 tháng, má thương anh em như con mình, chăm sóc hết sức chu đáo. Các con má được khích lệ bằng chính hành động của má, càng cố gắng hoàn thành nhiệm vụ và anh dũng hy sinh.

Khi chúng tôi ngỡ ý muốn xin một kỷ vật, má nói rằng chẳng giữ được vật gì của năm người con trai đã mất. Chị Xung nhắc má còn chiếc áo và tấm khăn cũ má vẫn còn cất kỹ. Chiếc áo “tờ thời Tây” (theo lời má), do má tự khâu bằng vải thô, tự nhuộm, đã thay vai, nhiều mảnh vá, hằn đậm nước mắt và mồ hôi của người mẹ anh hùng này. Còn tấm khăn vuông được làm từ bao cát công sự Mỹ, trải bao nắng mưa, nay đã xơ rách.

- Sao má giữ được lâu vậy? - Tôi hỏi.

- Vì má nghèo khổ quá.

Đó là má nói về ngày trước giải phóng, còn giờ đây má cất nó làm kỷ niệm để nhớ về những năm tháng không thể nào quên trong cuộc đời của má. Qua cán bộ địa phương, chúng tôi được biết má không bao giờ đòi hỏi về chế độ đãi ngộ, vẫn tự lo liệu cho bản thân. Chị Xung - con gái má - không được khoẻ mạnh và tháo vát cho lắm, bởi thế má còn phải vất vả sớm hôm. Chúng tôi ra về trong tâm trạng băn khoăn về cuộc sống còn nhiều thiếu thốn của má Chung, tuy cũng rất thông cảm với điều kiện, hoàn cảnh khó khăn của địa phương trong việc chăm sóc các gia đình chính sách. Hình ảnh người mẹ của năm liệt sĩ đưa vật áo lên thấm nước mắt, nhắc lại câu chuyện của ba mươi năm trước, không bao giờ có thể phai nhòa trong tôi.

NGUYỄN THỊ LÂM HÀ

CUỐN ĐIỀU LỆ ĐẢNG VÀ ĐỒNG TIỀN THẮM MÁU



Cuốn Điều lệ Đảng và đồng tiền thấm máu

Sau chiến thắng Làng Vây - chiến công đầu của bộ đội Tăng thiết giáp - ngày 7 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn xe tăng 198 - đơn vị lập công xuất sắc trong trận đánh - được lệnh bí mật về giấu quân ở tỉnh Xavannah thuộc đất bạn Lào.

Nhiệm vụ của đơn vị lúc này là sửa chữa xe pháo, huấn luyện chuẩn bị cho những trận đánh tiếp theo. Thời gian này, địch đánh phá ác liệt cả ngày lẫn đêm, chúng cho máy bay B52 rải bom dọc cánh rừng phía tây Trường Sơn hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Ăn đói, mặc rét, chịu đựng bom đạn triền miên, nhưng tiểu đoàn xe tăng 198 vẫn ém quân huấn luyện, chuẩn bị cho trận chiến đấu mới.

Hôm ấy là một ngày mùa khô năm 1968, máy bay B52 của đế quốc Mỹ lại đến ném bom, lần này chúng không dùng bom phát quang, bom sát thương mà ném toàn bom bi vào khu vực của đơn vị. Trong phút chốc cả mấy chiếc hầm trú ẩn của bộ đội ta bị xói tung lên, một đồng chí hy sinh, ba đồng chí bị thương. Ngay sau khi vừa dứt tiếng bom, đồng chí Trần Vĩnh Đại, lúc đó là bí thư chi bộ đã có mặt để kiểm nghiệm di vật liệt sĩ, làm hồ sơ bàn giao lên cấp trên. Trần Vĩnh Đại bâng

hoàng khi thấy Nguyễn Tiến Chén - chiến sĩ sửa chữa điện đài xe tăng - nằm đó cả một vùng ngực trái ướt đầm máu. Anh run run mở cúc áo ngực bên trái của người đồng đội. Thật bất ngờ, trong túi áo của Chén có cuốn Điều lệ Đảng kẹp một tờ tiền giấy mệnh giá một đồng. Viên bom bi của kẻ thù đã xuyên thủng trái tim của anh cùng cuốn Điều lệ Đảng và tờ tiền - số tiền Chén dành để đóng đảng phí.

Với hy vọng giản dị, khi chiến tranh kết thúc, những kỷ vật này sẽ được về với gia đình của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén, sau khi cùng đồng đội mai táng liệt sĩ, Trần Vĩnh Đại đã giữ lại cuốn Điều lệ Đảng cùng đồng tiền thấm máu. Sau ngày chiến thắng, vì những lý do riêng Trần Vĩnh Đại chưa có điều kiện đi tìm gia đình liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén, ông luôn canh cánh về những di vật còn giữ bên mình. ông đặt di vật lên bàn thờ và thắp hương cho người đồng đội đã khuất. Khoảng năm 1998, khi những cơn cao huyết áp luôn hành hạ, sợ mình có thể đột ngột ra đi, di vật của đồng đội có thể bị thất lạc, ông đã báo cáo với Binh chủng Tăng thiết giáp xin bàn giao những hiện vật ấy cho bảo tàng.

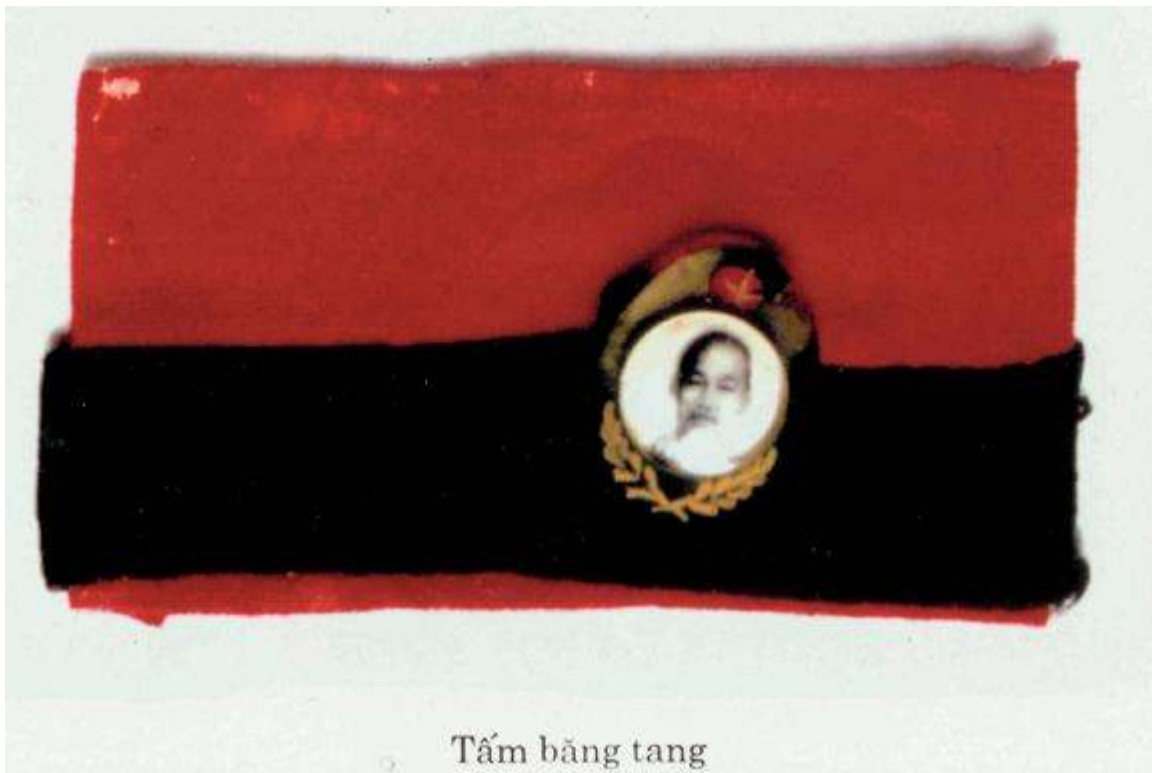
Thế rồi đến đầu năm 2002, trong cuộc gặp mặt cựu chiến binh tiểu đoàn 198, có một người phụ nữ lớn tuổi, dáng gầy nhỏ, mái tóc đã điểm bạc, chị là Nguyễn Thị Bềnh - vợ liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén, quê ở xã Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Tây, chị lên dự buổi họp mặt với những người đồng đội thân yêu của chồng mình tại Binh chủng Tăng thiết giáp. Trong buổi gặp gỡ hôm ấy, đồng chí Tư lệnh Binh chủng đã trao lại những di vật của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén cho chị. Hai tay chị đỡ lấy những kỷ vật của chồng, đôi vai gầy rung lên, chị nói trong nước mắt: “Hơn 30 năm nay, tôi chỉ mong có được một tấm hình, một vật kỷ niệm của anh ấy để thờ cúng và lưu lại cho con cháu. Nhưng nay tôi xin gửi lại Bảo tàng Binh chủng để anh ấy mãi mãi được ở lại với đồng đội của mình”.

Liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén đã hy sinh cách đây hơn 30 năm, thời gian ấy đủ nuôi lớn cả một thế hệ. Cuốn Điều lệ Đảng và đồng tiền thấm máu người chiến sĩ nhắc thế hệ trẻ hôm nay đừng bao giờ quên quá khứ hào hùng của dân tộc mà cha anh ta đã đổ bao máu xương mới giành được độc lập, tự do cho đất nước.

Cuốn Điều lệ Đảng và đồng tiền thấm máu liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén trở thành hiện vật của Bảo tàng Tăng thiết giáp có số đăng ký: 357/Gi 47 và 362/Gi 48, được Bảo tàng Tăng thiết giáp nâng niu, gìn giữ, trưng bày, giới thiệu với khách tham quan về trách nhiệm và tình cảm của người đảng viên đối với Đảng và nghĩa tình cao đẹp trong sáng của Bộ đội Cụ Hồ.

NGUYỄN NGỌC TRÚC

TẤM BĂNG TANG



Từ Chiến sĩ giải phóng quân chi đội Đội Cung, Nghệ An trở thành cán bộ Vệ quốc đoàn..., rồi Phó tư lệnh Quân đoàn 3, suốt cả cuộc đời Thiếu tướng Hồ Đệ - nguyên Trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 - đi theo cách mạng gắn bó với quân đội, với trận mạc. ông đi từ Nam ra Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào, Campuchia từ khi mái tóc còn xanh đến giờ đã bạc trắng. Sau mấy chục năm ròng xông pha nơi chiến trận, tham gia bảo vệ Thủ đô trong những ngày đầu kháng chiến, là chiến sĩ cảm tử “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” và nhiều chiến dịch lớn như Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh, ông trở về với nhiều mảnh đạn còn găm trên người.

Về với đời thường, mặc dầu da đã mồi, mái tóc đã bạc, ông vẫn cặm cụi ngồi viết, biên soạn tổng kết kinh nghiệm chiến đấu. Tư liệu để viết chính từ cuốn sổ nhật ký đã nhàu nát, thấm máu, mồ hôi và đường như còn khét mùi bom đạn. Ông đã chất lọc những suy nghĩ, tình cảm, tâm hồn của người lính trên trang giấy nhỏ bé để rồi bây giờ mới có dịp nghiền ngẫm, hồi tưởng lại những trận đánh, những chiến công, kế hoạch và sơ đồ tác chiến viết thành kinh nghiệm để lại cho các thế hệ sau.

Cuốn sổ nhật ký gắn bó với những chặng đường chiến đấu, ông đã tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Những trang viết thật đáng quý nhưng còn một vật kỷ niệm thiêng liêng đối với ông, ông luôn mang theo bên mình, kẹp cùng cuốn nhật ký. Đó là tấm bằng tang và Huy hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông đã gắn chiếc huy hiệu trên tấm bằng tang và đeo trên ngực trong buổi lễ truy điệu Bác Hồ tại cánh rừng lồ ô ở Tây Nguyên sáng ngày 9 tháng 9 năm 1969, trước khi đơn vị bước vào trận chiến đấu mới.

Ông kể lại, sau khi từ chiến trường Lào trở về, cuối năm 1964, ông được lệnh vào miền Nam chiến đấu. Trước ngày đi, ông đi thăm Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, Văn miếu và hiệu sách Tràng Tiền. Ông đã mua một chiếc Huy hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Huy hiệu hình ngôi sao vàng năm cánh, giữa nổi lên hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông ngắm nhìn hình Bác, một cảm xúc thiêng liêng, sâu lắng trào dâng trong trái tim ông. Ông sẽ mang theo hình bóng của Bác Hồ và những lời dạy của Người “Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua...” vào chiến trường. Suốt chặng đường dài hành quân, vượt qua bao đèo dốc, dải nắng, dầm mưa đến những năm tháng chiến đấu ác liệt, trải qua biết bao khói lửa, bom đạn của kẻ thù, ông vẫn vững tâm tin vào Đảng, Bác dẫn đường, tin vào ngày mai thắng lợi.

Thế rồi, giữa những ngày tháng gian truân, khó khăn ác liệt nhất, một tin đau xé lòng đến với các đơn vị trong đó có Trung đoàn 66 của ông và đồng bào Tây Nguyên: Bác Hồ đã qua đời.

Dưới cánh rừng lồ ô cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 66 làm lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bàn thờ Tổ quốc được các chiến sĩ dựng bằng tre rừng, trên đó treo lá cờ đỏ sao vàng và bức hình Bác Hồ, một dải băng đen chéo qua bức ảnh. Vẫn vằng trán rộng mênh mông và ánh mắt bao dung, triu mến Bác đã đi xa mà dường như còn thật gần bên mỗi người... Tiếng hô: Nghiêm! - phát ra, tất cả đều lặng đi, ai cũng như thầm nói với Bác: Bác Hồ ơi! Chúng cháu quyết lập công dâng Bác. Trên mỗi khuôn mặt trẻ măng, nước mắt đang dâng trào, còn trên ngực áo mỗi người là tấm bằng tang nửa đỏ, nửa đen do Mặt trận Tây Nguyên trao cho. Trên ngực áo của ông ngoài tấm bằng tang còn có thêm chiếc Huy hiệu hình Chủ tịch Hồ Chí Minh ông đã mang theo khi vào chiến trường. Ông cũng như cán bộ chiến sĩ trung đoàn 66 xúc động và tự thấy mình và đồng đội phải thực hiện bằng được ước nguyện của Bác Hồ là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

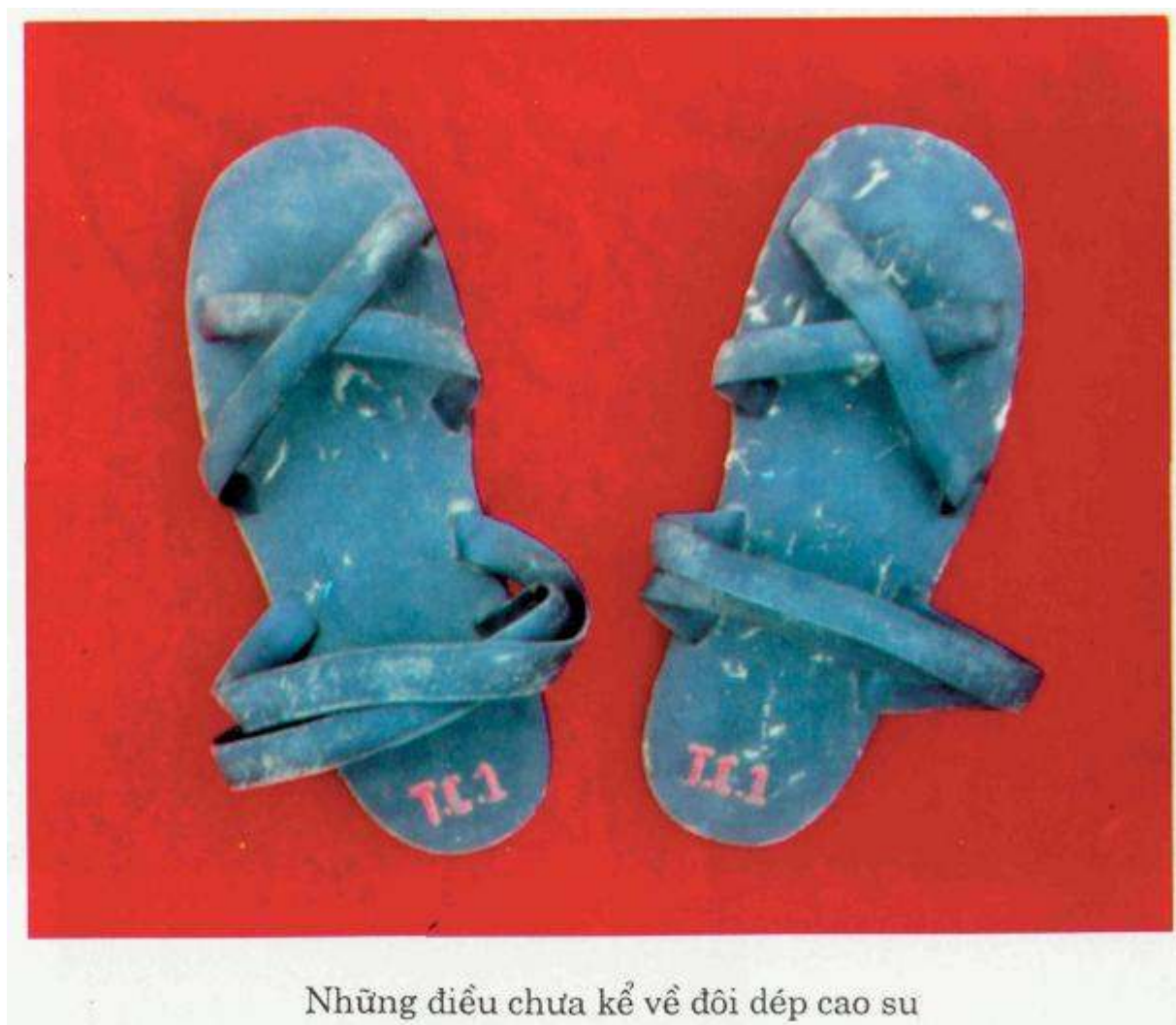
Sau lễ truy điệu, Đảng ủy Trung đoàn 66 phát động thi đua “Biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết lập công đền ơn Bác”, “giữ vững niềm tin vào Đảng, Bác, vận chuyển nhanh, đánh giặc giỏi”. Cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 66 lau nước mắt, anh dũng bước vào các trận chiến đấu mới. Ông đã chỉ huy trung đoàn liên tiếp đánh thắng giòn giã, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá vỡ hệ thống đồn bốt của chúng, thu nhiều chiến lợi phẩm, từ trận tiêu diệt căn cứ Kate tháng 10 năm 1969, ở Bắc căn cứ Đắc Sông tháng 4 năm 1970, đến trận đánh chiếm căn cứ Ngọc Rinh Rua năm 1971, và nhiều chiến dịch khác. Ông đã chỉ huy Sư đoàn 10 tham gia tiêu diệt sư đoàn 23 ngụy, góp phần giải phóng Tây Nguyên tháng 3 năm 1975, hành quân thần tốc tiến vào đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất giải phóng hoàn toàn miền Nam. Chiếc bằng tang, Huy hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cùng ông trong những năm tháng đánh giặc, tiếp thêm ý chí, niềm tin và nghị lực để ông chiến đấu và chỉ huy đơn vị chiến đấu. Sau khi đất nước thống nhất, với cương vị Phó tư lệnh Quân đoàn, ông góp phần chỉ huy đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới của Tổ quốc.

Kỷ vật thiêng liêng của Thiều tướng Hồ Đệ, sau hơn 30 năm giữ gìn trân trọng giờ đây là hiện vật

của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam mang số đăng ký: 8763/B. 1271. Đây là một trong số những hiện vật quý thể hiện tình cảm sâu sắc của người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam với Vị Cha già dân tộc.

TRẦN THANH HẰNG

NHỮNG ĐIỀU CHƯA KỂ VỀ ĐÔI DÉP CAO SU



Có những hiện vật thật giản dị, gắn bó với người lính suốt cuộc trường chinh của dân tộc. Một trong kỷ vật quý đó là đôi dép cao su của người chiến sĩ năm xưa nay đã là một cán bộ lãnh đạo cao cấp của quân đội ta - Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu. Giờ đây, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã lùi xa 30 năm nhưng những kỷ niệm về một thời chinh chiến gian lao mà anh dũng vẫn in đậm trong tâm trí của ông.

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu - Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là một trong những tấm gương dũng cảm, tiêu biểu cho ý chí quyết chiến, quyết thắng của “Bộ đội Cụ Hồ”. Tôi là người rất may mắn và vinh dự được sát

cánh cùng ông chiến đấu suốt những năm đầy gian khổ, hy sinh ở chiến trường Trị - Thiên khỏi lửa. Cứ mỗi lúc có dịp ngắm nhìn đôi dép cao su - một trong những kỷ vật quý mà ông tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, tôi không khỏi bồi hồi xúc động, nhớ về quá khứ oanh liệt và hào hùng của dân tộc ta.

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu sinh ngày 27 tháng 7 năm 1947 trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng. Trước Cách mạng tháng Tám, xã Hải Long huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định nơi ông sinh trưởng là một vùng quê nghèo nhưng nhân dân rất giàu lòng yêu nước. Theo tiếng gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, làng quê ông đã vùng lên quật khởi, đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến, lập ra chính quyền cách mạng trong mùa thu tháng Tám năm 1945. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, làng quê ông trở thành pháo đài thép, nhiều lần đánh bại những cuộc hành quân càn quét của địch như trận Đông Biên, Vân Đàn, Chợ Cầu... Những tấm gương của bao anh hùng, liệt sĩ đã nuôi dưỡng trong ông tình yêu quê hương, đất nước, lòng căm thù quân xâm lược.

Năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu leo những nấc thang tội ác đánh phá miền Bắc, đồng thời gây “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam. Cũng như những người bạn cùng trang lứa, ông không thể ngồi yên nhìn cảnh bom Mỹ tàn phá quê hương, giết hại dân thường vô tội. Mỗi thù quân xâm lược càng khắc sâu vào tâm trí ông và biến thành ý nguyện cháy bỏng, phải đi chiến đấu để đánh đuổi quân cướp nước, giải phóng quê hương. Vì vậy năm 1965, vừa tốt nghiệp phổ thông trung học, ông xung phong tòng quân. Từ năm 1965 đến đầu năm 1967, ông đã lần lượt phục vụ trong các đơn vị Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 182, Sư đoàn 324; Trung đoàn 271 thuộc Sư đoàn 341, Quân khu 4, trong các đơn vị phòng ngự đánh máy bay, tàu chiến Mỹ.

Tới cuối năm 1967, do yêu cầu cấp bách của chiến trường miền Nam, chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Bộ Tổng Tham mưu quyết định thành lập trung đoàn 27, còn gọi là “Trung đoàn đỏ anh hùng”. Ông được biên chế vào đội hình của trung đoàn và khẩn trương chuẩn bị hành quân vào Nam chiến đấu. Hồi đó mỗi người đi B được trang bị khá đầy đủ, từ ba lô, tăng, võng đến giày dép. Ông là một thanh niên hoạt bát, điển trai, nhỏ nhắn nên khi cấp phát quân trang thường không có trang bị nào vừa với dáng người mảnh dẻ, nhất là đôi dép cao su. Trợ lý quân nhu tiểu đoàn phải lên tận trung đoàn mới tìm đồ cho ông được đôi dép cao su màu đen, do Trung Quốc sản xuất, có 4 quai, đế đúc.

Với đôi dép cao su này, ông đã cùng nó hành quân bộ từ Nam Đàn, Nghệ An - quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu xuyên qua Tây Trường Sơn vào chiến trường Quảng Trị.

Đôi dép cao su đã cùng ông tung hoành ngang dọc trên chiến trường Trị - Thiên Tết Mậu Thân năm 1968, chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971, chiến dịch Quảng Trị năm 1972 và đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Đôi dép trở thành vật chứng trên mỗi bước đường phấn đấu, trưởng thành của ông.

Trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đoàn, trong chiến đấu, ở cương vị nào ông cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ông đã đánh 60 trận, diệt hàng trăm tên, phá hủy 18 súng các loại và chỉ huy đơn vị diệt hàng nghìn tên (có hàng trăm tên Mỹ)... phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Ba lần bị thương, Nguyễn Huy Hiệu không rời trận địa, tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu.

Trận đánh đòi Độc Lập (Quảng Trị) năm 1968, Nguyễn Huy Hiệu dẫn đầu đơn vị tiên công vào bọn thám báo Mỹ giữa ban ngày. Mặc dù bị thương vào tay trái, máu chảy nhiều, Nguyễn Huy Hiệu vẫn dũng cảm dẫn đầu đơn vị nhanh chóng đánh mạnh vào bọn địch, chia cắt chúng để tiêu diệt. Kết quả đơn vị do ông chỉ huy đã diệt gọn 1 trung đội Mỹ và đánh thiệt hại 2 trung đội khác, thu 5 súng, riêng đồng chí Hiệu diệt 7 tên.

Trận đánh cụm bộ binh cơ giới ở Tân Kim (Quảng Trị) ngày 5 tháng 4 năm 1970, trước khi đánh, đồng chí Hiệu đã đi trinh sát 5 đêm liền. Đêm thứ 5, không may ông bị thương, nhưng vẫn dũng cảm dẫn đầu đại đội xông lên chia cắt đội hình địch, diệt từng cụm xe và bộ binh địch. Sau 30 phút chiến đấu, đại đội của ông diệt gọn 1 đại đội Mỹ, phá huỷ 10 xe tăng, xe bọc thép. Riêng ông loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên địch, góp phần đánh bại “chiến thuật trâu rừng” của tướng Mỹ Abram.

Trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, trận phục kích đoàn xe địch trên đường số 9 ngày 19 tháng 3 năm 1971, mặc cho máy bay pháo binh địch đánh phá ác liệt, đồng chí Hiệu vẫn kiên nhẫn chờ cho đoàn xe địch lọt vào trận địa rồi dẫn đầu mũi chủ yếu của tiểu đoàn đánh mạnh vào giữa đoàn xe, tạo thuận lợi cho tiểu đoàn xông lên phá huỷ đoàn xe địch 28 chiếc, diệt gần trăm tên Mỹ - ngụy.

Từ ngày 30 tháng 3 đến đầu tháng 4 năm 1972, Nguyễn Huy Hiệu chỉ huy tiểu đoàn đảm nhiệm - hướng chủ yếu của trung đoàn, chiến đấu hiệp đồng binh chủng ở các khu vực điểm cao Đầu Mầu, Tân Lâm, Cam Lộ, Pu Lô (Quảng Trị). Mặc dù địch tập trung máy bay, pháo binh đánh phá ác liệt, Nguyễn Huy Hiệu vẫn bình tĩnh chỉ huy đơn vị chiến đấu, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, bắt sống tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng Hà Thúc Mẫn, góp phần chọc thủng hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra.

Nguyễn Huy Hiệu luôn chú trọng học tập nâng cao trình độ tổ chức, chỉ huy và xây dựng đơn vị tiên bộ về mọi mặt, khiêm tốn học hỏi quần chúng, giản dị, được đồng đội tin yêu.

Đồng chí đã được tặng thưởng 7 huân chương Chiến công các loại. Ngày 20 tháng 12 năm 1973, đồng chí Nguyễn Huy Hiệu vinh dự được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng khi ông mới 26 tuổi.

Trung đoàn của đồng chí Hiệu đang làm nhiệm vụ phân lũ sông Đáy trên đất Bắc thì được lệnh lên đường chiến đấu, tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Đôi dép cao su lại cùng đồng chí hành quân từ Ninh Bình vào Vĩnh Linh. Tại đây, đồng chí Phùng Thế Tài giao nhiệm vụ cho đơn vị Nguyễn Huy Hiệu tham gia chiến đấu giải phóng Huế - Đà Nẵng.

Sau chiến dịch, đơn vị hành quân dọc Trường Sơn về ngã ba biên giới Việt - Lào - Campuchia, tập kết ở Đồng Xoài, chiến khu Đ, chuẩn bị bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng chí đã chỉ huy trung đoàn 27, trong đội hình Quân đoàn 1, đảm nhiệm mũi thọc sâu đánh chiếm “tuyến tử thủ” của quân ngụy Sài Gòn, giải phóng Tân Uyên, Lái Thiêu, Gò Vấp, cùng các đơn vị bạn đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy và các mục tiêu khác.

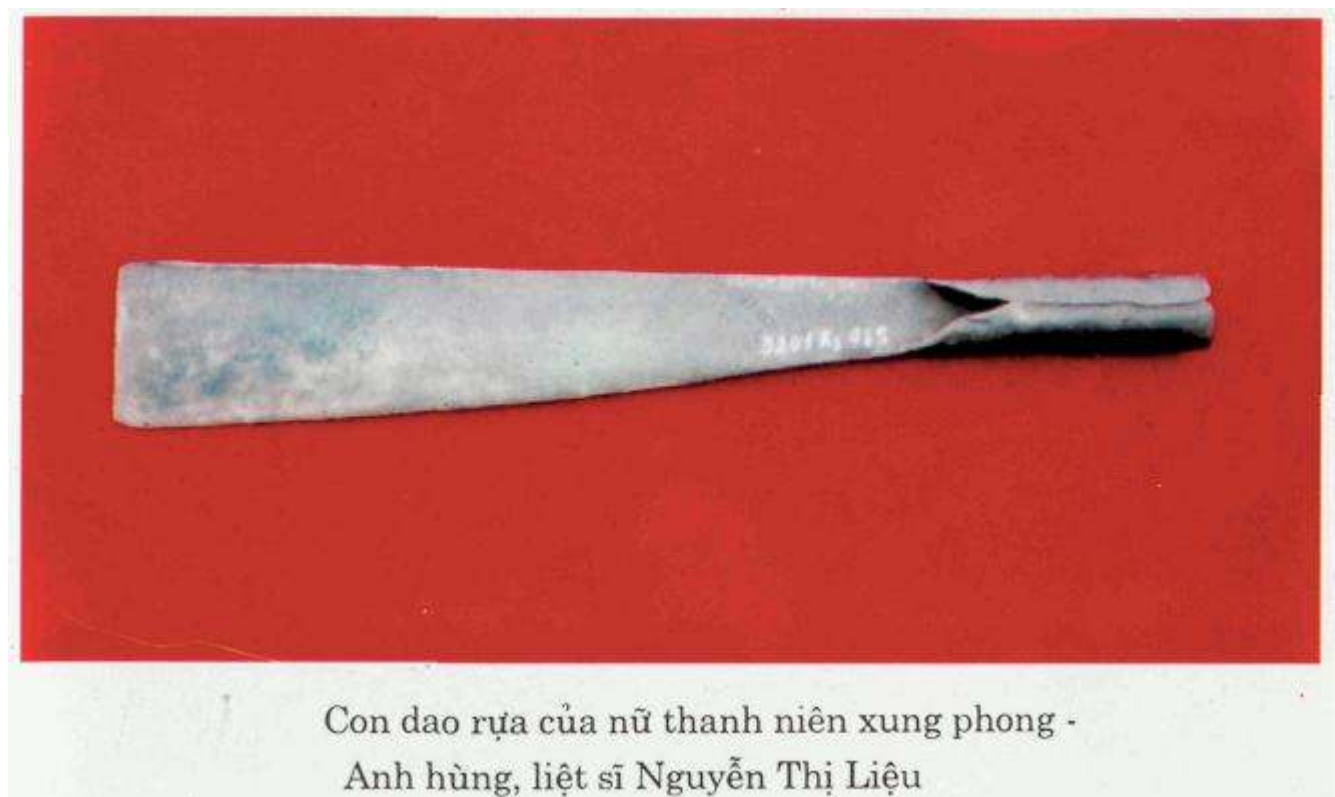
Đất nước thống nhất, đôi dép cao su lại cùng ông hành quân ra Bắc. Đến huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng

Bình, nó không còn đủ sức để cùng ông đi tiếp vì đã mòn vẹt, lão hoá. Ông đành gửi lại mạ Toàn đôi dép cùng một số tư trang khác.

Ngày 16 tháng 1 năm 1981, ông trở lại thăm chiến trường xưa. Về đất Quảng Bình, gặp lại mạ Toàn, rất may mạ còn giữ được nguyên vẹn các kỷ vật một thời cùng ông đi chiến đấu. Các kỷ vật này, trong đó có đôi dép cao su, được ông nâng niu, gìn giữ như những báu vật. Khi cán bộ sưu tầm của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam đề nghị ông trao tặng cho bảo tàng làm hiện vật truyền thống, ông mới chịu xa rời những “người bạn” thân thiết của mình. Đôi dép cao su hiện có số đăng ký: 9433/C.183/a,b.

LÊ ĐĂNG NHIỆM

**CON DAO RỬA CỦA NỮ THANH NIÊN
XUNG PHONG - ANH HÙNG, LIỆT SĨ
NGUYỄN THỊ LIỆU**



Cứ mỗi lần lên thăm phần trưng bày về đường Hồ Chí Minh tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, tôi lại tần ngần trước một hiện vật thật giản dị, có số đăng ký 3201/K3. 985. Đó là con dao rửa bằng thép, tông sắc phía trái sống dao khắc chìm chữ C3 TP. Lưỡi dao có nhiều chỗ mẻ. Sống dao bị nhiều nốt đập nhưng đó lại chính là vật chứng của một chiến công thầm lặng của nữ thanh niên xung phong - Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Liệu.

Có một địa danh nổi tiếng trên tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn những năm chống Mỹ, cứu nước. Đó là trọng điểm ATP gồm của chữ A, ngầm Ta Lê, đèo Phu-la-nhích ở miền Tây Quảng

Bình. Đây là “túi bom” - nơi hứng chịu nhiều đợt đánh phá ác liệt nhất của địch và nơi đây cũng nổi tiếng với nhiều hành động anh hùng. Chính tại “túi bom” này, Nguyễn Thị Liệu đã cùng đại đội thanh niên xung phong làm nhiệm vụ mở đường, phá bom, đảm bảo giao thông suốt trong mọi tình huống. Anh chị em đã nêu cao quyết tâm “lấy mất đường làm trận địa, lấy việc thông đường làm vũ khí tiến công”, “máu có thể đổ, đường không thể tắc”, kiên quyết “đánh địch mà đi, mở đường mà tiến”. Với tinh thần cảm tử và ý chí sắt đá đó, lực lượng thanh niên xung phong đã vững vàng vượt qua mưa bom bão đạn của quân thù, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà người tiêu biểu nhất chính là chị Nguyễn Thị Liệu. Một trong những chiến công của chị là sáng kiến phá bom đạt hiệu suất cao.

Sáng sớm ngày 23 tháng 1 năm 1967, mới bảnh mắt, sương mù còn giăng kín núi rừng, thế mà máy bay kẻ cướp Mỹ đã mò đến, liên tục đánh phá trọng điểm ATP. Bom địch đã làm đất đá sụt lở và khoét một hố bom sâu tới 8 mét tại Km 80-81. Trên taluy đường ở Km 80, một quả bom nổ chậm nằm chình ịch. Với cương vị là tiểu đội phó thanh niên xung phong, Nguyễn Thị Liệu được lệnh của đại đội cùng ba người nữa vãn quả bom nổ chậm đó xuống vực. Bốn người cố hết sức nhưng quả bom vẫn không nhúc nhích. Trước tình hình ấy, một người thì bảo: cứ để mặc nó đấy, nó nổ cũng không hỏng được đường. Một người khác lại nói: Hay ta gọi thêm người đến vãn nó xuống. Riêng Liệu cau mày nghĩ ngợi: “Để nó ở đấy, mình không chủ động được. Bất thành linh nó nổ mà có người và xe qua lại thì sao. Mà gọi thêm người ra vãn, bất chợt nó nổ sẽ gây thương vong lớn cho đồng đội. Liệu nảy ra ý định dùng mìn để phá bom nổ chậm và thuyết phục trung đội trưởng nghe theo sáng kiến của mình, chị trình bày:

- Anh ạ, chúng mình vẫn dùng mìn để phá đá. Nếu mìn phá đá được thì nhất định mìn cũng phá được bom. Anh cứ cho em sử dụng mìn phá bom xem sao.

Trung đội trưởng ngần ngừ:

- Chưa bao giờ và chưa có ai dùng mìn để phá bom. Việc này mạo hiểm lắm. Không thể dùng cách đó được.

Liệu lại năn nỉ:

- Anh cứ cho em thử. Nếu nó vỡ ra thì mình rút được kinh nghiệm để phá các quả bom khác. Nếu bom nổ đường sẽ được mở rộng.

Trung đội trưởng do dự vì lo lắng cho tính mạng của cô. Trước đó, do Liệu kiên trì thuyết phục nên chỉ huy đơn vị mới chấp nhận cho Liệu và chị em được bám trụ ở cửa chữ A này, còn việc này quá nguy hiểm. Chị lại kiên trì thuyết phục:

- Anh ạ, thời gian gấp rút lắm rồi. Đây là cách làm tốt nhất lúc này. Nếu em có hy sinh thì chỉ một người.

Chẳng còn cách nào khác, trung đội trưởng phải đồng ý. Liệu mừng quýnh. Chị phân công hai đồng chí gác hai đầu đường, ngăn xe lại rồi khẩn trương lấy mìn, kíp nổ và dây dẫn lại bên quả bom. Chị lấy tay đo quả bom được 6 gang dài, khoảng 120cm, đường kính 2 gang. Liệu lấy 2,8kg thuốc nổ buộc vào 2 đầu dây nổ. Để phòng kíp câm, Liệu tra hai kíp cháy chậm rồi đặt ngay lên thân quả

bom. Lúc này đồng chí Hạ tiểu đội trưởng đến đòi đốt thay nhưng Liệu đề nghị mãi, đồng chí Hạ mới chịu tránh xa. Liệu nghĩ: Nếu mình có hy sinh thì tiểu đội vẫn còn tiểu đội trưởng Hạ chỉ huy. Liệu bắn pháo hiệu cho mọi người ẩn nấp vào chỗ an toàn đoạn chân đồi, chạy thật nhanh vào hầm trú ẩn. Vừa vào đến nơi thì nghe 2 tiếng nổ, trước nhỏ, sau to. Khói chưa tan hết, Liệu lấy khăn bịt miệng chạy tới chỗ bom nổ. Đường không những được mở rộng mà còn đủ cho xe có chỗ tránh. Liệu bắn pháo hiệu thông xe. Anh chị em này giờ hồi hộp theo dõi Liệu phá bom, giờ nhiệt liệt hoan hô chị. Chạy qua chỗ Liệu đứng chẳng anh lái xe nào không thốt lên lời cảm ơn, khiến Liệu ngượng quá cứ đỏ bừng mặt.

Phút thanh thân qua đi, Liệu lại đắm chiêu suy nghĩ: Quả bom vừa rồi nằm trên mái taluy, khi nổ cho kết quả như vậy, nhưng nếu nó nằm giữa đường thì sao, đường sẽ hỏng mất. Rõ ràng vừa rồi, tiếng nổ trước là bộc phá nổ, tác động đến quả bom nổ theo. Như vậy, ta có thể đặt lượng thuốc mìn và kíp định hướng ở gần quả bom, dùng lực đẩy của bộc phá đẩy tung quả bom lên không trung thì bom sẽ không phá hỏng mặt đường. Liệu trình bày sáng kiến đó với trung đội trưởng. Được anh đồng tình, Liệu vui sướng lắm. Trung đội trưởng hứa sẽ cho Liệu áp dụng cách phá bom đó nếu gặp bom nổ chậm. Và cơ hội đã đến ngay sau đó.

Tết âm lịch 1967 đến với Trường Sơn trong tiếng mưa bom, bão đạn không ngớt. Ngày mùng 3 Tết âm lịch, tức ngày 11 tháng 2 năm 1967, chị em trong trung đội thanh niên xung phong được nghỉ ăn Tết, riêng Liệu vẫn xung phong ra mặt đường làm nhiệm vụ. Hôm đó địch ném nhiều loạt bom, trong đó có một quả bom nổ chậm nằm ngay giữa mặt đường. Liệu quyết định dùng cách phá bom mới. Liệu phân công hai đồng chí gác hai đầu đường. Đến bên quả bom, chị dùng con dao rựa moi đất. Đất ở trọng điểm của chữ A này bị bom Mỹ cày xới tới như cá mìn nên chị đào không khó khăn gì. Quả bom chui xuống đất chệch 15 độ, đầu cánh ngóc lên trên. Đào moi xuống gần quả bom, chị phải cúi rạp xuống, một tay ôm bom, tay kia moi đất như lúc ở nhà đi bắt cua. Khi đất moi đã rộng, Liệu khéo léo luồn người nằm xuống dưới quả bom. Từ dưới hố sâu, ánh sáng đủ để Liệu nhìn thấy thân bom có một khung sơn vàng với nhiều chữ Mỹ. Liệu nhìn rõ cho USA và số 11.1966. Liệu lại tiếp tục đào rộng xung quanh quả bom rồi dùng một miếng các tông pháo sáng, cuộn lại thành hình cái phễu, chụp dưới gầm quả bom. Chị đặt kíp mìn định hướng lên trên trốc phễu sau đó áp 1kg thuốc nổ lên trên rồi lèn đất thật chặt. Xong xuôi, Liệu bắn liên 2 phát pháo hiệu. Mọi người chạy vào hầm trú ẩn. Theo dõi không còn ai trên mặt đường, chị mới bình tĩnh đốt dây cháy chậm rồi nhanh chóng vào hầm. Vài giây sau cũng có hai tiếng nổ. Nhưng gần nhau hơn quả trước. Liệu và một người ulla lại thì quả bom đã biến mất. Trên đường chỉ có một lỗ nhỏ bằng chiếc chảo con. Liệu mừng quá vội bắn pháo hiệu thông đường. Đoàn xe tiếp tục ra mặt trận. Đi qua chỗ người con gái dũng cảm phá bom đó, không ai không thốt lên lời cảm ơn, khen ngợi.

Sáng kiến và hành động dũng cảm của Nguyễn Thị Liệu được Bộ tư lệnh Tổng cục tiền phương phát động trên toàn tuyến “phong trào học tập và noi gương Nguyễn Thị Liệu phá bom nổ chậm”.

Tháng 5 năm 1967, Nguyễn Thị Liệu được chọn chuyển sang bộ đội thuộc đại đội 5, tiểu đoàn 2 công binh, binh trạm 14, làm công tác thống kê ở đoàn bộ Đoàn 559. Tháng 6 năm 1967, tại Đại hội tổng kết thi đua của Tổng cục tiền phương, người nữ thanh niên xung phong quê ở Khu 1, Thị Sơn, Kim Bảng, Hà Nam đã bền bỉ kể lại thành tích của mình. Bấy giờ mọi người mới biết thêm nhiều chuyện về chị. Tháng 5 năm 1965, cô gái với vóc dáng bé nhỏ, trông chẳng khác gì một thiếu niên vừa dời bỏ chiếc khăn quàng đỏ đã một mực xin vào đội thanh niên xung phong. Đơn vị chê chị nhỏ không nhận. Đồng chí chỉ huy đội thanh niên xung phong chân thành khuyên chị nên về học

tiếp vì chị mới học hết lớp 8. Anh động viên: Em có tinh thần “Ba sẵn sàng” như thế là rất tốt. Nhưng đi thanh niên xung phong cũng gian khổ không kém gì bộ đội đi chiến đấu, phải có sức khỏe mới đảm đương tốt được nhiệm vụ. Em chưa đủ tuổi, lại nhỏ bé, yếu ớt thế, làm sao chịu đựng được gian khổ, khó khăn. Liệu ước lắm, chị nhất quyết không về. Không cần hồ sơ, cũng chẳng màng đến tiêu chuẩn, chị cứ bám theo đơn vị suốt chặng đường hành quân gian khổ. Đến chỗ trú quân, thấy việc gì là lăn xả vào xin làm. Cục chẳng đã, chỉ huy đơn vị đành tiếp nhận chị.

Tròn hai năm nhập ngũ, người nữ thanh niên xung phong ấy đã cảm hoá được đồng đội không chỉ vì có giọng hát hay, tính tình cởi mở, mà vì chị là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, luôn nhường thuận lợi cho bạn, nhận khó khăn về mình, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ. Chị còn là người luôn tìm tòi, cải tiến công tác từ việc lớn đến việc nhỏ sao cho đạt hiệu suất cao nhất. Chị được mọi người phong tặng danh hiệu: Cây sáng kiến. Chỉ hai năm ngắn ngủi, chị đã được Tổng cục tiền phương tặng 1 bằng khen, đơn vị tặng 4 giấy khen. Đặc biệt thành tích của chị đã được Bác Hồ biết đến. Bác đã tặng cho chị một huy hiệu của Người.

Đông - Xuân năm 1966-1967, chị được toàn đơn vị bình bầu là chiến sĩ thi đua và được vinh dự thay mặt cho lực lượng thanh niên xung phong báo cáo thành tích tại Đại hội tổng kết thi đua của Tổng cục tiền phương.

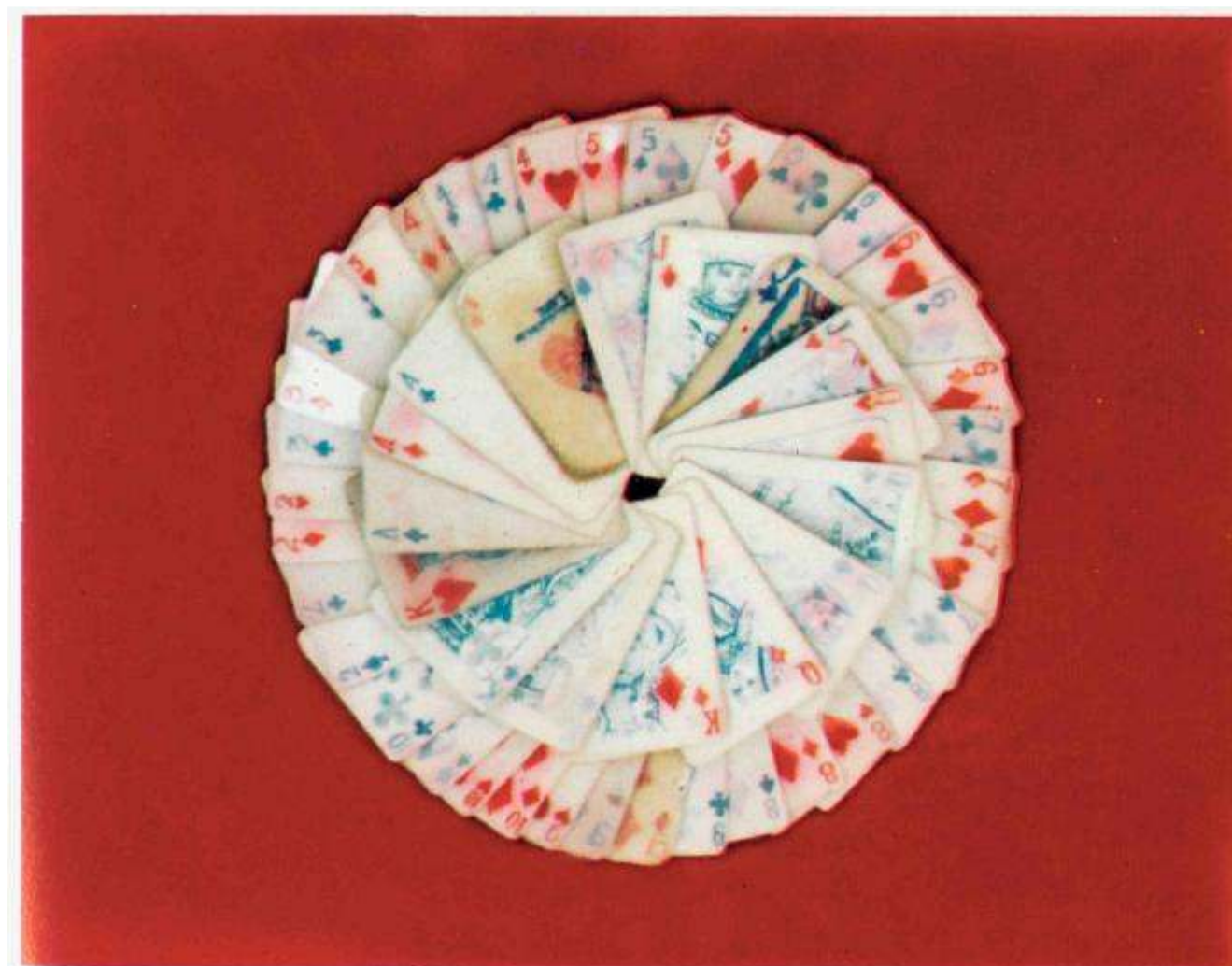
Sau đại hội, đoàn cán bộ của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam đến gặp chị để sưu tầm hiện vật. Chị cứ xấu hổ vì cho rằng việc làm của mình rất nhỏ nhoi. Những hiện vật gắn bó với chiến công của chị chỉ là những vật dụng bình thường, giản dị như con dao, cái cuốc, cái xẻng. Khi được cán bộ bảo tàng thuyết phục về ý nghĩa của hiện vật, chị đã tặng bảo tàng con dao rựa để làm hiện vật truyền thống.

Ngày 27 tháng 5 năm 1968, chị đã anh dũng hy sinh trên cung đường Trường Sơn huyền thoại trong khi làm nhiệm vụ, giữ trọn lời hứa với Bác Hồ kính yêu “Sống bám đường, chết kiên cường dũng cảm”.

Mặc dù chị đã đi xa nhưng chiến công của chị vẫn luôn được lớp lớp thanh niên xung phong truyền tụng và học tập. Ngày 10 tháng 4 năm 2001, chị Nguyễn Thị Liệu đã được Nhà nước truy tặng huân chương Quân công hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐOÀN THỊ LỢI

BỘ TÚ LƠ KHƠ CỦA BỘ ĐỘI TRƯỜNG SƠN



Bộ tú lơ khơ của bộ đội Trường Sơn

Bộ tú lơ khơ bằng bìa các tông, gồm 52 quân, vẽ tay bằng mực xanh, quân át cơ có hàng chữ viết tay: “kỷ niệm đội điều trị lần 2”. Mỗi con bài có kích thước 8,6cm x 5,7cm, là sản phẩm tự tạo của các đồng chí thương binh đội điều trị lần 2, Binh trạm 44, Đoàn 559, bộ đội Trường Sơn.

Trong điều kiện chiến trường đầy gian khổ, khó khăn, anh em thương binh đội điều trị lần 2 dù bị vết thương hành hạ vẫn sống lạc quan, tin tưởng. Anh em rất muốn được giải trí bằng nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, đặc biệt có thú vui rất phổ biến là chơi tú lơ khơ. Nhưng ở chiến trường không thể tìm đâu ra bộ tú lơ khơ được in ấn nghiêm chỉnh. Cái khó ló cái khôn. Anh em bàn nhau quyết định sẽ tự tạo bộ tú lơ khơ.

Trước hết anh em cử người tìm vỏ hộp thuốc bằng bìa các tông. Người khác có nhiệm vụ phết hồ lên bìa dùng giấy trắng bôi cho cứng. Sau khi bìa đã được cắt tia đúng khuôn khổ, kích thước, những anh khéo tay, có năng khiếu hội họa được chọn để vẽ từng quân bài theo trí nhớ. Hàng ngày,

anh em quan tâm theo dõi các “họa sĩ” cần mẫn vẽ từng nét chấm chút sao cho thật giống với hình các quân bài cơ, bích, nhép, rô, từ số 2 đến số 10, từ quân J, Q, K, đến quân át. Hình nào chưa được, anh em mỗi người một câu góp ý để họa sĩ vẽ thật giống mới thôi. Hồi hộp ghê. Phải khá lâu, bộ bài mới hoàn thành. Chao ôi! thú vị làm sao khi anh em chuyển tay nhau ngắm nghía một bộ tú lơ khá hoàn chỉnh, khá đẹp với 52 quân bài.

Bộ tú lơ khơ đã được anh em thương binh dùng vui chơi giải trí để quên đi những đau đớn bệnh tật, khi vết thương tái phát giày vò. Ngoài giờ học tập, vui chơi, anh em còn chăm luyện tập thân thể để sức khỏe sớm hồi phục, sớm trở về đơn vị tham gia chiến đấu, công tác.

Giữa đại ngàn Trường Sơn đầy bom đạn, nhưng các chiến sĩ thương binh không thiếu nụ cười khi vây quần bên nhau chơi tú lơ khơ. Anh nào thua còn bị vẽ râu, trông đến ngộ.

Bộ tú lơ khơ đã phục vụ nhiều lớp thương binh ở đội điều trị lán 2 trong nhiều năm.

Sau ngày địch buộc phải ký Hiệp định Pari, đội điều trị lán 2, binh trạm 44 đã gửi lại những kỷ niệm của bộ đội Trường Sơn, trong đó có bộ bài tú lơ khơ về cất giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Giờ đây, đến tham quan phần trưng bày về đường Hồ Chí Minh - con đường huyền thoại - ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, khách tham quan sẽ nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ vẽ tay mộc mạc bằng một thứ mực xanh đã phai màu. Nhưng chính bộ bài đó là một phần cuộc sống của bộ đội Trường Sơn. Nó giản dị như chính tâm hồn những người đã làm nên những chiến công bất hủ. Tiếng hát át tiếng bom, tiếng cười đầy lùi chết chóc, đó là một trong những sức mạnh làm nên chiến thắng của bộ đội ta. Bộ tú lơ khơ đặc biệt đó có số đăng ký: 8700/Gi. 2694.

ĐOÀN THỊ LỢI

LÁ CỜ TRỞ VỀ



Lá cờ trở về

“Tôi đau lòng trước sự thiệt thòi của anh ấy, tôi ước anh ấy có thể nhìn thấy đứa con đầu lòng của mình, hạnh phúc bên cha mẹ, tự hào vì sự cống hiến cho Tổ quốc, được tôn vinh vì lòng dũng cảm...”. Dịch đến đây, cô phiên dịch nước mắt trào ra, giọng nghẹn ngào. Thômát ngập ngừng vỗ vỗ vào vai cô. Không thể chịu đựng hơn được nữa, tôi chạy vội về cuối hành lang và đứng đó bám vào tường nức nở. Tôi đã khóc cho người chiến sĩ đã hy sinh, cho tuổi trẻ dũng cảm của anh và cho sự khắc nghiệt của chiến tranh.

Giờ thì từ “chiến tranh” đã trở nên xa vời với lớp trẻ, nhưng chỉ một cuộc gặp gỡ nhỏ này thôi, giữa các cán bộ Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam và hai người Mỹ, chiến tranh lại trở về lạnh lùng và khắc nghiệt như bản chất vốn có của nó, trở về qua lá cờ đã phai sắc đỏ nhưng vẫn có thể nhìn thấy một vài vết sạm màu còn in trên đó. Lá cờ được trao lại từ tay một người Mỹ.

Anh ta tên là Thômát Xmit (Thomas Smith) sang miền Nam Việt Nam vào năm 1961, sau đó bị thương trở về Mỹ rồi quay lại Việt Nam vào năm 1967. Tại Quảng Ngãi năm 1969, trong một trận giáp lá cà - một trận đánh bất ngờ trong màn sương sớm - đơn vị anh ta bị Quân giải phóng tiến công. Họ bất thần xuất hiện như từ dưới lòng đất chui lên, anh ta chỉ kịp quay sang phải, một người lính nhoáng qua như ảo ảnh, viên đạn từ nòng súng trong tay Thômát vọt ra... Lục soát quần áo người lính, anh ta chẳng tìm được gì ngoài một lá cờ búa liềm. Anh cất nó đi và thỉnh thoảng đem khoe bạn bè như một chiến công. Mọi chuyện rồi cũng qua đi bởi sự khắc nghiệt của chiến tranh, anh ta lại bị thương và lần này được đưa sang Nhật, rồi từ Nhật trở về Mỹ, lá cờ vẫn nằm trong ba lô và chuyển đến tay Thômát khi anh đang nằm dưỡng thương trong bệnh viện. Thômát rất ngạc nhiên khi nhìn thấy lá cờ, vì thực sự với anh ta lúc đó lá cờ chỉ còn như một kỷ niệm. Thế rồi lá cờ hiện diện trong nhà Thômát như một đồ vật quen thuộc, được lồng vào khung và treo trên tường. Thômát lấy vợ, có hai cô con gái xinh đẹp, cuộc sống êm đềm trôi đi. Vào một ngày tĩnh lặng trong đời, đột nhiên anh ta ngồi xuống trước lá cờ, ngắm nhìn nó và ngẫm nghĩ lại những ngày đã qua. Nỗi ám ảnh lại trở về. Thômát nghĩ về người chiến sĩ trẻ mà anh ta đã bắn, nếu còn sống hẳn anh ấy sẽ có vợ, có cuộc sống hiền hoà và cũng có thể sẽ có hai cô con gái bé bỏng xinh xắn như Thômát. Một điều gì đó bùng lên trong lòng anh ta.

Thômát chuyển văn phòng làm việc vào Lầu năm góc, lá cờ được chọn mang theo và nó được treo trang trọng ngay trước bàn làm việc, lúc nào anh ta cũng có thể ngắm nhìn nó và âm thầm trò chuyện với nó. Người chiến sĩ Việt cộng - Lá cờ - Thômát, cả ba như hòa vào làm một, anh ta sống, hít thở làm việc cho cả người chiến sĩ ấy. “Như thể anh ấy nằm trong con người tôi, như thể lá cờ là bạn tôi...”.

Tháng 8-2001, Thômát Xmit sang Việt Nam làm việc, anh ta đem chuyện lá cờ ra kể với cô phiên dịch của mình. Thu - tên cô phiên dịch - vừa đọc trên báo một bài viết về triển lãm “Nghĩa tình đồng đội” đang được tổ chức tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, và thế là cô nảy ra ý định khuyên Thômát trao lá cờ lại cho bảo tàng.

- Ông có biết thêm thông tin gì về người lính đó nữa không? Tôi hỏi.

- Rất tiếc là tôi không biết, vì trong người anh ấy chẳng còn gì cả? Về mặt Thômát thực sự rất buồn, đôi vai anh ta không xuống như thể bị cái gánh nặng của quá khứ đè xuống, hẳn anh ta đã day dứt vô cùng vì những gì đã trải qua. Lòng tôi tự nhiên chùng xuống, sự xa cách cũng vội bứt khi tôi

nhìn thẳng vào đôi mắt xanh bối rối của Thômat.

- Dù sao thì ông cũng đã làm được một việc rất có ý nghĩa? Tôi trịnh trọng nói sau một khoảng thời gian, không khí như trầm xuống. Khi ông đem lá cờ này về với đất nước chúng tôi thì cũng có nghĩa người lính ấy đang được trở về nhà. Hy vọng một ngày gần đây, khi chúng tôi đem lá cờ ra trưng bày thì đồng đội của người chiến sĩ ấy sẽ nhận ra và anh ấy sẽ thực sự trở về nhà!

Rồi tôi dẫn Thômat Xmit đi tham quan phòng trưng bày, nhiều điều đã khiến cho anh ta cảm thấy ngạc nhiên và xúc động: Mảnh võng của người lính đã hy sinh có ghi tên hai vợ chồng mà mới đây người vợ đã nhận ra; tấm thiệp mừng năm mới có dòng chữ viết bằng bút chì mềm mại “Em sẽ đợi anh về”; cối giã trâu làm từ một quả đạn mà có lẽ người lính định gửi về cho mẹ nhưng không kịp... Tất cả hẳn đã nói với Thômat nhiều điều.

Trong truyện ngắn “Gió biển” của nhà văn Nga nổi tiếng Pautốpxki, ông đã viết về cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc Nga, về người lính Nga khi ra trận đã viết tên, địa chỉ, cả số điện thoại của người quen lên bất kỳ vật dụng nào mang trên người như: hộp thuốc lá, áo quần, cả mặt nạ phòng độc... Họ lo rằng nếu không viết như thế thì khi chết đi sẽ chẳng ai biết để báo tin cho người thân của họ được. Vậy mà người chiến sĩ Quân giải phóng Việt Nam thì... Tôi muốn dẫn giải nữa cho Thômat hiểu, nhưng mới đến đó thì Thômat đã gật gù ra chiều tâm đắc lắm, rồi anh ta mỉm cười và nói:

- Chiến sĩ Quân giải phóng Việt Nam không sợ chết, dường như họ không nghĩ đến cái chết, họ nghĩ họ không bao giờ chết!

Và họ không bao giờ chết!

Khi chia tay, Thômat bắt tay tôi rất chặt, anh ta nói: - Cô hãy quan tâm đến bạn của tôi nhé!

Tôi cười hỏi: - Ông có thấy tiếc không?

- Không, như cô đã nói rồi đấy, tôi nghĩ anh ấy đã về đến nhà. Tôi trở thành người tốt hơn là nhờ anh ấy!

Có lẽ khi thấy tôi cười, Thômat cảm thấy đỡ nặng nề hơn: “Những lúc khó khăn, tôi nhìn lá cờ - “người bạn” của mình và nhận ra rằng mình còn có rất nhiều cơ hội để thay đổi hoàn cảnh, nhưng anh ấy thì không, tôi đã nhận được nhiều lời khuyên từ anh ấy, anh ấy thực sự là bạn tôi” - rồi Thômat nói thêm - “Tôi sẽ để nguyên không treo bất cứ một thứ gì lên chỗ mảng tường trống trong văn phòng của tôi nữa, trong tôi lá cờ vẫn ở nguyên vị trí của nó!”.

Thômat vẫy tay chào từ trong xe, tôi mỉm cười đáp lại và tự nhiên cảm thấy trong lòng nhẹ bẫng, dường như tôi đã tha thứ cho anh ta, dường như có một cơn mưa rào vừa đi qua tôi.

LÊ HOÀNG MAI

GẶP CHỦ NHÂN CỦA ĐÔI DÉP XAM-PÔ RỒNG ĐẾ



Gặp chủ nhân của đôi dép xam-pô rồng đế

Hôm đó là ngày truyền thống của bộ đội thông tin, Bảo tàng Thông tin rất đông khách đến tham quan, trong số đó có một đoàn khách từ rất xa tới - đoàn cựu chiến binh của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng - khi giới thiệu đến đôi dép xam-pô rồng đế trưng bày ở đề mục chống Mỹ, tôi chợt chú ý tới một phụ nữ khoảng 50 tuổi với nét mặt đầy xúc động. Ánh mắt chị như bị hút vào đôi dép. Đoàn khách thăm xong bảo tàng rồi tản ra, tôi vẫn thấy chị đứng đó... Chợt chị quay lại, đôi mắt đỏ hoe. Tôi giật mình, đôi mắt quen quá, nhất định tôi đã gặp ở đâu đó. Hơi tò mò, tôi tiến lại định hỏi chuyện thì một chị trong đoàn níu tay tôi, nói khẽ: “Thôi đừng, để bà ấy đứng đây thêm chút nữa”. Tôi cố lục trong tư nhớ... thôi đúng rồi! Chị Vân, người nữ giao liên mưu trí quả cảm năm xưa, chính chị là chủ nhân của đôi dép xam-pô rồng đế mà tôi vừa giới thiệu. Người chị hơi đẩy ra vì tuổi tác, nhưng đôi mắt thì vẫn thế, đôn hậu, dịu dàng...

Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng, bố mẹ đều tham gia kháng chiến từ những ngày đầu chống thực dân Pháp nên Hồ Thị Vân được giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Năm 1968, khi mới tròn 16 tuổi, chị đã xung phong nhập ngũ vào bộ đội thông tin, phục vụ chiến đấu ở đại đội 3 thông tin vận động, tiểu đoàn 26, thuộc tỉnh đội Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau cuộc Tổng tiến công Mậu Thân năm 1968, Mỹ - ngụy điên cuồng chống phá cách mạng, mở ra những cuộc càn quét đẫm máu, đồng thời xiết chặt vòng vây, khủng bố trắng, nghiêm cấm nhân dân đi lại vào ban đêm... Nhận nhiệm vụ quan trọng là phải chuyển, nhận công văn từ chiến khu xuống

các cơ sở trong nội thành Đà Nẵng, vùng H7 Biên Sơn, vùng H5 Điện Nam... cô gái mảnh dẻ Hồ Thị Vân đã mưu trí, dũng cảm với nhiều hình thức khôn khéo che mắt địch, chuyển nhận hàng trăm lượt công văn tài liệu đảm bảo kịp thời, bí mật, an toàn. Trong 3 năm từ 1968 đến 1971, vượt qua bao nỗi đau, mất mát: bố hy sinh, em trai hy sinh, mẹ bị địch bắt... chị từng phải đóng giả người bán hàng rong để giấu công văn tài liệu vào trong từng củ khoai, củ sắn, thậm chí vào trong kẽ chiếc đòn gánh trên vai để qua mắt địch. Đặc biệt, trong “vai” một nữ sinh thành phố với áo dài trắng và đôi dép xam-pô đắt tiền (đã khoét rỗng để, bên trong nhét đầy tài liệu) hàng chục lần chị đã ung dung qua mặt những cặp mắt cú vọ của bọn cảnh sát ngụy.

Người nữ chiến sĩ mảnh dẻ mà gan dạ đó đã vinh dự được tặng thưởng một huân chương Chiến công hạng Ba; ba huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; bảy lần được phong tặng danh hiệu “Dũng sĩ quyết thắng”... Năm 1973, chị đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng... Đôi dép xam-pô và bức ảnh chân dung của chị đã được Bảo tàng Thông tin sưu tầm về từ năm 1978 và trở thành một trong những hiện vật giá trị, sống động của bộ đội thông tin. Hình ảnh người chiến sĩ thông tin mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, với những tình huống xử trí mà kẻ thù không thể ngờ tới. Đôi dép xam-pô là một trong những minh chứng của sự sáng tạo đó. Bản thân tôi từng giới thiệu với hàng vạn lượt người đến thăm bảo tàng mà giờ đây vẫn thấy xúc động khi đứng trước đôi dép xam-pô rỗng để ấy...

Tôi im lặng đi bên chị. Bằng giọng nhỏ nhẹ, chị kể thêm cho tôi nghe về những nỗi mất mát, đớn đau của quê hương chị, nơi đầu tiên thực dân Pháp đặt chân xâm lược, cũng là nơi quân viễn chinh Mỹ đổ bộ đầu tiên vào đất nước ta, những cảnh giết chóc, những vành đai trắng mang tính huỷ diệt mà chúng tạo ra, những cơ cực của bà con ta trong vùng bị dồn dân lập ấp, những nơi bị kẻ thù rải chất độc hoá học tàn khốc... Chính những hành động tội ác dã man của kẻ thù đã đẩy lên lòng căm thù sâu sắc, giúp chị vượt qua đau thương thử thách và cả nỗi sợ hãi để đi làm cách mạng khi tuổi đời còn rất trẻ. Chị tâm sự: “Dù đi bất cứ đâu và làm gì, những kỷ niệm một thời là bộ đội Thông tin vẫn không thể phai mờ trong tôi. Lần này ra Hà Nội, được vào lăng thăm Bác Hồ, được sống bên những người đồng đội năm xưa, thấy Bình chủng Thông tin ngày càng lớn mạnh, tôi xúc động vô cùng. Thăm bảo tàng, nhìn thấy những kỷ vật thân thương, ký ức năm xưa lại dội về, cố giữ mà không sao cầm được nước mắt”.

- Chị thấy bộ đội thông tin hôm nay ra sao? Tôi hỏi vui.

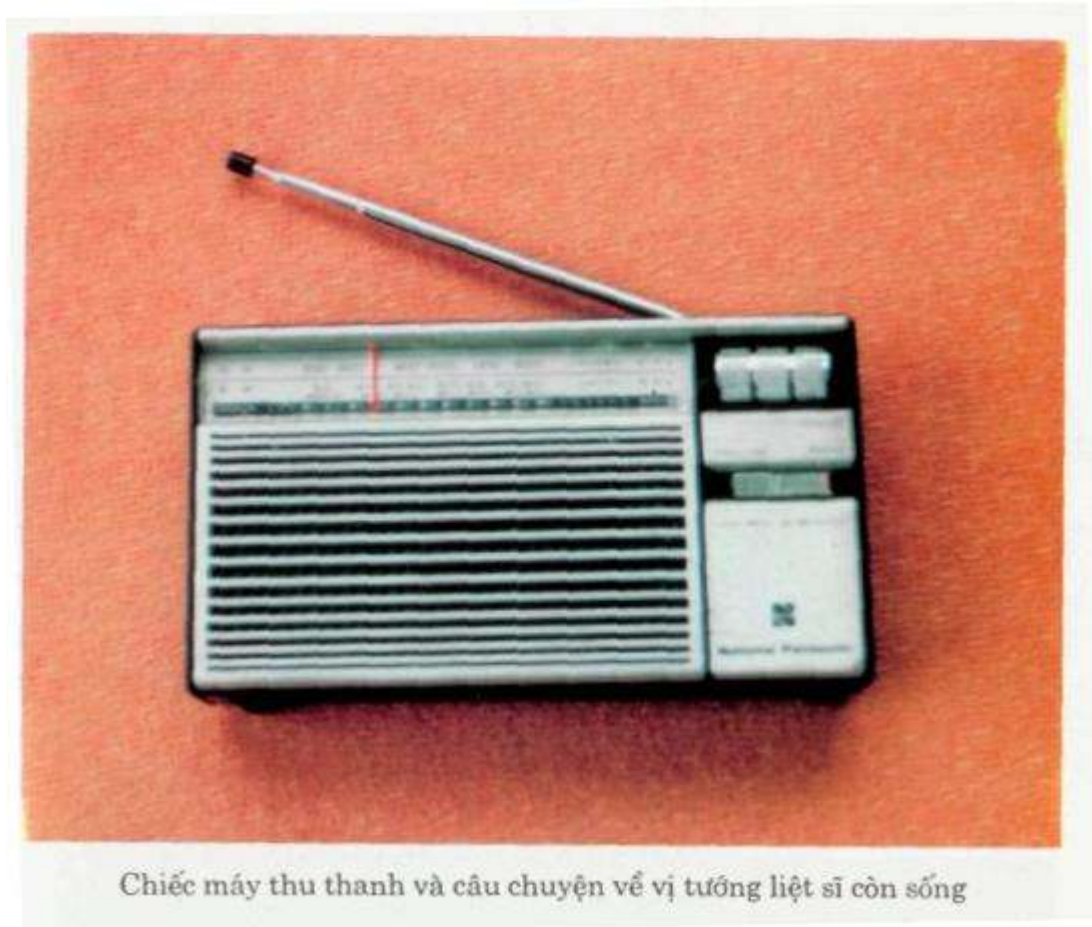
Nắm tay tôi thật chặt, chị nói:

- Thông tin bây giờ hiện đại quá, hơn cả trong tưởng tượng của tôi, còn bộ đội thông tin chúng tôi ngày xưa thì giản đơn và thiếu thốn lắm... Cảm ơn các đồng chí đã cho tôi sống lại những ngày đáng nhớ này.

Còn tôi thì nghĩ, thế hệ chúng tôi hôm nay phải cảm ơn chị, cảm ơn những người đã chiến đấu hy sinh, vượt qua bao đau thương mất mát để xây nên truyền thống hào hùng của bộ đội thông tin. Các thế hệ cha anh mãi là những tấm gương ngời sáng cho lớp trẻ chúng tôi hôm nay noi theo. Chị chia tay tôi bằng một nụ cười đôn hậu. Trong nắng gió mùa thu, ánh mắt nụ cười của chị sáng lên, trẻ trung lạ lùng, như thừa chị còn 16 tuổi.

LÊ THANH HƯƠNG

CHIẾC MÁY THU THANH VÀ CÂU CHUYỆN VỀ VỊ TƯỚNG LIỆT SĨ CÒN SỐNG



Lần theo địa chỉ do Cục Chính sách cung cấp, chúng tôi tìm đến gặp bà Võ Bích Hà - vợ của Thiếu tướng Trần Văn Trân (nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1; Sư đoàn 341; Phó giám đốc Học viện Lục quân Đà Lạt). Đợi mãi đến chiều tối, bà mới về. Bà đón đả mời chúng tôi vào nhà. Bà nói: nghe các cháu ở Hà Nội vào, tôi vội về ngay. Mấy bữa nay bận quá, chả là tôi và mấy chị em đang chuẩn bị quà trung thu cho các cháu ở phường. Bây giờ, nghỉ hưu rồi, tôi về tham gia công tác xã hội, cuốn hút vào việc nọ việc kia, đi suốt ngày các cháu ạ. Bà đưa chúng tôi vào phòng khách. Một căn phòng nhìn ra cửa sổ với một khoảng vườn nhỏ cây cối xum xuê, một bể nuôi cá cảnh có hòn non bộ. Gian phòng rộng và thoáng mát. Trong phòng, ngoài bàn tiếp khách, chính giữa nhà là tủ thờ. Bà đến bàn thờ thắp nén nhang rồi chấp tay cúi khấn. Xong xuôi, bà bung một cặp bánh trung thu xuống, và lấy ấm nước đem ra bàn. Bà mời chúng tôi: các cháu ăn đi, lộc của ông đây...

Chúng tôi đưa giấy giới thiệu cho bà xem. Giương kính lên nhằm đọc, nghĩ ngợi một lát bà hỏi: thế các cháu cần sưu tầm hiện vật gì? Chúng tôi trình bày mục đích và những công việc của chuyến đi sưu tầm. Đắn đo một lúc bà trả lời chúng tôi: Khi ông mất, cũng chẳng có gì, một số đồ dùng của ông, tôi biếu anh em họ hàng, bạn bè làm kỷ niệm, cũng còn vài thứ nhưng không lấy được các

cháu ạ. Nói rồi bà chỉ tay về phía bàn thờ, nhìn theo tay bà chỉ, chúng tôi thấy bên cạnh bức ảnh vị tướng có giá huân chương, chiếc máy thu thanh của Nhật. Bà nói: chiếc máy thu thanh này là vật kỷ niệm của ông Hoàng Văn Thái tặng ông nhà tôi tháng 3 năm 1968, khi ông ấy đến Quân ủy Miền đóng ở Lộc Ninh thời kháng chiến, nhận quyết định Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1. Ông dùng từ đó cho đến năm 1970 thì gia đình được tin ông hy sinh. Bữa truy điệu ông ấy, bà Hồ Thị Bi ở Cục Chính sách - Tổng cục Chính trị đã trao chiếc máy thu thanh lại cho gia đình. Gia đình tôi quý chiếc máy thu thanh này lắm vì nó đã theo bước chân ông trong từng trận đánh.

Chúng tôi bị cuốn hút vào câu chuyện ly kỳ của 34 năm về trước “Ông ấy là liệt sĩ còn sống” - bà kể lại:

Mùa hè năm 1970, tôi nhận được giấy mời của Tổng cục Chính trị. Trong giấy mời chỉ ghi tóm tắt: “Đồng chí đại tá Trần Văn Trân - Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1 - đã anh dũng hy sinh ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, trong lúc đang làm nhiệm vụ”, mời gia đình ra Hà Nội dự lễ truy điệu. Đọc xong tờ giấy, tôi bàng hoàng, sững sờ cả người. Tim tôi đau nhói, ông đi chiến trường biên biệt, lúc mất chẳng gặp vợ con. Tôi vừa thương ông ấy, vừa thương đàn con, vừa lo cho mình làm sao nuôi được các con khôn lớn. Sau khi ông ấy mất, tôi tưởng mình không thể sống nổi, nhưng còn những đứa con, đứa bé nhất mới có 6 tuổi. Nghĩ vậy, tôi nuốt nỗi đau, để tang thờ chồng. Lần thứ nhất lập bàn thờ cho ông, tôi đã đặt chiếc máy thu thanh, vật kỷ niệm còn lại của ông lên đó.

Tưởng nỗi đau đã chôn chặt vào trong tim, bỗng nhiên, cuối tháng 3 năm 1973, ông ấy xuất hiện. Sự trở về lạ lùng của ông sau 3 năm thờ phụng, mang lại cho tôi nhiều cảm xúc. Nhìn thấy ông bằng xương, bằng thịt, mắt tôi nhoà đi, ngỡ mình nằm mơ, thật sự tôi không thể ngờ lại có cái ngày ấy. Ngày đoàn tụ, vui là thế mà nước mắt tôi cứ trào dâng. Ông kể cho tôi và gia đình nghe câu chuyện 3 năm về trước...

Lúc đó Sư đoàn 1 được lệnh cơ động xuống đồng bằng chiếm lại vùng Bảy Núi - An Giang. Để chuẩn bị cho trận đánh, một bộ phận từ biên giới Campuchia vượt sông đi trước. Bữa đó, ông cùng mấy anh em trinh sát và một trung đội đi nghiên cứu chiến trường, chuẩn bị cho đánh lớn. Hôm đó, địch lòng sục rất gắt gao. Trên trời, lũ máy bay rình ngó, dưới sông tàu bo bo kiểm tra gắt gao. Trước đó, dọc sông Vĩnh Tế cách 1km có trạm gác của bọn bảo an, hôm nay mật độ dày đặc hơn. Chờ mãi, đến sẩm tối, nghe tiếng tàu bo bo thưa dần, ông ấy quyết định vượt kênh Vĩnh Tế. Với chiếc quần xà lỏn và chiếc áo bà ba, ông cùng một số anh em men ra phía bờ kênh. Không ngờ, một đại đội biệt kích Mỹ đã ém sẵn ở đó. Ông chỉ huy anh em đánh trả nhưng quân ta ít, phải đối mặt với lực lượng địch quá đông, hầu hết anh em hy sinh và bị thương. Ông cũng bị thương nặng. Ông quờ tay sang bên cạnh, đồng chí y tá đi theo bị trúng đạn đã hy sinh. Ông vội lấy túi thuốc từ đồng chí y tá quàng lên người. Bọn địch đến gần, rà soát thấy ông còn thở, chúng đưa ông về Cần Thơ. Chúng thu được trên người ông một khẩu CKC, một túi y tá có cao hồ cốt, cao khi với chứng minh thư Nguyễn Văn Thương - thượng sĩ đồng y.

Số anh em cùng đi, quay trở lại tìm không thấy, tưởng ông hy sinh, báo về cho đơn vị. Ông. Nguyễn Viên - chính ủy sư đoàn, cử trinh sát đi tìm. Nhân dân vùng đó cho biết đã chôn cất một số anh em. Theo mô tả, có một người giống như ông Trân. Đơn vị đề nghị cho khai quật mộ kiểm tra, nhưng nhân dân cho biết nếu làm như vậy, bọn địch sẽ tàn sát, phá phách vùng này, gây khó dễ cho nhân dân. Đơn vị quyết định báo về Quân ủy Miền. Một thời gian sau, ông Phạm Hùng nhận được một tờ giấy báo tử cơ sở cách mạng ở Cần Thơ. Tờ giấy ghi ở nhà tù Cần Thơ có một tù binh tên là

Thương, có em là Viên, Uynh. Các đồng chí Quân ủy Miền phán đoán là ông Trần vì Viên là Chính ủy Sư đoàn 1, Uynh là Sư đoàn phó Sư đoàn 1. Ông Phạm Hùng ra lệnh phải nghi binh lừa địch, đơn vị làm lễ truy điệu, thông báo về gia đình, cấp chế độ liệt sĩ.

Ba năm bị bắt làm tù binh, hơn 1.000 ngày trong nhà tù của địch biết bao nhiêu căng thẳng xảy đến với ông. Bọn địch hết tra tấn, dụ dỗ, thăm vắn nhưng không thể khuất phục nổi ông. ông đã mưu trí, dũng cảm tìm cách che mắt địch. Tại nhà tù Cần Thơ, ông là bí thư chi bộ. Ông được anh em tù nhân che giấu nên địch không hay biết. Có lần tên Vui là nhân viên trật tự, quê ở Bến Tre bắt ông chữa bệnh di tinh. Ông trả lời: lấy cái gì mà chữa, tôi làm gì có thuốc. Lần khác tên trung tá Mã Khắc Quy thăm vắn ông. Nó hỏi: “Mày là bí thư đảng ủy nhà tù Cần Thơ, phải không Thương?”. Ông trả lời: “Các thầy bắt tôi, giấy tờ trong người là thượng sĩ đồng y”. Mã Khắc Quy thử: “Có mấy thằng Việt cộng nói với tao tiêm nước dừa, huyết gà là tốt hơn xe rom, mày nghĩ sao?”. Ông trả lời: “Tôi không thạo thuốc tây lắm nhưng đứng trước cái sống, cái chết và thiếu thốn, dùng nó là cần thiết, song có lẽ không khoa học bằng thuốc tây, cao hồ cốt, cao khi”. Hắn lại hỏi: “Mày nói xem, dụng cụ nấu cao gồm có gì?”. Ông trả lời: “Hai cái chảo gang, một nồi đồng, một cửa sắt và một cái muôi hót bột”. Đó là những câu trả lời của anh em tù nhân bày cho ông. Bằng mọi biện pháp, trí thông minh và sự giúp đỡ của anh em tù nhân, bọn địch không phát hiện được ông là cán bộ cao cấp của quân đội. Không chỉ bị giam ở Cần Thơ, sau một lần đấu tranh, toàn trại Cần Thơ tuyệt thực, 800 tù nhân bị đẩy ra Phú Quốc, ông là thương binh nên bị đưa về nhà tù Hố Nai - Suối Máu.

Mãi cho tới ngày 18 tháng 3 năm 1973, ông được địch trao trả tại sông Thạch Hãn, Quảng Trị. Cởi bỏ quần áo tù, ông bơi một mạch sang bờ bắc sông Thạch Hãn. Ông không qua Trạm liên hợp mà đi thẳng theo quốc lộ. Xe và cán bộ của Quân khu 4 đã chờ sẵn. Sau 3 năm, 1 tháng, 16 ngày, ông lại được mặc bộ quân phục Quân đội nhân dân Việt Nam. Anh em đưa ông về Bộ tư lệnh B5. Lúc xe chạy vụt đi, bọn địch mới phát hiện được ông là cán bộ cao cấp, chúng biết đã trao trả nhầm nhưng đã muộn.

Tại Bộ tư lệnh B5, ông gặp những người anh em thân thiết như Lê Tự Đồng, Cao Văn Khánh, Nguyễn Hữu An, được chiêu đãi một bữa tiệc thịnh soạn, nhưng nào ông có ăn nổi. Bát cơm chan đầy nước mắt bởi ông xúc động trước tình cảm sâu sắc của đồng đội, người thân.

Sau đó, ông được trên bố trí ra Hà Nội gặp vợ con. Tại Hà Nội, ông được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và các đồng chí trong Quân ủy Trung ương, được Ban Tổ chức Trung ương cấp giấy chứng nhận toàn bộ tuổi đảng trong tù. Năm viện Quân y 108, ông được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội đến thăm. ông cũng vinh dự được đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tới thăm, động viên. Được 3 tháng, ông đòi ra viện, xin gặp một số đồng chí lãnh đạo cao cấp của quân đội: Song Hào, Lê Quang Đạo... để được đề nghị nguyện vọng của ông là tiếp tục trực tiếp tham gia đơn vị chiến đấu. Cơ quan tổ chức cấp trên vẫn muốn để ông được nghỉ ngơi, khôi phục sức khỏe. ông trả lời: “Thưa các anh, sức khỏe của tôi hồi này hơn hồi đi B năm 1964. Vả lại, tôi được nghỉ ròng 3 năm trong tù rồi”.

Tháng 11 năm 1973, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Sư đoàn 341, ông được nhận quyết định Sư đoàn trưởng. Trước khi về đơn vị, ông về thăm gia đình, không quên mang theo chiếc máy thu thanh này. Đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ông đã chỉ huy đơn vị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, tham gia ủy ban Quân quản thành phố. Năm 1975, ông được bổ nhiệm giữ chức Phó tư lệnh Quân đoàn 4. Năm 1979, ông giữ chức Phó viện trưởng Học viện Lục quân Đà Lạt.

Năm 1985, ông là Tham mưu phó Mặt trận 719, chỉ huy bộ đội chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn. Cũng năm này, ông được Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng. Năm 1995, ông nghỉ hưu. Ông qua đời năm 1997. Tôi đã ở bên ông giây phút cuối cùng. Suốt từ năm 1973, đến lúc mất, chiếc máy thu thanh ông dùng nghe tin tức qua Đài tiếng nói Việt Nam, tin quốc tế, trong nước, nắm tình hình phổ biến cho anh em đơn vị, bè bạn, người thân...

Tôi lại đặt chiếc máy thu thanh - vật kỷ niệm thân thiết của ông - lên bàn thờ lần thứ hai. Lần này, ông ra đi vĩnh viễn... Kể đến đó, bà lấy khăn lau nước mắt. Bà đưa cho chúng tôi xem lại cuốn sổ tang. Những bức ảnh, những lời của đồng đội, người thân khắp mọi miền đất nước, ở nước bạn đến chia buồn, khóc thương, ca ngợi ông một vị tướng trưởng thành từ chiến sĩ liên lạc với những trận đánh “xuất quỷ nhập thần”. Trên bàn thờ, bức ảnh ông trông khôi ngô, vầng trán rộng, đôi mắt sáng, đầy vẻ hiên ngang. Đồng đội viếng ông hai câu: “Sống anh dũng, thác trường tồn”.

Biết sẽ khó xin được chiếc máy thu thanh nhưng chúng tôi cố thuyết phục: chiếc máy thu thanh để thờ ông chỉ có bà, gia đình và một số đồng đội biết đến nhưng nếu đưa về bảo tàng, câu chuyện về vị tướng “liệt sĩ còn sống” có tác dụng giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ tốt lắm bà ạ. Suy nghĩ một hồi, bà quay ra bàn thờ thắp nén nhang, cúi xin ông, rồi lấy chiếc máy thu thanh xuống. Bà ôm chặt nó vào lòng như muốn giữ lại hơi ấm từ kỷ vật thiêng liêng ấy. Chúng tôi xúc động khôn cùng khi thấy những giọt nước mắt lăn trên gò má nhăn nheo của người vợ suốt cuộc đời nuôi con một mình, chờ chồng đi đánh giặc... Rồi bằng một động tác dứt khoát bà lau nước mắt trao kỷ vật lại cho chúng tôi. Bà nói: nếu vì việc nghĩa, các cháu đưa về bảo tàng giáo dục các thế hệ sau, chắc ông cũng mãn nguyện.

Chiếc máy thu thanh mang ký hiệu 9350/K.1066, được trân trọng trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

TRẦN THANH HẰNG

LÁ CỜ THIÊNG LIÊNG



Cả nhà má Nguyễn Thị Chanh ở xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tham gia cách mạng. Chồng má - ông Thân Văn Thuần - bị trúng đạn giặc vào một buổi sớm tháng 7 -

1968, khi đang đứng gác cho anh em đảng mình. Hồi đó, ở vùng này, ban ngày địch kiểm soát, ban đêm bộ đội, du kích về diệt ác, phá kìm. Má Chanh về động viên các con vào bộ đội, du kích, sắm cho chúng đầy đủ từ quần áo, mũ dép.

Trong năm 1968 má mất liền năm người thân: chồng, ba người con trai, một người con dâu. Đau thương tưởng chừng như không gượng dậy được, nhưng rồi má hiểu rằng trả thù cho chồng, cho con, chính là phải tích cực tham gia hoạt động cách mạng. Má đào bốn hầm bí mật nuôi thương binh, cán bộ trong nhà. Mặc bom đạn cày xới, địch càn quét, khủng bố, má vẫn cùng bà con kiên trì bám trụ. Cũng năm 1968, má Chanh bị địch bắt. Chúng giam cầm tra tấn má rất dã man, nhưng má cắn răng chịu đựng, kiên quyết không khai báo. Bất lực, địch phải thả má về má lại tiếp tục hoạt động. Má được kết nạp Đảng năm 1970. Noi gương cha mẹ và các anh, mặc dù còn nhỏ, anh Nhật cũng xin má cho tham gia du kích.

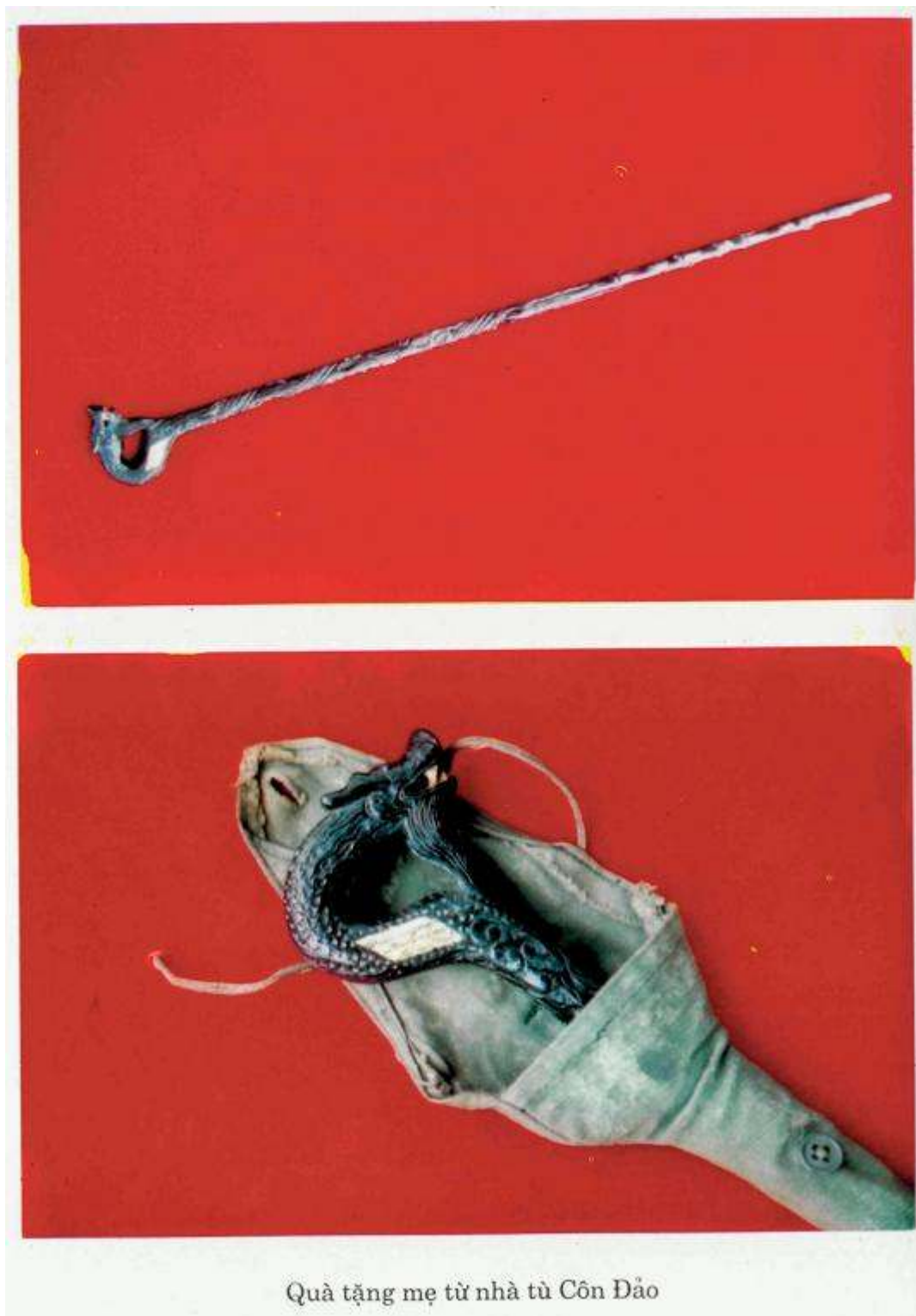
Vừa lau bụi trên các tấm bằng Tổ quốc ghi công của các con, má Chanh vừa ngập ngừng hỏi cán bộ chính sách về trường hợp hy sinh của chồng: “Nếu được công nhận liệt sĩ, nơi tuổi vàng chắc ông ấy cũng vui lòng”. Má Chanh sinh năm 1917, là thương binh hạng ba, có năm con trai, một con dâu là liệt sĩ. Anh Thân Văn Nhị, hy sinh 12-9-1968; anh Thân Đễ, hy sinh 10-11-1968; anh Thân Đường, hy sinh 27-9-1968; chị Trần Thị Hoa - bộ đội huyện, hy sinh 10-9-1968; anh Thân Văn Thương, hy sinh 14-12-1968; anh Thân Văn Hết, hy sinh 1973. Hiện nay má ở với người con út là anh Thân Văn Nhật.

Chiến tranh đã qua gần 30 năm, nhưng ở đây dấu vết một thời ác liệt vẫn còn in đậm trong từng ngõ xóm, gia đình. Công tác chính sách xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh vẫn còn nhiều vấn đề nhức nhối, day dứt. Riêng xã Điện Nam - dù khó khăn - đã cố gắng xây dựng nghĩa trang liệt sĩ khang trang và nhiều ngôi nhà tình nghĩa. Ngôi nhà má hiện đang ở cũng là nhà tình nghĩa, xây năm 1982. Trên vách đối diện với bàn thờ, dưới tấm huân chương Độc lập hạng Nhất má được tặng ngày 11-12-1985, là bằng khen “Đã phấn đấu đạt danh hiệu gia đình cách mạng gương mẫu” của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng má năm 1992.

Trong số những kỷ vật má còn giữ lại từ những ngày kháng chiến, có lá cờ Tổ quốc được má đặc biệt gìn giữ. Lá cờ này đã bị địch xé ra làm nhiều mảnh khi chúng khai được hầm bí mật ở nhà má. Chúng đi khỏi, má đưa về chắp vá lại nâng niu như một báu vật. Mỗi khi ngắm lá cờ, má thấy mình khoẻ lên, tin tưởng vào ngày thắng lợi và vượt qua mọi đau thương mất mát. Má Chanh đã trao tặng lá Quốc kỳ má cất giữ gần 40 năm nay cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam như muốn truyền lại ngọn lửa cách mạng đến lớp lớp các thế hệ mai sau.

NGUYỄN THỊ NGỌC LÂM

QUÀ TẶNG MẸ TỪ NHÀ TÙ CÔN ĐẢO



“Má ơi, con không biết có ngày về gặp má nữa hay không? Con biết mấy năm gần đây má già đi nhiều, lại đau yếu luôn mà chúng con chẳng đỡ được gì. Con dù ở xa, biên trời cách trở, vẫn luôn

nhớ về má, mong có ngày được về báo hiếu. Nay con gửi về dâng má chiếc gậy do chính tay con làm, nó sẽ thay con đỡ bước chân má. Con xin má giữ gìn sức khỏe và tha lỗi cho chúng con đã không phụng dưỡng má lúc về già...”. Má Bông không cầm được nước mắt khi nhận thư và quà của con trai gửi về từ nhà tù Côn Đảo, một ngày cuối năm 1970. Người con bị đày ải chốn “địa ngục trần gian” đã gửi về tặng má cây gậy rất vững chắc, đẹp đẽ, được làm bằng gỗ keo ở Côn Đảo (một loại gỗ rất dẻo dai, cứng cáp). Những đường nét chạm khắc tinh xảo thành hình một con rồng, trên gậy còn khắc chữ bằng vỏ ốc: ***“Kính dâng mẹ - con Nguyễn Ngọc Trình - Côn Đảo 25-11-1970”***.

Ông Nguyễn Ngọc Trình (sinh năm 1938) là một trong năm người con trai của má Mai Thị Bông ở phường Thạc Gián, thành phố Đà Nẵng. Má đã qua lâu rồi cái tuổi “thất thập cổ lai hy”, có năm con trai thì cả năm anh đều tham gia cách mạng, bốn anh đã hy sinh: Nguyễn Ngọc Kiệt, Nguyễn Ngọc Tương, Nguyễn Ngọc Phụng, Nguyễn Đình Minh. Má có hai người con trai lớn tham gia cách mạng từ năm 1944. Bản thân má là cơ sở cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ. Nhà má là nơi hội họp của các đồng chí lãnh đạo phong trào sinh viên, học sinh, giáo chức trong những năm 60. Má thường ngồi khâu vá, canh cho các đồng chí họp trong buồng. Mỗi khi có động, tài liệu giấu xuống chiếu, những người họp trở thành một hội đánh bài. Má còn lo cơm nước cho các đồng chí cán bộ nằm vùng. Nhà má luôn luôn bị địch theo dõi, lục soát, đe dọa, bắt bớ nhưng má và các con vẫn không xa rời đội ngũ. Một người con gái đi làm giao liên bị đau tim trở về nhà rồi qua đời, má thêm một lần đau đớn, nhưng không vì thế mà ngăn cản những người con khác ra đi. Các anh đã ngã xuống nơi Tổ quốc cần đến. Trong bốn người, có một được chôn cất tại nghĩa trang Điện Bàn, là nơi duy nhất má có thể đến thăm. Nếu không có ngày 30-4-1975 chắc má không được gặp lại người con bị đày ra Côn Đảo. Năm 1964, ông Nguyễn Ngọc Trình - chủ bút báo Hướng Sống của sinh viên học sinh, mà cơ sở in ấn được đặt ngay tại nhà má Bông, bị địch bắt, đưa về nhà lao Thừa Phủ (Huế). Đánh đập mãi, không khai thác được gì, phong trào đấu tranh đô thị lên cao buộc địch phải thả ra. Đến năm 1969, ông bị bắt lại - lúc này ông là ủy viên tuyên huấn Hội liên hiệp thanh niên sinh viên học sinh giải phóng Trung Trung Bộ, địch kết án chung thân, đày ông ra Côn Đảo. Tranh thủ lúc nghỉ (ngoài giờ lao động khổ sai) ông Trình đan giỏ mây gửi về để má đựng kim chỉ và may. Ông luôn nhớ về người mẹ tận tụy, cặm cụi ngồi vá chừa mớ quần áo cũ, canh cho cuộc họp bí mật. Không những thế ông Trình còn tự tay vẽ, thêu tặng mẹ và chị bức tranh hoa mùa xuân nhân dịp năm mới. Bức tranh nay vẫn còn tươi màu như tấm lòng son sắt, hiếu thảo của người đã làm ra nó. Má Mai Thị Bông nay đã chân run, mắt mờ, tóc bạc như cước, nhưng vẫn rất minh mẫn. Đầu xuân 1994, má được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước mời ra Hà Nội họp mặt đại biểu các gia đình thương binh, liệt sĩ. Má đã được vào Lăng viếng Bác - mong ước của cả gia đình suốt mấy chục năm qua, riêng má đã được toại nguyện.

NGUYỄN THỊ LÂM HÀ

CHIẾC XE TĂNG LỢI NƯỚC DỪNG MÃNH



Chiếc xe tăng lợi nước dừng mãnh

Tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam hiện đang trưng bày một hiện vật quý là chiếc xe tăng lợi nước PT-76, số hiệu 555, số đăng ký hiện vật 9050.K3. Trên mình chiếc xe còn hằn nhiều vết đạn ở tấm chắn pháo phía trước và cuối thành xe phía bên trái - dấu ấn trận đánh Huội San - Tà Mây, Lao Bảo - Làng Vây trong chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh năm 1968 và trận đánh sở chỉ huy lữ đoàn dù số 3 nguy Sài Gòn, bắt sống đại tá Nguyễn Văn Thọ - chỉ huy trưởng, cùng toàn bộ ban tham mưu lữ đoàn trên điểm cao 543 trong chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào năm 1971.

Xe tăng lợi nước kiểu PT-76 do Liên Xô sản xuất viện trợ cho Việt Nam cuối năm 1965, nằm trong biên chế đại đội 3, tiểu đoàn 1, lữ đoàn xe tăng 203. Kíp xe tăng 555 đầu tiên gồm Lê Xuân Tầu - trưởng xe, Nguyễn Văn Cơn - lái xe, Nguyễn Văn Tuấn - pháo thủ.

Hơn hai năm huấn luyện miệt mài, đầy gian nan vất vả trên thao trường núi rừng Lương Sơn, Hoà Bình, đầu tháng 10 năm 1967, kíp xe được biên chế về Lữ đoàn 203, hành quân vào chiến trường. Từ Lương Sơn, Hoà Bình, theo các trục đường 12A; 15; 30; 8; 21; 20; 12B... hầu hết là những con đường chiến lược mới mở dọc dải Trường Sơn qua Lào. Xe tăng PT - 76 số hiệu 555 luôn luôn dẫn đầu đội hình hành quân của tiểu đoàn, vượt qua nhiều đèo dốc, sông rộng nước chảy xiết, các trọng điểm, trục đường bị địch đánh ác liệt. Ban ngày nghỉ giấu quân, giấu xe, tối hành quân. Cuối tháng 12 năm 1967, xe tăng 555 cùng toàn tiểu đoàn xe tăng 198 đến vị trí tập kết chờ lệnh tham gia chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh từ ngày 20-1-1968 đến ngày 15-7-1968 - lực lượng tăng thiết giáp quân đội ta lần đầu tiên tham gia chiến đấu.

Trong chiến dịch này, xe tăng 555 thuộc biên chế đại đội 3, tiểu đoàn 198, trung đội trưởng Lê Xuân Tầu - trưởng xe, Nguyễn Đức Miêng - lái xe, Nguyễn Văn Tuấn - pháo thủ. Đại đội 3 xe tăng nhận lệnh phối thuộc Trung đoàn 24, Sư đoàn bộ binh 304 tiêu diệt địch ở đồn Tà Mây, nằm trong cụm cứ điểm Huội San.

23 giờ 30 phút đêm 23 tháng 1 năm 1968, từ vị trí tập kết ở Cha Ki Phìn cách Huội San 8km, toàn đại đội 3 xe tăng xuất phát tiến công Huội San. Trên đường tiến công, đã vượt qua được ngầm thứ ba thì xe 555 đi đầu đội hình bị sa lầy, phải mất khá nhiều thời gian cứu, mới kéo được xe lên. Lúc này, địch phát hiện ta tiến công, cho máy bay ném bom đánh phá ác liệt. Đại đội 3 xe tăng được lệnh dạt sang hai bên giấu quân, riêng xe 555 và 551 tiếp tục vượt lên, song đến xe 551 lại bị sa lầy nặng hơn, gần sáng mới kéo lên được. Liên sau đó cả hai xe tăng với tốc độ cao vọt lên theo đường số 9 xông thẳng vào cứ điểm địch. Lúc này bộ binh ta đã áp sát hàng rào đồn Tà Mây và đang bị hỏa lực dày đặc của địch chặn lại. Được xe 551 bắn yểm trợ, trung đội trưởng Lê Xuân Tấu lệnh cho xe 555 tăng tốc độ vọt lên xông thẳng vào cổng chính, húc đổ vật cản, đánh thẳng vào bên trong cứ điểm dẫn dắt bộ binh đánh vào tung thâm diệt sở chỉ huy địch. Lần đầu tiên thấy xe tăng ta xung trận, quân địch hoàn toàn bị bất ngờ bỏ chạy tán loạn. 8 giờ sáng ngày 24 tháng 1 ta hoàn toàn làm chủ đồn Tà Mây.

Theo kế hoạch tác chiến sau khi chiếm Tà Mây, quân ta tiếp tục tiến công cứ điểm Lao Bảo - Làng Vây, một vị trí quan trọng nằm trong hệ thống phòng ngự của địch ở Khe Sanh, do một tiểu đoàn thám báo ngự đóng trên hai điểm cao 320 và 230 - có một trung đội cố vấn Mỹ chỉ huy, đây là một vị trí được bố phòng kiên cố trong tuyến phòng thủ phía Tây theo trục đường số 9 của Mỹ - nguy.

23 giờ 15 phút ngày 7 tháng 2 năm 1968 xe tăng ta trên các hướng bắt đầu xuất kích. Từ hướng Tây, xe 555 do trung đội trưởng Lê Xuân Tấu làm trưởng xe dẫn đầu đội hình trung đội 3 của đại đội xe tăng 3 tiến công vào cứ điểm địch, dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh đánh chiếm vị trí tiền tiêu ở điểm cao 230. Địch chống cự yếu ớt rồi bỏ chạy về điểm cao 320. Sau khi công binh mở được cửa, xe 555 đã nhanh chóng đè bẹp sức đề kháng của địch, cùng trung đội 3 đánh chiếm khu đại đội biệt kích ngự số 103, rồi phối hợp với đơn vị bạn tiến vào sở chỉ huy địch. Bọn địch ở đây hoàn toàn tan rã và bị tiêu diệt phần lớn. Ba giờ sáng ta đã làm chủ hoàn toàn trận địa.

Trận đánh Làng Vây là trận chiến đấu hiệp đồng binh chủng đầu tiên có xe tăng tham gia tiến công căn cứ phòng ngự kiên cố của địch và giành thắng lợi giòn giã.

Ra trận lần đầu, xe 555 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần khẳng định truyền thống “đã ra quân là đánh thắng” của bộ đội tăng - thiết giáp.

Trong chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào năm 1971, xe tăng 555 nằm trong đội hình đại đội 9 tăng - thiết giáp, nhận lệnh đánh điểm cao 543. Kíp chiến đấu gồm Nguyễn Văn Duyên - trưởng xe, Đặng Văn Đoàn - lái xe, Nguyễn Thoảng - pháo thủ.

Lực lượng địch ở điểm cao 543 gồm sở chỉ huy lữ đoàn dù 3, một tiểu đoàn dù, một tiểu đoàn pháo binh thiếu, một đại đội công binh, có công sự kiên cố, bên ngoài bố trí vật cản là hàng rào dây thép gai và các bãi mìn chống tăng và chống bộ binh bảo vệ cứ điểm.

11 giờ 30 phút ngày 25 tháng 2 năm 1971, Đại đội tăng 9 được lệnh xuất kích, xe 555 có chính trị viên tiểu đoàn Lê Cối đi cùng dẫn đầu đội hình trung đội 1 rú ga tăng tốc độ húc đổ những cây to đã cưa sẵn ba phần tư về hướng tiến của xe tăng tiến lên điểm cao 543. Thấy xe tăng của ta xuất hiện, địch tập trung hỏa lực pháo binh, máy bay đánh vào đội hình tiến công của bộ binh và xe tăng ta. Một chùm bom rơi cách xe 555 vài chục mét làm ống nước bị hỏng, lái xe Đoàn nhanh chóng dùng

ổng cao su thay thế và tiếp tục cho xe tiến thẳng lên phía trước. Trưởng xe Duyên sử dụng pháo PT - 76 bắn vào các hỏa điểm và tiêu diệt quân địch đang bỏ chạy từ mỏm 4 về sân bay lên thẳng.

Trung đội mũi nhọn tiếp tục tiến sang mỏm 5. Từ các ngách hào đạn cối cá nhân và lựu đạn địch tung về phía trước, suýt sát thành xe bên trái và suýt phía trước gần chỗ đồng chí Lê Cối ngồi. Lái xe Đoàn dẫn mạnh ga lao lên mỏm đồi nhưng xe bị vướng ụ đất không tiến lên được, phải dừng lại. Hai xe bạn 546 và 563 vượt lên trước bị máy bay địch bắn hỏng phải dừng lại. Sau 5 phút xe 555 lùi lại và tiếp tục tiến lên phía trước. Được hai xe bạn dùng hỏa lực pháo chi viện, xe 555 vừa tiến, vừa bắn vào khu vực trận địa pháo địch và xông thẳng vào khu trung tâm thông tin, cùng bộ binh đánh chiếm Sở chỉ huy lữ đoàn dù 3 ngày, bắt sống đại tá Nguyễn Văn Thọ - chỉ huy trưởng và toàn bộ ban tham mưu của chúng.

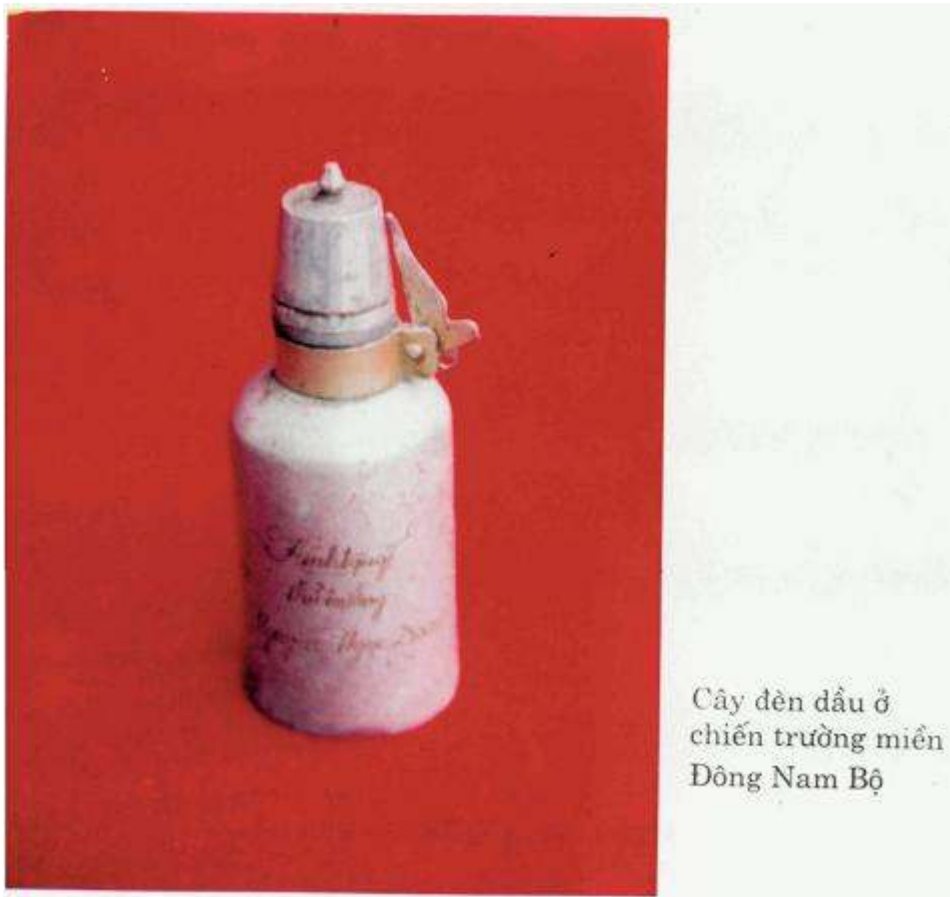
Trận hiệp đồng tiến công tiêu diệt địch ở điểm cao 543 của Đại đội 9 Tiểu đoàn 198 Lữ đoàn 203 với Trung đoàn 64 Sư đoàn 304 trong chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào là trận đánh hợp đồng binh chủng đạt hiệu suất chiến đấu cao góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Với những thành tích xuất sắc đạt được trong chiến đấu, sau trận đánh, tập thể đại đội xe tăng 9 và xe tăng 555 vinh dự đón nhận huân chương Chiến công hạng Ba. Trưởng xe Nguyễn Văn Duyên được tặng thưởng huân chương Chiến công hạng Nhất, pháo thủ Thoảng và lái xe Đoàn được tặng thưởng huân chương Chiến công hạng Nhì. Sau chiến dịch, xe 555 được đưa ra triển lãm chiến thắng Đường 9 - Nam Lào tại Văn Hồ, Hà Nội rồi đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

Hai kíp chiến đấu trên xe 555 dũng mãnh năm xưa đến nay người còn trong quân ngũ, người đã phục viên, chuyển ngành. Lê Xuân Tấu - trung đội trưởng, trưởng xe tăng 555 trong trận Tà Mây - Làng Vây năm 1968; đại đội trưởng đại đội xe tăng 9, trong đó có xe tăng số 555 trong trận điểm cao 543 Đường 9 - Nam Lào năm 1971, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1972. Đồng chí Lê Xuân Tấu hiện là Thiếu tướng - Tư lệnh Binh chủng Tăng thiết giáp.

ĐỖ THANH TRÚC

CÂY ĐÈN DẦU Ở CHIẾN TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG NAM BỘ



Trên khu nhà cao tầng thuộc cư xá Bình Thạnh, mỗi khi về đêm ngắm nhìn thành phố với ánh điện sáng choang đủ màu sắc, bất giác Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Doanh lại nghĩ về ánh đèn dầu leo lét dưới hàm trong những đêm mưa lạnh giữa cánh rừng cao su xanh thẫm, bạt ngàn thời chiến tranh ở miền Đông Nam Bộ. Ông cũng có một cây đèn, nó là vật kỷ niệm về trận đánh đoàn xe bọc thép của trung đoàn 9 thiết giáp nguy trên đường 13 năm 1972. Các chiến sĩ Trung đoàn 141 Sư đoàn 7 cắt gọt từ mảnh xe bọc thép bị đơn vị bắn cháy làm thành cây đèn tặng ông làm kỷ niệm trong buổi lễ mừng chiến thắng.

Cây đèn đã từng thao thức trong đêm, theo ông đi khắp mọi nẻo đường, thấp sáng, soi cho ông nghiên cứu tài liệu, tổng kết kinh nghiệm sau mỗi trận đánh cùng chỉ huy đơn vị nghiên cứu, lập kế hoạch tác chiến đánh địch từ năm 1972 đến năm 1975. Nhưng vinh dự nhất nó đã thấp sáng cho ông theo dõi bản đồ những đêm hành quân thần tốc trong đội hình Quân đoàn 4, cánh quân hướng Đông, phát triển theo trục đường 1 tiêu diệt chi khu Trảng Bom, Hồ Nai trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. 8 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, với cương vị chính ủy, ông cùng trung đoàn trưởng Lê Dương Liễu chỉ huy trung đoàn 141 có 8 xe tăng dẫn đầu, có nhiệm vụ hành tiến bằng sức mạnh cơ giới đột kích vào quận 1 Sài Gòn theo đường Xa Lộ.

Ở chiến trường miền Đông trong những năm đánh Mỹ, chẳng ai bảo ai, mỗi chiến sĩ Trung đoàn 141 của ông đều tìm cách làm cho mình một chiếc đèn dầu để thấp sáng mỗi khi màn đêm phủ xuống cánh rừng. Đèn dầu được chiến sĩ làm bằng đủ các chất liệu nào là lọ dầu thủy tinh, nào là hộp dầu lau súng, vỏ đạn M79... miễn sao thật gọn nhẹ, cơ động, lúc hành quân mang vác, khi chiến đấu, va đập không bị vỡ. Sau mỗi trận đánh, mỗi người về góc hầm nhỏ chìm sâu dưới lòng đất hay nửa chìm, nửa nổi, nằm bò ra, căng mắt, ngấu nghiêng đọc thư nhà, làm thơ, viết thư cho người yêu, vá lại miếng rách trên quần áo, lau vết thương dầu bằng chút ánh sáng đèn chỉ đủ toả sáng cho riêng mình. Ánh sáng ngọn đèn là nơi người lính gửi gắm nỗi niềm tâm sự riêng với quê hương, người thân, thả tâm hồn theo những dòng kỷ niệm. Có nhiều chiến sĩ khéo tay, dưới ánh sáng đèn chịu khó, tỉ mẩn cắt, gò giữa từ những mảnh xác máy bay, xe bọc thép, vỏ đạn M79 - những thứ vũ khí giết người của địch làm thành những chiếc lược chải tóc, ấm đựng nước, khay, chén... xinh xắn và tinh xảo để làm kỷ niệm. Trên mỗi sản phẩm, người chiến sĩ còn khắc ghi tên của mình, tên người yêu, hay bức tranh một mái nhà có rặng dừa, cánh cò thấp thoáng, một tháp rùa giữa hồ Hoàn Kiếm gợi nhớ tới một miền quê xa. Cảm xúc thể hiện trên mỗi đồ vật chính là tình yêu quê hương, đất nước, một giấc mơ đẹp của người lính giữa chiến trường miền Đông.

Cũng như những cây đèn khác nhưng ông cảm thấy dường như khi làm nó người chiến sĩ có sự chuẩn bị công phu hơn, cách trang trí mỹ thuật trên đèn có chủ đề định trước. Thân của nó hình trụ tròn, có nắp xoắn đóng mở, một vỏ đạn con con được làm thành ống bắc. Trên thân đèn khắc ghi dòng chữ: **Ba Vì - Quyết thắng. Kỷ niệm chiến trường miền Đông. Kính tặng thủ trưởng Nguyễn Ngọc Doanh.**

Trong rất nhiều trận đánh mà ông và đồng đội của ông đã trải qua, trận đánh trên đường 13 để lại trong ông kỷ niệm sâu sắc nhất. Năm 1972, ta mở chiến dịch Nguyễn Huệ. Chiến dịch này là chiến dịch tiền công của Quân giải phóng miền Đông Nam Bộ tiêu diệt quân đội Sài Gòn ở các tỉnh Bình Long, Phước Long, Tây Ninh, Bình Dương nhằm giải phóng tỉnh Bình Long (cửa ngõ phía bắc của Sài Gòn), khôi phục và mở rộng địa bàn đứng chân ở miền Đông Nam Bộ, tạo điều kiện cho nhân dân đánh, phá bình định. Trung đoàn 141 trong đội hình Sư đoàn 7 được giao nhiệm vụ chốt chặn địch trên đường số 13, đoạn đường kéo dài 25km từ thị xã Bình Long đến Chơn Thành. Đây là khu vực địa hình rất trống trải. Để chốt chặn đoạn đường này, trung đoàn và các đơn vị trong sư đoàn phải xây dựng nhiều cụm trận địa chốt liên hoàn, tổ chức lực lượng giữ chốt và cơ động.

Từ cuối tháng 5 đến tháng 8 năm 1972, trung đoàn bước vào vây hãm, ngăn chặn địch. Lúc này đang là giữa mùa mưa, các hầm hào, công sự đầy ắp nước. Trận địa vây, chốt của đơn vị nằm trong tầm pháo của địch, không kể ngày hay đêm máy bay địch liên tục bắn phá. Ban ngày, cán bộ, chiến sĩ nằm dưới hầm ngập nước, mọi hoạt động của đơn vị đều về ban đêm. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, giành giật với địch từng điểm chốt, từng ụ súng.

Để đảm bảo bí mật, lệnh của trung đoàn tuyệt đối không để lộ một chút ánh sáng dù là đèn pin hay đèn dầu. Trong hoàn cảnh ấy dù khó mấy, người lính vẫn có cách để có ánh sáng, có lửa. Những ngọn đèn dầu tự tạo kia vẫn toả sáng dưới chiến hào, đủ để những mái đầu chụm lại xác định vị trí trên bản đồ tác chiến, phổ biến nghị quyết lãnh đạo của trung đoàn. Một chút ánh sáng trong đêm diễn ra những cuộc giảng co một mát, một còn, giữa làn pháo địch đối với người lính được ghi nhớ như một kỷ niệm khó quên. Trong những phút căng thẳng, chờ đợi giữa hai trận đánh, cây đèn làm cho ông nhớ lại thời thơ bé, ngọn đèn dầu giữa mâm cơm, cả nhà quây quần, tiếng gà lên chuồng,

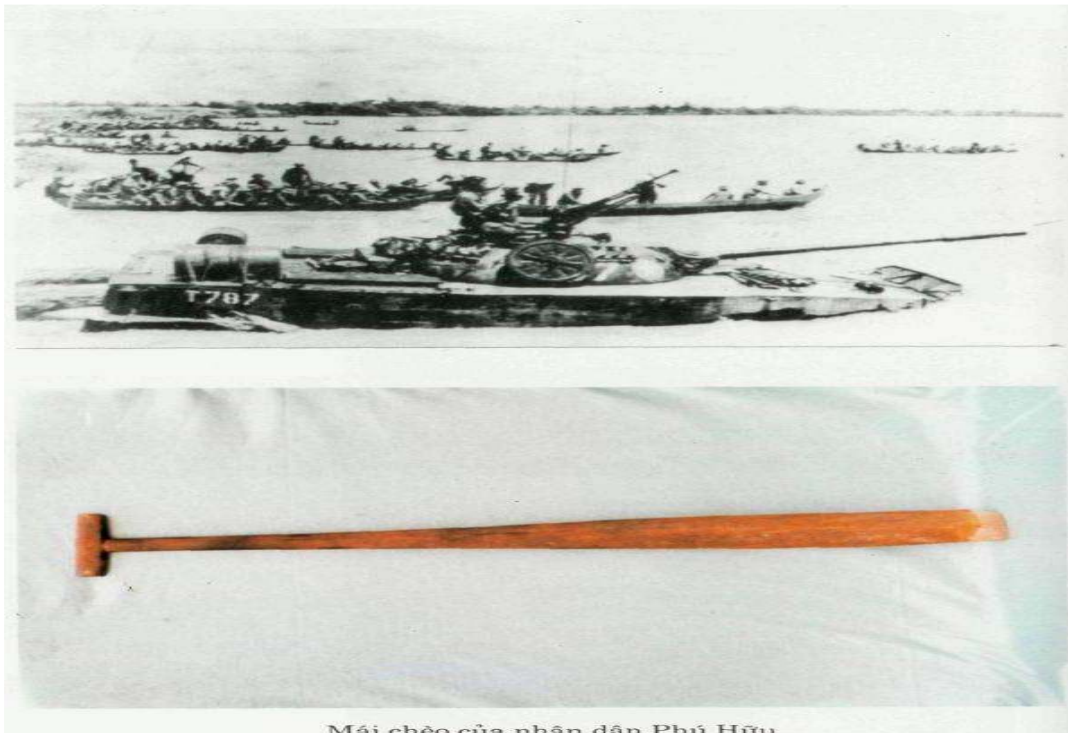
tiếng chó sủa vườn sau và bóng mẹ lẩn vào làn khói bếp chiều mưa...

Sau mấy tháng chốt chặn và vận động tiến công, trung đoàn đã góp phần đánh thiệt hại nặng sư đoàn 21, và sư đoàn 25 ngụy, tiêu diệt trung đoàn 9 thiết giáp, thị xã Bình Long tiếp tục bị bao vây. Đường số 13 trở thành con đường “sấm sét” đối với quân ngụy.

Sống giữa đời thường khi chiến tranh đã lùi xa, cuộc sống hiện tại cũng khá tươm tất, ít ai còn giữ lại những cái không dùng đến. Riêng ông, gia tài của người lính năm xưa, tất cả vẫn còn nguyên vẹn trong chiếc ba lô trận mạc. Thỉnh thoảng ông lại mở gia tài bé nhỏ của mình ra ngắm nghía lại từng thứ và nghĩ về chuyện xưa. Câu chuyện chiếc đèn và ánh sáng kỳ diệu của nó soi đường cho người lính đi đánh giặc năm nào bỗng hiện ra trước mắt. Ký ức về một thời đã qua - chiến tranh, cảm như vẫn còn hùng hực cháy trong lòng ông. Nhưng không chỉ thế ông biết về những câu chuyện xưa mà phải để ánh sáng của ngọn đèn mãi toả sáng trong lòng những người lính các thế hệ. Nghĩ vậy, Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Doanh, nguyên Phó tư lệnh Quân đoàn 4 quyết định tặng kỷ vật này cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Chiếc đèn được trưng bày ở sưu tập hiện vật các đồ dùng tự tạo của bộ đội làm từ mảnh xác các loại vũ khí hiện đại giết người hàng loạt của địch tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, mang số đăng ký: 9481/K1.1155/a,b.

LẠI VĨNH MÙI

MÁI CHÈO CỦA NHÂN DÂN PHÚ HỮU



Mái chèo của nhân dân Phú Hữu

Tối ngày 28-4-1975, Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh phân tích tình hình, ra mệnh lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận để sáng 29-4 tiến vào Sài Gòn.

5 giờ ngày 29-4, đợt tổng công kích trên toàn mặt trận bắt đầu. Sau một ngày chiến đấu quyết liệt, các hướng của chiến dịch đều đã chiếm được căn cứ phòng ngự chủ yếu của địch, tiêu diệt nhiều đơn vị chủ lực địch và đánh chiếm các bàn đạp ở ven thành phố.

Ở hướng Đông Nam, sau khi làm chủ chi khu Nhơn Trạch, căn cứ thành Tuy Hạ, mũi tiến quân của Sư đoàn 325, Quân đoàn 2 đã áp sát căn cứ hải quân Cát Lái bên sông Đồng Nai. Pháo binh dồn toàn bộ hỏa lực lên bờ sông yểm hộ cho công binh, bộ binh và các đơn vị trên tràn qua sông, đồng thời không cho địch tháo chạy bằng đường sông ra biển.

Thời gian rất khẩn trương, nhân dân xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, Biên Hoà (nay thuộc huyện Long Thành, Đồng Nai) đã không quản hiểm nguy, hăng hái đưa bộ đội sang sông bằng phương tiện riêng của mình đó là hàng trăm chiếc thuyền, xuồng đuôi tôm lao đi dưới làn bão lửa. Sau 2 giờ đồng hồ khẩn trương (từ 4 giờ 6 giờ ngày 30-4-1975), toàn bộ Sư đoàn 325 đã có mặt tại Sài Gòn, kịp thời đánh chiếm thượng nghị viện, làm chủ quận 4 và quận 9. Trong lúc qua sông, đơn vị đã bắn chìm hai tàu chiến địch. Trước đó, pháo binh ta đã bắn chìm, bắn cháy và bắn bị thương gần 20 tàu chiến địch trên khúc sông này.

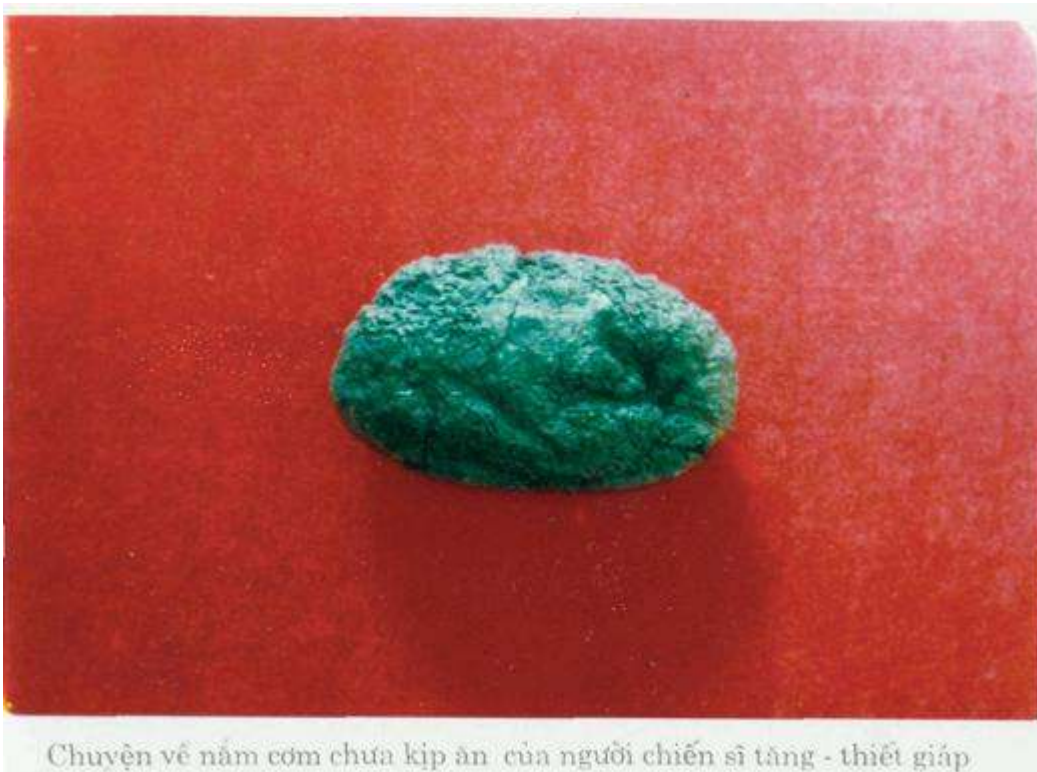
Sau chiến dịch, Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn đã gửi tặng nhân dân xã Phú Hữu bằng khen.

... Thời gian trôi qua, những người dân Phú Hữu năm nào giờ người còn, người mất, nhưng câu chuyện về tinh thần dũng cảm, không ngại hiểm nguy, sẵn sàng hy sinh tính mạng của họ mãi mãi được các thế hệ sau ghi nhớ.

Nằm khiêm nhường ở đề mục trưng bày về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, có một chiếc bơi chèo được đeo tay từ gỗ thông, trên đầu sứt một mảnh, dài 184cm, rộng 9,2cm, mang số đăng ký: 5889/G. 126. Khách tham quan khi đến đây tỏ ra rất thích thú khi biết đó chính là một trong những chiếc bơi chèo đã “tham gia” chiến dịch Hồ Chí Minh cùng các chiến sĩ Sư đoàn 325 khi xưa.

NGUYỄN THỊ LÂM HÀ

CHUYỆN VỀ NĂM CƠM CHƯA KỊP ĂN CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ TĂNG - THIẾT GIÁP



*“Tôi đã gặp vàng than trong bảo tàng truyền thống.
Không, đó là năm cơm của kíp xe đánh vào Tân Cảnh - Đắc Tô.
Các anh chưa kịp ăn khi mê mải diệt thù.
Hai bảy năm năm cơm còn đó.
Lặng lẽ vào bất tử”.*

Đó là cảm xúc của Trọng Quyết trước năm cơm cháy đen như than kíp-lê trưng bày tại Bảo tàng Tăng - thiết giáp ở đường Hoàng Quốc Việt - Hà Nội, khi anh đến thăm bảo tàng năm 1999.

Ai đã một lần đến tham quan Bảo tàng Tăng - thiết giáp, được nghe hướng dẫn viên bảo tàng giới thiệu về năm cơm chưa kịp ăn của kíp xe tăng 377 thuộc đại đội 7, tiểu đoàn 297, lữ 273 hẳn cũng nghẹn ngào xúc động. Năm cơm cháy thành than - di vật còn lại của cả kíp xe đã lập công xuất sắc và anh dũng hy sinh trong trận Đắc Tô 2 Mặt trận Tây Nguyên ngày 24 tháng 4 năm 1972. Kíp chiến đấu trên xe 377 hôm đó gồm: thiếu úy Nguyễn Nhân Triễn - trung đội trưởng trung đội 3 kiêm trưởng xe - quê Việt Hùng, Quế Võ, Hà Bắc; Cao Trần Vĩnh - lái xe, quê Cao Xá, Phong Châu, Phú Thọ; Vũ Đức Lương - pháo thủ số 1, quê Khải Xuân, Thanh Ba, Phú Thọ; Nguyễn Đức Toàn - pháo thủ số 2- quê Phú Ninh, Phù Ninh, Phú Thọ.

Cuốn Lịch sử lữ đoàn xe tăng 273 đã mô tả lại trận đánh oai hùng của kíp xe tăng 377 trên mảnh đất Tây Nguyên giàu chất sử thi như sau: 4 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 1972, trong đội hình đại đội 7, xe tăng 377 xuất kích phối hợp cùng Trung đoàn 66 Sư đoàn 10 tiến công căn cứ Tân Cảnh

do trung đoàn 42 sư đoàn 22 quân nguy chiếm giữ. Sau hơn 3 giờ chiến đấu ác liệt, quân ta làm chủ căn cứ Tân Cảnh, diệt và bắt sống toàn bộ ban chỉ huy trung đoàn 42 địch. Thừa cơ địch hoang mang dao động, Bộ tư lệnh mặt trận Tây Nguyên quyết định điều một trung đội xe tăng thuộc đại đội 7, vận động theo đường 18, phối hợp với Trung đoàn 1 bộ binh Sư đoàn 2, tiến công căn cứ Đắc Tô 2 cách Tân Cảnh 20km về phía Tây. Qua sóng vô tuyến điện, đại đội trưởng đại đội 7 giao nhiệm vụ cho trung đội 3 xe tăng, do trung đội trưởng Nguyễn Nhân Triễn chỉ huy, hiệp đồng với trung đoàn 1 tiến đánh Đắc Tô 2. Suốt nửa buổi sáng chiến đấu liên tục, không có thời gian chuẩn bị, cơm chưa kịp ăn, trung đội 3 gồm các xe 377; 354; 369 vừa củng cố đội hình, vừa tiến, vừa nắm địch, bắt liên lạc hiệp đồng với bộ binh. Xe 377 dẫn đầu đội hình vọt lên vận động với tốc độ cao, khéo léo di chuyển vượt qua các đợt ngăn chặn, đánh phá ác liệt của máy bay địch, tiến đến mục tiêu sớm nhất. Quân địch trong căn cứ thấy quân ta chỉ có một xe tăng, không có bộ binh đi kèm, liền điều 10 xe M41 chia làm hai mũi bao vây xe 377. Trong tình thế hiểm nghèo, giữa vòng vây quân thù, Nguyễn Nhân Triễn bình tĩnh chỉ huy xe tả xung hữu đột, bắn cháy 7 xe M41, làm rối loạn đội hình địch. Trong lúc hỗn chiến, xe 377 bị trúng đạn địch bốc cháy. Đúng vào lúc ấy, xe 354 và 369 có bộ binh đi cùng kịp thời chi viện đánh tràn vào làm chủ căn cứ Đắc Tô 2. Trận đánh kết thúc, đồng đội tìm thấy xe 377 bị bắn cháy giữa ngồn ngang xác xe tăng quân thù. Cả ekip xe bốn người đã anh dũng hy sinh, bên cạnh họ còn đó nắm cơm chưa kịp ăn giữa hai trận đánh, đã cháy thành than. Thương tiếc khôn nguôi, sau khi đưa các liệt sĩ đi an táng, các chiến sĩ giữ lại nắm cơm cháy đen gửi về hậu phương làm hiện vật bảo tàng.

Nắm cơm cháy trong Bảo tàng Tăng thiết giáp - kỷ vật còn lại của tập thể ekip xe 377 - là vật chứng về tinh thần cách mạng kiên quyết tiến công tiêu diệt địch “một người một xe cũng tiến công” của quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

MINH SEN

**KHẨU SÚNG MÁY PHÒNG KHÔNG 14,5mm
CỦA TỰ VỆ HÀ NỘI BẮN RƠI MÁY BAY
“CÁNH CỤP, CÁNH XÒE” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ**



Khẩu súng máy phòng không 14,5mm của tự vệ Hà Nội bắn rơi máy bay “cánh cụp, cánh xòe” của đế quốc Mỹ

Trong chiến dịch 12 ngày đêm đánh vào Hà Nội cuối năm 1972, lần đầu tiên Mỹ sử dụng cả một liên đội F111A gồm 50 chiếc mới được điều gấp từ Mỹ sang, xuất kích mỗi đêm từ 10 đến 25 lần chiếc, hoạt động xen kẽ giữa các lần đánh của máy bay B52. Máy bay chiến thuật F111A được gọi là máy bay “cánh cụp, cánh xòe” hay “máy bay tàng hình”. Đây là loại máy bay chiến thuật Mỹ mới sản xuất, tối tân nhất trong các loại máy bay chiến thuật, có trang bị kỹ thuật hiện đại, đắt tiền. Máy bay có thể bay với tốc độ cao, đồng thời có thể bay thấp để tránh bị radar của ta phát hiện. Với tính năng tác dụng lợi hại như vậy, đế quốc Mỹ sử dụng F111A vào các phi vụ đánh lên các mục tiêu ở Hà Nội.

Trong mấy ngày đầu của cuộc tập kích đường không chiến lược của Mỹ, phát hiện quy luật hoạt động của F111A, Bộ tư lệnh Thủ đô quyết định tổ chức trận địa phòng không tầm thấp của tự vệ để đón lõng đánh máy bay F111A tại trận địa Vân Đồn.

Để thực hiện chủ trương này, Bộ tư lệnh Thủ đô thành lập gấp một số liên đội dân quân tự vệ trực chiến cơ động bắn máy bay tầm thấp, trong đó có Liên đội tự vệ khu Hoàn Kiếm - Hai Bà Trưng.

Liên đội gồm 5 khẩu súng máy phòng không 14,5mm (loại một nòng) của 3 nhà máy: nhà máy gỗ 42 khu Hoàn Kiếm có 2 khẩu đội, Nhà máy cơ khí Mai Động (khu Hai Bà Trưng) có 2 khẩu đội và nhà máy cơ khí Lương Yên (khu Hai Bà Trưng) có 1 khẩu đội tại chỗ.

Thiếu úy Hoàng Minh Giám, trợ lý huấn luyện của phòng Tham mưu, Bộ tư lệnh Thủ đô trực tiếp chỉ huy. Đồng chí Giám nguyên là đại đội trưởng súng máy phòng không 12,7mm, pháo phòng không 37mm, đã có thời kỳ 4 năm làm giáo viên huấn luyện của Trường quân chính Quân khu Việt Bắc.

Sau khi chiếm lĩnh trận địa, liên đội ra sức luyện tập phương án hiệp đồng chiến đấu. Một niềm tin cháy bỏng thúc trái tim mỗi người: nhất định phải bắn rơi được máy bay địch, trả thù cho đồng bào ta bị bom Mỹ sát hại. Ý chí và nguyện vọng ấy cũng thôi thúc con tim và trí óc các đồng chí trong chỉ huy Bộ tư lệnh Thủ đô Ngày cũng như đêm, Sở chỉ huy Bộ tư lệnh Thủ đô thường xuyên theo dõi và chỉ đạo kịp thời trận địa Vân Đồn đánh máy bay F111A. Và rồi, thời cơ diệt địch đã đến.

21 giờ đêm ngày 22 tháng 12, kíp trực phát hiện từ phía Tây Bắc Hà Nội một chiếc F111A bay sát mặt sông qua cảng sông Hồng.

Lập tức Sở chỉ huy thông báo cho trận địa Vân Đồn: có F111A hoạt động. Lúc này ba khẩu đội súng máy phòng không, trong đó có các đồng chí Bùi Mai, Thái Văn Quang làm khẩu đội trưởng, Nguyễn Văn Hùng, Ngô Thị Hiếu, Nguyễn Công Cường, Tống Văn Xuyên... những tự vệ xuất sắc của nhà máy Lương Yên - là pháo thủ số 1, số 2, nhà máy Mai Động, nhà máy gỗ 42 đã sẵn sàng. Được lệnh nổ súng, các trận địa đồng loạt điểm xạ theo phương án đã được luyện tập. Những luồng đạn thẳng căng rạch bầu trời, chụm chính xác vào chiếc F111A. Máy bay trúng đạn, bốc cháy, có ngọat sang hướng Tây và rơi xuống huyện Lương Sơn, Hoà Bình.

Như vậy là, chỉ với 19 viên đạn, liên đội tự vệ Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng đã bắn rơi 1 máy bay F111A. Càng vui hơn vì chiến công này được ghi đúng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt

Nam.

Ngay sau trận chiến đấu, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam đã cử cán bộ đến trận địa sưu tầm hiện vật. Nhiều tang vật của chiếc máy bay đã được kịp thời đưa về trưng bày tại bảo tàng.

Những ngày sau khi Mỹ phải ngừng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52, bảo tàng nườm nượp khách trong nước và quốc tế đến tham quan. Mọi người đến xem tang vật của máy bay B52, F111 trong trận chiến đấu 12 ngày đêm ở Hà Nội đều nhìn thấy rõ trên góc một cánh máy bay F111A còn ghi dòng chữ “Liên đội tự vệ Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hà Nội bắn rơi ngày 22.12.1972”.

Sau khi đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc, liên đội tự vệ khu phố Hoàn Kiếm - Hai Bà Trưng đã chuyển một trong những khẩu súng 14,5mm đã lập chiến công bắn rơi máy bay “Cánh cụp, cánh xoe” đêm 22-12-1972 cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

ĐOÀN THỊ LỢI

**BẢN ĐỒ VÀ BĂNG DEO TAY
CỦA ANH HÙNG KHÔNG QUÂN
NGUYỄN ĐỨC SOÁT**



Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta đã giành thắng lợi to lớn, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ có nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Đứng trước tình hình đó, Níchxơn buộc phải “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh.

Ở miền Nam Việt Nam, Mỹ tăng cường các phương tiện chiến tranh, sử dụng không quân và hải quân làm lực lượng chiến đấu trực tiếp cùng quân ngụy phản kích trên toàn bộ chiến trường.

Đối với miền Bắc, từ năm 1969 đến 6-4-1972, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ hai. Khác với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, lần này chúng huy động lực lượng lớn đánh ồ ạt ngay từ đầu với nhiều loại vũ khí trang bị kỹ thuật đã được cải tiến.

Bộ đội Không quân trẻ tuổi cùng với các lực lượng phòng không nhân dân cảnh giác cao, chiến đấu giỏi, lập nhiều chiến công, trong đó có trận đánh tiêu biểu vào ngày 27-6-1972.

Ngày 27-6-1972, địch huy động 44 lần chiếc máy bay đánh phá một số mục tiêu ở Hà Nội. Để không chế các sân bay Nội Bài, Gia Lâm và tổ chức đánh chặn không quân ta ở Nghĩa Lộ, Vĩnh Phúc, Mỹ cho máy bay tiêm kích vào trước 12 phút, một số tốp máy bay F105 đánh phá các trạm radar dẫn đường cho không quân.

Phán đoán được ý đồ và thủ đoạn của địch, Sở chỉ huy Binh chủng lệnh cho biên đội Nguyễn Đức Nhu, Hạ Vĩnh Thành trực ban ở sân bay Nội Bài xuất kích. Các chiến sĩ không quân ta phát hiện 4 chiếc F4 bay theo đội hình kéo dài, trắc thủ số 1 Nguyễn Đức Nhu được lệnh lao vào công kích, bắn rơi một máy bay địch.

Hòng cứu đồng bọn, chỉ ít phút sau, từng tốp hai chiếc, bốn chiếc máy bay địch bay ở độ cao 5.000m đến 6.000m liên tục quần đảo ở khu vực Hòa Bình, Thanh Sơn, Mộc Châu, Vạn Yên, Sơn La.

Sau khi phán đoán tình huống và lợi dụng địch sơ hở, Tư lệnh binh chủng quyết định cho hai biên đội lên đánh. Biên đội Nguyễn Đức Soát, Ngô Duy Thủ đánh địch trên hướng Hòa Bình, Vạn Yên. Sở chỉ huy binh chủng dẫn biên đội Phạm Phú Thái, Bùi Thanh Liêm đánh địch trên hướng Yên Bái, Nghĩa Lộ.

11 giờ 53 phút, biên đội Nguyễn Đức Soát cất cánh từ sân bay Nội Bài. Trung đoàn trưởng Nguyễn Hồng Nhị thông báo hướng bay của địch và dẫn biên đội lên cao 5.000m chọn đánh 4 máy bay địch mới bay vào. Sau đó vài phút Nguyễn Đức Soát phát hiện hai chiếc F4 ở cự ly 20km, độ cao 3.000m, dưới mặt đất, sở chỉ huy lệnh cho biên đội quay về.

Nhận thấy thời cơ tiêu diệt máy bay địch thuận lợi, Nguyễn Đức Soát xin phép được công kích, anh bình tĩnh vào đến cự ly 1.500m, ấn nút phóng tên lửa, thấy máy bay địch bốc khói nhưng chưa cháy, anh phóng tiếp quả thứ hai - một cột lửa bùng lên từ máy bay địch. Biết chắc mục tiêu đã bị tiêu diệt, Nguyễn Đức Soát quay về sân bay Nội Bài hạ cánh an toàn. Đồng đội của Soát, trắc thủ số 2 - Nguyễn Duy Thủ với hai quả đạn tên lửa cũng bắn rơi tại chỗ một chiếc F4.

Biên đội Thái - Liêm do sở chỉ huy binh chủng dẫn đường cũng bắn rơi hai máy bay địch trên vùng trời Nghĩa Lộ, hạ cánh an toàn xuống sân bay Yên Bái. Do chiến đấu giỏi, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ nên tháng 11-1973, Nguyễn Đức Soát được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 27-6-1972 đại đội 3, trung đoàn 927 của Soát, Thủ, Thái, Liêm bắn rơi 4 máy bay Mỹ, nâng tổng số máy bay Mỹ bị đại đội bắn rơi lên 60 chiếc, trong đó có chiếc thứ 3.900. Đơn vị được Nhà nước phong tặng danh hiệu đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 18-6-1969.

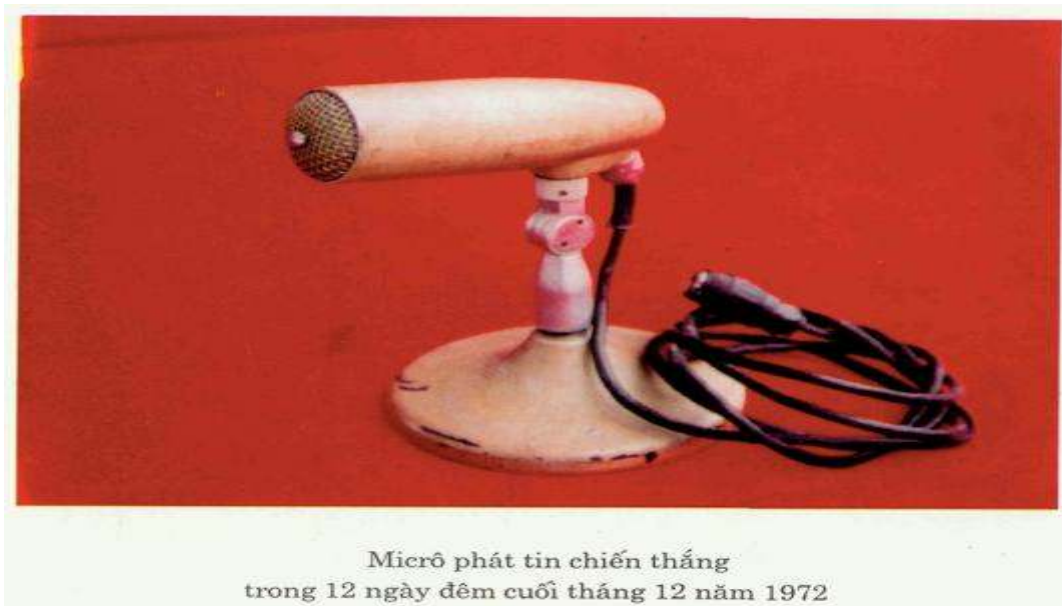
Trung đoàn 927 cũng được Nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20-12-1979, góp phần tô thắm truyền thống của Không quân Việt Nam:

*Trung thành vô hạn
Kiên quyết tiến công
Đoàn kết hiệp đồng
Lập công tập thể.*

Tám bản đồ và băng đeo tay ghi dấu những chiến công của anh hùng Nguyễn Đức Soát hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

ĐĂNG BÍCH LIÊN

**MICRÔ PHÁT TIN CHIẾN THẮNG
TRONG 12 NGÀY ĐÊM
CUỐI THÁNG 12 NĂM 1972**



Chiếc micrô của Đài tiếng nói Việt Nam do Liên Xô sản xuất là một trong những hiện vật quý của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam - một vật chứng nói về thất bại của đế quốc Mỹ và thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược 12

ngày đêm cuối năm 1972 (18-12-1972 - 29-12-1972).

Thấy rõ vị trí và tác dụng của phương tiện thông tin đại chúng này, nên một trong những mục tiêu của đợt tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B52 của đế quốc Mỹ, tháng 12-1972 là Đài tiếng nói Việt Nam ở Mễ Trì.

Từ 4 giờ 27 phút đến 5 giờ 33 phút ngày 19-12-1972, Mỹ cho 30 lần chiếc B52 ném bom rải thảm vào Mễ Trì với âm mưu bịt tiếng nói chính nghĩa của nhân dân ta.

Tại đây, B52 đánh liên tục 6 trận, ném xuống hàng nghìn quả bom trên diện tích chưa đầy một km².

Viên thiếu tá phi công Mỹ Aléch-xan-đơ Phéc-nan-đô - sĩ quan hoa tiêu có số giờ bay kỷ lục 6.500 giờ được giao nhiệm vụ dẫn đường để B52 tiêu diệt Đài tiếng nói Việt Nam - sau khi bị bắt đã thú nhận: “Máy bay do tôi dẫn vừa tới mục tiêu đã thấy lưới lửa phòng không dày đặc từ mặt đất bắn lên. Chúng tôi quá sợ hãi trút bom vội vàng, rồi tăng tốc độ cao nhất để chạy trốn, nhưng đã quá muộn, quả tên lửa bắn trúng máy bay, tôi chỉ kịp ấn nút nhảy dù. Vào đến nhà tù tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy Đài tiếng nói Việt Nam vẫn phát sóng rõ ràng đều đặn”.

Mặc dù Đài tiếng nói Việt Nam bị hư hỏng nặng, nhưng do sớm dự kiến âm mưu, thủ đoạn của địch, nên Đài chỉ tạm ngưng phát sóng đúng 9 phút 37 giây vào rạng sáng ngày 19-12-1972.

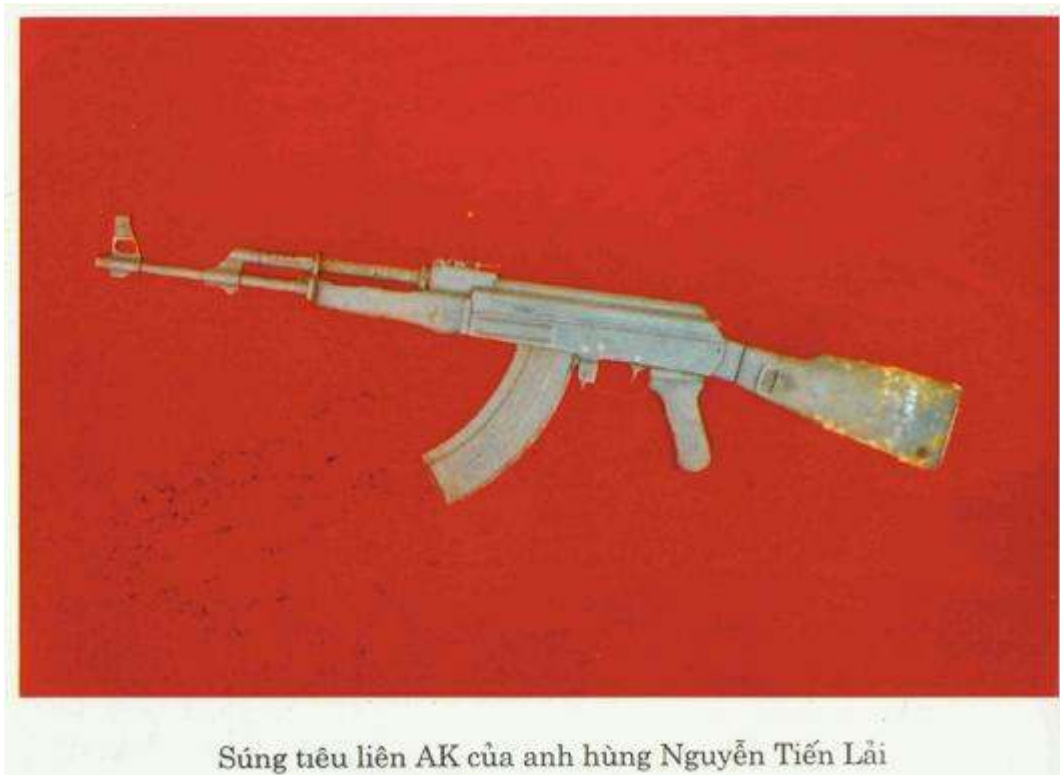
Các phát thanh viên của Đài tiếng nói Việt Nam vẫn cất cao giọng đọc để tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, thông báo tin chiến thắng của quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc tập kích chiến lược của đế quốc Mỹ với đồng bào cả nước và nhân dân khắp năm châu.

Cũng trong thời điểm này, phát thanh viên của Đài đã đọc bài bút ký bằng tiếng Nhật của nhà báo Lưu Quý Kỳ tố cáo việc Mỹ dùng B52 phá hủy Đài tiếng nói Việt Nam. Sau đó ít lâu, Đài tiếng nói Việt Nam nhận được bức điện của ông Catêmura - chủ tịch công đoàn truyền thanh dân gian Nhật Bản - thông báo cho biết đã quyên góp được 5 triệu yên từ các tổ chức nghe đài, để góp một phần vào việc khôi phục cơ sở của Đài bị phá hủy và mời đoàn cán bộ Đài sang Tôkyô chọn mua thiết bị cần thiết với số tiền đó.

Chiếc micro đã gắn bó với các phát thanh viên trong những ngày cuối tháng 12-1972 đã trở thành hiện vật của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam với số đăng ký: 5198/ĐB. 886.

ĐẶNG BÍCH LIÊN

SÚNG TIÊU LIÊN AK CỦA ANH HÙNG NGUYỄN TIẾN LÃI



Súng tiêu liên AK của anh hùng Nguyễn Tiến Lãi

Khẩu súng AK 47 - vật bất ly thân của Nguyễn Tiến Lãi, đã cùng anh tham gia nhiều chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước độc lập, thống nhất được anh trao tặng cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Khẩu súng có số đăng ký: 6365/K3.1604 với một lai lịch rất đáng tự hào:

Năm 1950, Nguyễn Tiến Lãi chào đời tại một miền quê yên ả, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Lớn lên, theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh xung phong vào bộ đội khi tuổi vừa tròn 17. Vào bộ đội, anh được biên chế vào Đại đội 6, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 18, Sư đoàn 325.

Hơn 7 năm liên tục chiến đấu ở các chiến trường Trị - Thiên và Khu 5, trưởng thành từ người chiến sĩ đến cán bộ tiểu đội, trung đội, ở cương vị nào, anh cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhờ kiên trì rèn luyện, tháng 7 năm 1969, Nguyễn Tiến Lãi đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng Lao động Việt Nam.

Mặc dù chưa được đào tạo ở một trường sĩ quan nào, nhưng Nguyễn Tiến Lãi lại có năng lực chỉ huy tài giỏi, lúc nào cũng tỏ ra bình tĩnh, dũng cảm, mưu trí, kiên quyết tiến công địch, luôn dẫn đầu đơn vị, vượt mọi khó khăn, thử thách và không ngừng trưởng thành.

Đầu tháng 12 năm 1971, Nguyễn Tiến Lãi phụ trách trung đội chốt giữ điểm cao 24 ở phía Tây huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Quân địch gồm 2 đại đội, có pháo binh, xe tăng yểm trợ. Chúng ý vào lực lượng đông, phản kích quyết liệt. Nguyễn Tiến Lãi bình tĩnh chờ địch đến gần khoảng 20m,

mới ra lệnh nổ súng. Bị tiến công bất ngờ, quân địch hết sức hoảng loạn, anh dẫn đầu trung đội đánh thốc vào đội hình của chúng. Khi bị thương, máu ra xối xả, anh nén đau, tự băng bó, tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu. Trận này trung đội anh với 11 tay súng đã diệt 65 tên, đánh lui các đợt phản kích của hai đại đội địch, giữ vững chốt - hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 1 và 2 tháng 7 năm 1972, Nguyễn Tiến Lãi được phân công phụ trách trung đội chốt giữ khu vực phía Bắc quận Hải Lăng, Quảng Trị. Địch tăng cường lực lượng tới 1 tiểu đoàn, có máy bay, pháo binh, xe tăng yểm trợ, 5 lần phản kích lên chốt. Anh mưu trí dẫn đầu trung đội đánh tạt sườn, nhằm đúng vào chỗ yếu của địch, bẻ gãy cả 5 đợt phản kích, diệt 70 tên, bắn cháy 1 xe tăng.

Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, chỉ huy mưu trí, đạt hiệu suất cao, Nguyễn Tiến Lãi đã được tặng thưởng huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì. Ngày 26 tháng 2 năm 1975 - mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Tiến Lãi cùng đơn vị lên đường hành quân vào Mặt trận Tây Thừa Thiên. Lúc này, anh đã là trung uý - đại đội trưởng đại đội 6.

Ngày 21 tháng 3 năm 1975, đơn vị anh được giao nhiệm vụ đánh phá cao điểm 520 phía Đông Bắc Phú Lộc. Đây là một cao điểm rất lợi hại của địch, công sự kiên cố, do 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến nguy chốt giữ. Nguyễn Tiến Lãi trực tiếp dẫn tổ trinh sát đi nghiên cứu thực địa. Vào trận, các mũi xung kích của đại đội 6 lần lượt mở các lớp rào, đến lớp rào thứ 9 thì bị lộ. Nguyễn Tiến Lãi lệnh cho đơn vị nổ súng quyết liệt áp đảo địch hỗ trợ cho cửa mở. Địch tập trung hỏa lực bắn ra dữ dội. Đến 0 giờ 30 phút ngày 22 tháng 3 năm 1975, mũi thứ yếu nổ súng nhưng hỏa lực địch vẫn tập trung vào hướng chính của đơn vị anh. Chiến sĩ thương vong nhiều. Trong khói lửa mịt mù, Nguyễn Tiến Lãi như con thoi chạy hết nơi này đến nơi khác, vừa động viên anh em chiến đấu trả thù cho đồng đội vừa trực tiếp chiến đấu kiềm chế hỏa lực địch. Đúng 1 giờ sáng, cửa mở vào chốt địch đã thông.

Thời cơ đã đến, tiểu đoàn lệnh cho đại đội 5 và đại đội 7 đánh vào tung thâm, còn đại đội 6 được lệnh đánh ở hướng thứ yếu. Nhưng ở hướng này, đơn vị anh cũng gặp rất nhiều khó khăn. Địch ở lô cốt đầu cầu dùng hỏa lực bắn ra xối xả. Đại đội 6 và đại đội 8 phối hợp kiềm chế hỏa lực địch, không cho chúng lộ đầu ra khỏi công sự và lô cốt ngầm, tạo điều kiện cho mũi chính diện đánh địch thuận lợi. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt từ 0 giờ ngày 22 tháng 3 đến 17 giờ ngày 22 tháng 3 mới kết thúc. Trong trận này, đại đội 6 đã cùng đại đội 8 bắt sống nhiều tên nguy, diệt gọn 2 tiểu đoàn địch, làm chủ hoàn toàn cao điểm 502.

Sau đó, đại đội 6 còn phối hợp tác chiến với các đại đội 7, 8 thuộc tiểu đoàn 8 tiêu diệt 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, bẻ gãy cánh cửa án ngữ phía Tây Thừa Thiên, tạo điều kiện cho các đơn vị bạn diệt gọn cao điểm 560, 497.

Đại đội 6 được anh em trong tiểu đoàn đặt tên là “đại đội thép”. Nguyễn Tiến Lãi được tặng huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất.

Thừa thắng, Sư đoàn 325 lệnh cho đại đội trưởng Nguyễn Tiến Lãi chỉ huy đại đội 6 nhanh chóng cắt đường 1, chặn địch không cho chúng rút chạy từ Huế vào Đà Nẵng. Quân địch ở Thạch Bàn, Ráng Bò, Mũi Né phát hiện chốt của đại đội 6, liền tập trung hỏa lực phản kích nhưng đều bị đẩy lùi. Nguyễn Tiến Lãi kiên quyết chỉ huy đơn vị chặn đứng tàn quân địch tháo chạy từ Huế vào Đà Nẵng, tạo điều kiện cho đơn vị bạn tiến công, tiêu diệt địch.

Khi phát hiện quân địch ở đèo Lãng Cô tháo chạy, được lệnh truy kích, đại đội 6 đã dũng mãnh tiến công, Nguyễn Tiến Lãi dẫn đầu đại đội tiến thẳng lên đỉnh đèo Lãng Cô, tiêu diệt toàn bộ sở chỉ huy dã chiến của chúng.

Sau khi làm chủ đèo Lãng Cô, Nguyễn Tiến Lãi xốc lại đội hình tiếp tục tiến đánh bán đảo Sơn Trà. Đại đội 6 của anh đã vinh dự cắm lá cờ giải phóng lên bán đảo Sau hai trận này, Nguyễn Tiến Lãi được nhận huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Tiến Lãi chỉ huy đơn vị đánh chiếm Long Thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được sư đoàn đặc biệt khen ngợi. Trung đoàn 18 lan truyền câu “ở đâu khó có Đại đội 6” và phát động phong trào học tập gương Nguyễn Tiến Lãi “có quyết tâm cao, luôn luôn là một mũi nhọn trong chiến đấu, chỉ huy giỏi, diệt nhiều sinh lực địch”.

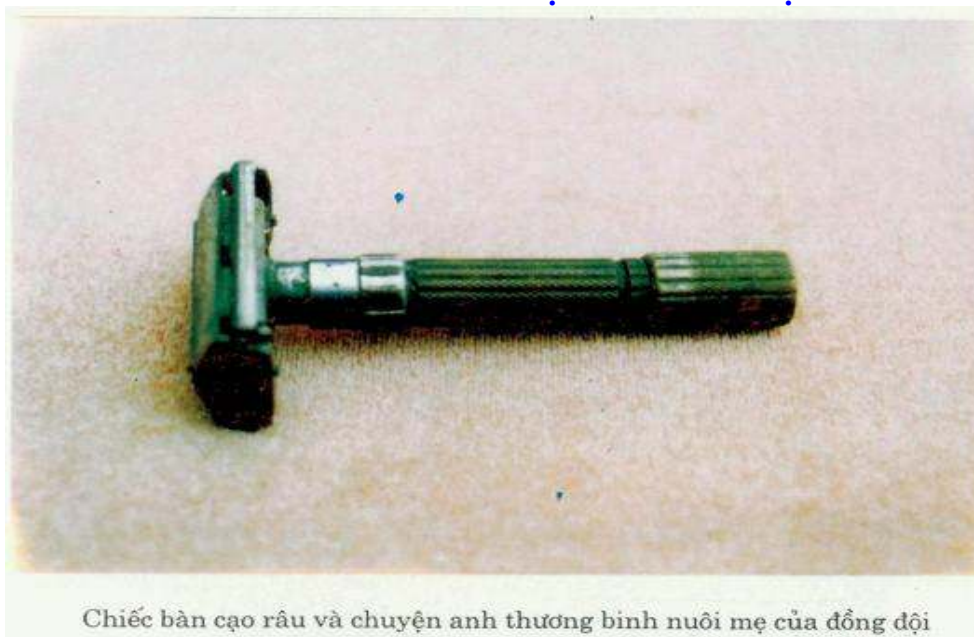
Trong suốt quá trình chiến đấu, Nguyễn Tiến Lãi đã chỉ huy đơn vị diệt hàng trăm tên địch, bắt sống 1.800 tên, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Riêng đồng chí vừa chỉ huy đơn vị, vừa trực tiếp diệt 27 tên địch.

Nguyễn Tiến Lãi đã được tặng thưởng 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 2 huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba và 4 bằng khen.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Nguyễn Tiến Lãi vinh dự được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐOÀN THỊ LỢI

CHIẾC BÀN CẠO RÂU VÀ CHUYỆN ANH THƯƠNG BINH NUÔI MẸ CỦA ĐỒNG ĐỘI



Chiếc bàn cạo râu và chuyện anh thương binh nuôi mẹ của đồng đội

Đoàn cán bộ bảo tàng chúng tôi đến gia đình liệt sĩ Hoàng Văn Ninh. Ngôi nhà của gia đình anh ở gần đầu làng, khiêm nhường dưới rặng tre xanh. Từ ngõ vào nhà, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ. Trong nhà chỉ thấy một bà cụ đang nằm ngủ trên giường, chiếc quạt điện quay nhẹ nhàng. Chúng tôi phải chờ hồi lâu mới thấy anh về. Đó là thương binh Hoàng Văn Quảng, mặt đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại, anh nói không ra hơi: thẳng nhỏ nhà tôi, buộc bò ở gốc cây, xuống suối tắm với bọn trẻ trong làng, trưa không thấy về nhà. Hai vợ chồng và những người hàng xóm đổ xô đi tìm. Hoá ra cu cậu lên trại, ăn cơm cùng với bác rồi lăn kên ra ngủ ở đó.

Chúng tôi ngắm nhìn anh, khuôn mặt người đàn ông ở tuổi 52 trông khắc khổ nhưng vẫn toát lên một cái nhìn thân thiện và cởi mở. Câu chuyện giữa chủ nhà và cán bộ bảo tàng cứ tự nhiên như những người quen lâu ngày xa cách nay mới có dịp gặp lại.

Hồi kháng chiến chống Mỹ, ở xóm Sỏi, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, có đôi bạn chẵn trâu Hoàng Văn Ninh và Hoàng Văn Quảng. Năm 1970, cả hai đến tuổi nhập ngũ. Cha mất sớm, Ninh là con một nên được miễn nhưng anh cứ nằng nặc lên xã xin đi. Anh nói với mẹ: “Con đi chắc là mẹ sẽ rất buồn, đất nước có chiến tranh, thanh niên không thể nào ngồi nhà được, cùng đi với con đợt này có Quảng”. Thế là cả hai lên đường. Sau những ngày huấn luyện tại Đoàn 22 ở huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, năm 1971, đôi bạn đã có mặt tại chiến trường miền Đông Nam Bộ. Thời kỳ này chiến trường miền Đông vô cùng thiếu thốn và gian khổ, những trận chiến đấu liên tiếp, máy bay, phi pháo của địch thi nhau trút bom đạn xuống Lộc Ninh. Hai người bạn cùng quê gần bó với nhau lúc thường cũng như lúc xung trận, họ cứ như hình với bóng, sẽ chia với nhau những hiểm nguy, thiếu thốn ở chiến trường. Trận chiến đấu tại Đồng Xoài tháng 2 năm 1972, Hoàng Văn Ninh thu được chiếc ba lô của địch, trong đó có một chiếc bàn cạo râu Mỹ. Nó thật quý giá đối với người lính ở trong rừng. Chiếc bàn cạo râu trở thành tài sản chung của đôi bạn. Nhưng rồi những ngày bên nhau không được lâu. Tháng 12 năm 1972, trong trận đánh ác liệt ở Bình Dương, cả hai người đều bị thương vào ngực vì đạn pháo của địch. Quảng bị nhẹ hơn nên cố cống bạn về trạm quân y dã chiến. Vết thương trên ngực Ninh quá nặng, máu chảy thấm ướt lưng Quảng. Biết không thể sống được, Ninh thề thào “nếu may về được quê, may thay tao chăm sóc mẹ già...!”. Quảng bàng hoàng, thương tiếc bạn. Anh cùng đồng đội đặt Ninh dưới một gốc buông già. Thế là Ninh vĩnh viễn nằm lại ở cánh rừng miền Đông, còn Quảng, sau khi lành vết thương lại tiếp tục chiến đấu.

Đầu tháng 4 năm 1975, tiểu đội phó Hoàng Văn Quảng cùng với đại đội 4, tiểu đoàn 27 trực thuộc Bộ tư lệnh Miền được lệnh tham gia tiến công thị xã Xuân Lộc. Thị xã Xuân Lộc tỉnh Long Khánh nằm trên ba trục giao thông đường số 1, đường số 20 (Sài Gòn đi Đà Lạt) và đường số 15 (Sài Gòn đi Vũng Tàu). Đây là một cửa ngõ quan trọng của Sài Gòn, được quân ngụy xây dựng thành khu vực phòng thủ trọng yếu có tính chất sống còn trên tuyến phòng thủ Biên Hoà - Bà Rịa - Vũng Tàu. Lực lượng phòng thủ của địch có sư đoàn bộ binh 18 - sư đoàn mạnh nhất của quân đoàn 3 ngụy, một liên đoàn biệt động, một trung đoàn thiết giáp, 9 tiểu đoàn bảo an. Khi quân ta tiến công Xuân Lộc, địch tăng cường lực lượng dự bị chiến lược gồm lữ đoàn dù 1, trung đoàn 8, liên đoàn 2 biệt động quân, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng. Lực lượng hỗn hợp của chúng khá mạnh quyết “tử thủ Xuân Lộc”. Máy bay địch cất cánh từ sân bay Biên Hoà, Tân Sơn Nhất, Trà Nóc ném bom dữ dội xuống Xuân Lộc, hòng ngăn chặn bước tiến của ta. Cuộc chiến đấu trở nên gay go, khốc liệt. Ta với địch giằng co, giành giật với nhau từng mét chiến hào, từng căn nhà, góc phố. Ngày 10 tháng 4 năm 1975, trong một trận chiến đấu giáp lá cà, Hoàng Văn Quảng bị trúng đạn của

địch ở cự ly gần. Anh ngất đi, khi tỉnh lại thấy mình nằm trong quân y viện đầu quần băng trắng. Lúc đó anh mới biết mình bị thương nặng. Các bác sĩ đã cắt bỏ chân trái của anh, còn vết thương ở đầu đã liền nhưng trong đó vẫn còn mảnh đạn.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Sài Gòn giải phóng, đất nước thống nhất, Nam Bắc sum họp một nhà; Hoàng Văn Quảng không khỏi chạnh lòng khi chân trái không còn, vết thương trên đầu thường tái phát. Anh nhớ tới Hoàng Văn Ninh và bao đồng đội khác đã ngã xuống, vĩnh viễn nằm lại trên các ngã đường chiến tranh, không còn được trở về quê hương như mình và anh nhớ trong túi áo của mình còn có một chiếc bàn cạo râu và lời dặn dò của Ninh trước lúc hy sinh. Anh thấy mình phải sống, phải làm được điều ước nguyện cuối cùng của người đã mất, dù thân thể không còn nguyên vẹn. Anh không thể đầu hàng số phận.

Năm 1977, sau khi rời trại an dưỡng, Hoàng Văn Quảng được xếp hạng thương binh 2/4 với số thương binh số 14496 Q/NB. Anh trở về quê trên đôi nạng gỗ. Anh xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị Lài cùng làng. Nhớ lời dặn dò của Ninh, anh cùng vợ xin phép bố mẹ đẻ về sống với mẹ Ninh là bà Hoàng Thị Định để chăm sóc người mẹ “thứ hai” của mình. Nghe thì đơn giản vậy đấy, nhưng thực tế thật khắc nghiệt. Với người mẹ ngày một già yếu, rồi những đứa con ra đời, đến người khoẻ mạnh, bình thường còn chật vật gian nan với cái nghèo, khôn khó đời thường, huống chi anh. Cuộc sống của cả nhà chỉ trông cậy vào khoản phụ cấp thương tật nhỏ nhoi của anh. Trong khi đó mẹ Định tuổi đã cao, sức khoẻ ngày càng kém. Trận xuất huyết não làm hai mắt mẹ loà. Mẹ nằm liệt giường. Mỗi khi bệnh trầm trọng, anh lại đưa mẹ vào bệnh viện ở thị xã Đồng Hới. Mỗi lần phải đi viện là một lần tốn kém sức lực, tiền của. Các con anh chúng lớn dần, phải lo chuyện học hành. Bản thân anh, vết thương cũ thường xuyên tái phát mỗi khi trái gió trở trời. Gia cảnh đã khó khăn lại càng khó khăn gấp bội. Anh cần rằng chịu đựng, tự nhủ mình là trụ cột, phải đứng vững để cùng vợ nuôi mẹ và các con. Anh xác định: muốn thoát khỏi bần hàn thì không có con đường nào khác là phải tìm cách làm ăn mới, áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất vật nuôi và cây trồng. Anh bắt đầu nghiên cứu, học hỏi kiến thức trồng trọt, chăn nuôi qua sách vở, đài báo, nhất là luôn đúc kết kinh nghiệm trong thực tiễn. Tự mày mò, anh tìm ra mô hình thâm canh thích hợp với điều kiện sản xuất ở quê và hoàn cảnh của gia đình mình. Quê anh là vùng bán sơn địa, sản xuất hàng hoá chưa thật phát triển. Vì thế trước mắt không thể chỉ dựa vào một loài cây, một giống con được. Anh kết hợp cây lúa dưới ruộng, trồng dưa hấu trên đồi, trồng rau, trồng chuối trong vườn nhà để phục vụ nuôi bò, nuôi lợn. Mấy năm gần đây, năm nào anh cũng thu ba tấn lúa, xuất chuồng bốn tạ lợn, lại có dưa hấu bán ra thị trường. Mỗi năm gia đình nhà anh đã thu được mười, mười lăm triệu đồng tiền mặt. Số tiền chưa phải là nhiều, nhưng ở vùng quê nghèo như quê anh, để có nguồn thu nhập ổn định như vậy cần một sự nỗ lực lớn và tính toán giỏi. Đời sống khấm khá, các con anh được học hành tốt hơn. Trong nỗi vất vả người con trai duy nhất, mẹ của liệt sĩ Ninh thấy niềm an ủi lớn, mẹ không cô đơn, mà sống trong sự chăm sóc tận tình, tận nghĩa của Quảng. Tháng 8 năm 1995, mẹ Hoàng Thị Định được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Nhân dân trong vùng ca ngợi tấm gương vượt lên khó khăn, làm ăn giỏi và sống nghĩa tình của vợ chồng anh Quảng. Nhân ngày thương binh, liệt sĩ tháng 7 năm 2002, anh đã được địa phương cử đi dự và đọc báo cáo điển hình trong Hội nghị những tấm gương thương binh điển hình tiên tiến của tỉnh Quảng Bình.

Đang kể chuyện say sưa, bỗng nhiên anh vã mồ hôi, thái dương gật liên hồi, toàn thân run bần bật, miệng hét lớn “Xung phong! Xung phong!”. Chúng tôi quên mất anh vốn là một thương binh nặng,

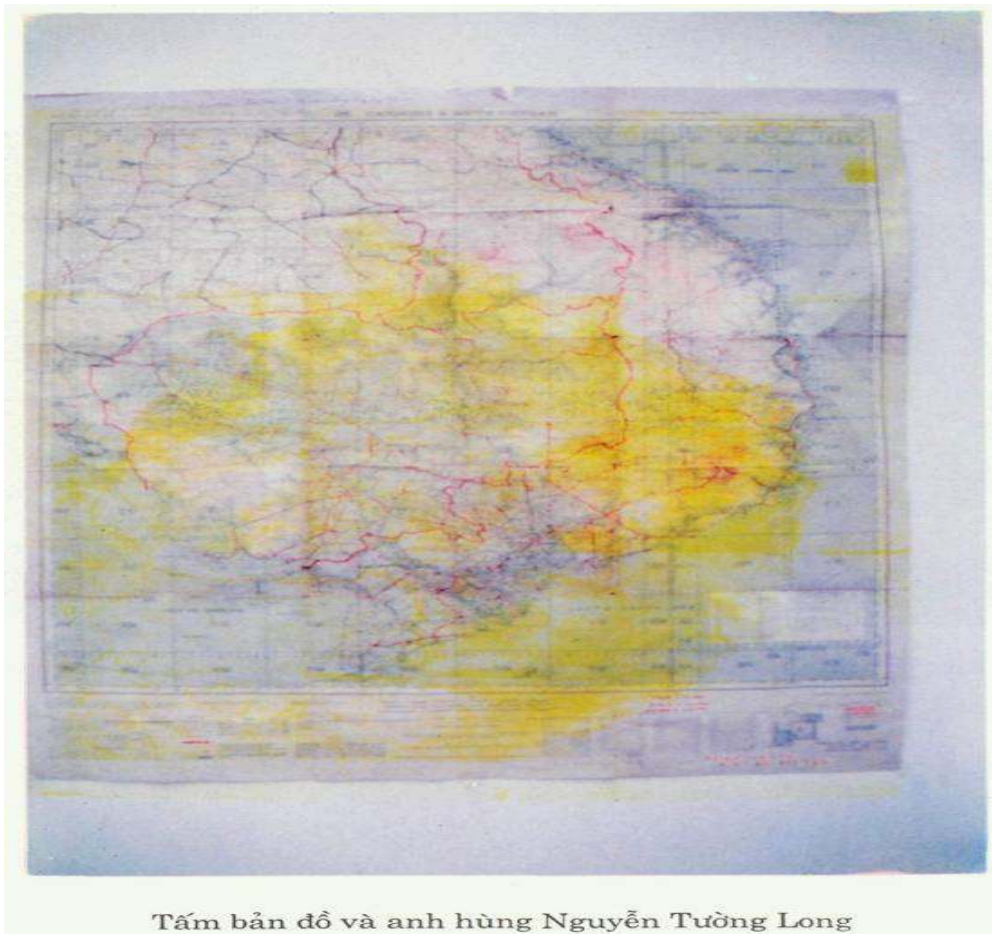
những vết thương cũ luôn giày vò anh. Chị Lài vừa về, nghe tiếng anh bèn kêu chúng tôi ghì chặt anh xuống. Chị đã quen với cảnh này nên xử lý rất bình tĩnh. Chị cho anh uống thuốc. Một lúc sau anh tỉnh lại. Dấu vết của cơn co giật thần kinh vừa xong biến đi đâu hết. Anh kêu chị Lài lấy trên bàn thờ chiếc bàn cạo râu. Chiếc bàn cạo râu mạ kim loại màu vàng đã lợt, số 13579 do Mỹ sản xuất. Anh nói với chúng tôi: “Nó thế này thôi, nhưng thật quý với tôi và Ninh đây. Những lúc thức trắng mấy đêm chốt chặn địch, khi trở về giờ mặt gương trên đĩa bàn ra soi, tự ngắm mình thấy râu tóc rậm rạp không khác gì người rừng, trong tay sẵn có bàn cạo này, chỉ một loáng lại đẹp trai ngay. Nó vẫn còn tốt, tôi vẫn dùng đến nó đấy. Nhưng thôi, tôi quyết định trao cho các anh, các chị bảo tàng”. Nói rồi, anh trao nó cho chúng tôi, đôi tay run run như không nở rời... Một nét buồn thoáng trên mặt, trong đôi mắt anh như chợt hiện lên cảnh rừng buông ở miền Đông, nơi đặt Ninh nằm lại năm nào.

Chia tay với chúng tôi, anh nói rằng sẽ cố gắng chịu khó làm ăn, dành dụm tiền để rồi một ngày gần đây anh sẽ đưa Ninh về quê theo ước nguyện của mẹ già khi đã gần đất xa trời...

Chúng tôi ra về với kỷ vật của hai người đồng đội, câu chuyện năm xưa, chuyện của hôm nay ở nhà mẹ Định, lòng bỗng trào lên xúc động. Thật hiếm có những tấm lòng như vậy.

TRẦN THANH HẰNG

TÂM BẢN ĐỒ VÀ ANH HÙNG NGUYỄN TƯỜNG LONG



Vừa vào đến khu nhà nghỉ của Tổng cục Chính trị tại số 8 Nguyễn Bình Khiêm, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, đoàn sưu tầm của chúng tôi được biết Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Đại tướng Phạm Văn Trà vừa đi thăm Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Tường Long. Chúng tôi xin địa chỉ và lập tức đến đó. Hỏi thăm chúng tôi gặp ông ở tầng trệt của căn nhà số 211, đường Nguyễn Thái Bình, phường 19, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nói chuyện với ông, chúng tôi hết sức ngạc nhiên với vóc người bé nhỏ, nét mặt đôn hậu, nói năng nhỏ nhẹ, có phần rụt rè, ấy vậy mà lại là một Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ông cho chúng tôi biết ông sinh năm 1923, lớn lên tại Li-ông, nước Pháp. Tháng 9 năm 1945, theo tiếng gọi của quê hương, ông lên tàu ở cảng Mác-xây trở về Sài Gòn tham gia kháng chiến. Tàu cập bến Nhà Rồng, ông được sắp xếp về ở nhà của bác Hai chủ hiệu buôn số 74 đường D'Ayot. Sau 30 năm, năm 1975, ông có mặt trong đoàn quân tiến về giải phóng Sài Gòn. Hai mươi năm biệt tin tức gia đình, ông cố tìm kiếm bố mẹ và em gái ở Pháp nhưng không tìm được. Ông trở về thăm ngôi nhà cũ và xin về sống ở đây may ra có cơ hội gia đình sẽ liên lạc. Cứ thế chờ đợi, ông lao vào công việc, quên đi tất cả. Sau mấy chục năm cống hiến sức lực và tuổi thanh xuân cho cách mạng, ông được Nhà nước cho nghỉ hưu, sông độc thân tại đây. Mọi thứ trong căn nhà đều rất đơn giản như cuộc đời bình dị của ông; đồ đạc chẳng có gì ngoài chiếc giường cá nhân, bàn làm việc, những tấm huân chương và chiếc đèn dầu làm bằng vỏ đạn thời chiến tranh, phòng khi mất điện.

Chúng tôi được ông cho xem gia tài của mình, tất cả đựng trong một hòm gỗ cũ kỹ. Ông lục tìm chiếc cặp và lấy ra tấm bản đồ Campuchia và miền Nam Việt Nam, tỷ lệ 1:1.250.000 - ấn bản của Mỹ. Ông đắm chiêu nghĩ lại câu chuyện năm nào rồi rành rọt kể lại câu chuyện về việc tháo chiếc máy bay trực thăng UH-1H số hiệu 60139 đưa ra Hà Nội.

Năm 1970, được chuyển về đơn vị C202, Q, nhưng ông xin trở lại miền Nam chiến đấu. Sau mấy tháng vượt Trường Sơn, ông vào B2, được điều về Ban tổ chức Trung ương Cục miền Nam, sau đó chuyển về PK6 Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Cuối cùng, chuyển về quân giới T4 ở địa đạo Thanh An. Tháng 11 năm 1973, ông được Bộ tư lệnh Miền điều vào Lộc Ninh. Theo lệnh của đồng chí Lương Văn Nho - Phó tham mưu trưởng quân giải phóng miền Nam - ông cùng Hồ Duy Hùng kiểm tra lại máy móc và bảo quản tốt để chờ lệnh tháo rời chiếc trực thăng UH-1H đưa lên xe tải chở ra Hà Nội. Trong lúc làm việc, Hồ Duy Hùng kể cho ông nghe câu chuyện lấy cắp máy bay.

Vào một buổi chiều se lạnh, Đà Lạt mờ trong sương và mưa bụi, có một thanh niên nét mặt buồn rười, ngồi dưới gốc thông già ven hồ Xuân Hương; người ta nhìn thấy anh ta quần quanh khu vực này nhiều ngày, co ro trong chiếc áo khoác rộng thùng thình, thần thờ, hết nhìn lên trời, lại nhìn mặt hồ như đang chờ đợi điều gì. Bỗng có tiếng máy bay ì ì ở xa rồi hiện dần, chiếc máy bay trực thăng lượn một vòng rồi ầm ầm hạ cánh xuống một bãi trống ven hồ. Phi hành đoàn gồm một trung tá, một thiếu tá và một thượng sĩ, họ bước xuống máy bay, thông thả đi vào quán nhậu. Thoát một cái, người thanh niên bật dậy, sải bước lao về phía máy bay, leo lên cabin, mở công tắc kiểm tra rồi khởi động máy. Chiếc máy bay lượn một vòng rồi mất hút vào đám mây chiều. Còn chủ nhân của nó thì chưa hiểu được vì sao chiếc máy bay không người lái bỗng tự bay. Chiếc trực thăng ấy bay thẳng về Lộc Ninh. Điềm hên còn xa, nhưng máy bay hết dầu nên phi công quyết định hạ cánh.

Thấy máy bay địch bay về căn cứ của ta, các chiến sĩ quân giải phóng bắn lên. Chiếc máy bay bị trúng nhiều vết đạn, may mà ghế ngồi của phi công có tấm chắn đạn nên anh không bị thương.

Chiếc máy bay hạ độ cao tránh tầm đạn và đậu xuống bãi trống cạnh rừng, nơi đó có một đơn vị vận tải của quân giải phóng. Vì được báo trước, Bộ chỉ huy Miền đã chờ sẵn, thấy máy bay hạ cánh liền ra đón phi công, cho xe tải kéo máy bay giấu vào chỗ kín, lầy bùn, lá cây phủ lên nguy trang.

Người phi công trẻ tuổi đó là Chinh, tên thật là Hồ Duy Hùng - chiến sĩ quân báo - được đồng chí Lê Nam Hà chỉ huy quân báo H2/PK6 thuộc Đặc khu Sài Gòn - Gia Định tổ chức cài vào quân đội ngụy. Do thông minh, khoẻ mạnh, năm 1969, Hùng được đưa sang Mỹ học khoá đào tạo phi công trực thăng chiến đấu. Tốt nghiệp về nước, Hùng được bố trí làm việc ở sân bay Nha Trang. Được vài tháng, an ninh ngụy phát hiện anh khai man lý lịch nên bị bắt giam. Sau một thời gian điều tra, không thấy chứng cứ, chúng tước quân tịch và trả tự do cho anh. Đầu năm 1972, anh bắt được liên lạc với tổ chức và được đưa vào chiến khu. Tổ chức giao nhiệm vụ cho Hùng phải lấy được một máy bay của địch. Sau một thời gian tìm hiểu, Hùng biết bọn địch thường đổ máy bay xuống Đà Lạt rồi đi nhậu nhẹt. Hùng quyết định mật phục ở đây. Mùa hè năm 1972, anh có mặt ở Đà Lạt một tháng mà không thực hiện được. Một năm sau, anh trở lại nơi này. Cái ngày ấy đã đến, ngày 7 tháng 11 năm 1973, Hùng đã hoàn thành nhiệm vụ. Hùng say sưa kể chuyện chiếc trực thăng và tay lái của mình mặc dầu giải nghệ đã nhiều năm không sờ đến nó. Vừa nói chuyện, hai người vừa kiểm tra các thiết bị trên máy bay. Trong khi kiểm tra, hai người phát hiện một túi xách giấu trong khoang đuôi của máy bay. Trong túi có một quyển nhật ký ghi số vụ và tên của phi đoàn trong chuyến bay gồm: trung tá Thu - phi đoàn trưởng, thiếu tá Nghĩa - phi đoàn phó và thượng sĩ Mẫn - nhân viên kỹ thuật. Ngoài ra còn có bản đồ, dao, đèn tín hiệu, súng ngắn, pháo hiệu...

Vụ đánh cắp máy bay làm xôn xao dư luận, quân ngụy hoảng hồn, báo chí có dịp tung đủ chuyện, còn ông và Hùng thì lo tìm cách đưa chiếc máy bay ra Hà Nội bằng đường bộ theo lệnh của đồng chí Lương Văn Nho. Ngày 10 tháng 3 năm 1974, hai chú cháu bắt đầu tháo rời chiếc máy bay bằng dụng cụ xe hơi với sự giúp đỡ của một đơn vị vận tải. Chiếc máy bay được đưa lên ba chiếc xe tải cỡ lớn. 7 giờ 15 phút ngày 26 tháng 3 năm 1974, ba chiếc xe chở thân máy bay kênh cang xuất phát. Sau gần 30 ngày vượt Trường Sơn, ngày 22 tháng 4 năm 1974, ba chiếc xe đã đến trạm Thạch Bàn, trạm cuối cùng của Trường Sơn thì được lệnh chuyển hướng về Sơn Tây bằng một đường tắt. Tại sân bay Hoà Lạc, được sự giúp đỡ của trung đoàn không quân 919, hai chú cháu lao vào sửa chữa và lắp ráp. Máy bay đã hoàn chỉnh, các thông số kỹ thuật, hệ thống điều khiển cơ học, điện tử, vô tuyến hoạt động bình thường. Để kịp vào chiến trường theo quy định, ông đề nghị Bộ tư lệnh Không quân cho bay thử để bàn giao.

8 giờ sáng ngày 10 tháng 5 năm 1974, chuyến bay thử đầu tiên do Hồ Duy Hùng thực hiện có sự chứng kiến của Thiếu tướng Hoàng Phương - Chính ủy Quân chủng. Cuộc bay thử đạt kết quả tốt và theo yêu cầu, Hùng thực hiện một vài động tác hạ cánh xuống địa hình phức tạp như ruộng lúa xâm xấp nước, bay vượt chướng ngại. Cuộc bay kết thúc, Thiếu tướng Hoàng Phương lệnh cho chỉ huy đoàn không quân M16 cùng hai chú cháu lập phương án huấn luyện cấp tốc cho hai phi hành và một tổ kỹ thuật của đoàn. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, hai chú cháu quay trở lại chiến trường. Chuyến đi của hai người nhập với đoàn hậu cần Miền do đồng chí Ba Việt phụ trách.

Tám bản đồ cất kỹ trong gia tài của mình chính là tám bản đồ thu trên chiếc trực thăng UH-1H 60139 năm xưa. Ông cười và nói: nó được việc lắm đấy, tôi sử dụng nó và kết hợp với số bản đồ của cơ quan tình báo Phước Long cung cấp, nghiên cứu thực địa, chuẩn bị sân bay Phước Bình, kiểm tra, thu gom các loại máy bay của địch trên các sân bay từ Huế trở vào chuẩn bị cho không quân tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bây giờ tôi xin gửi các đồng chí, nói rồi ông nắn nét viết dòng chữ: “Kính tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam tấm bản đồ thu từ chiếc máy bay UH-IH”.

Ông Long - chủ nhân của tấm bản đồ cũng là người có nhiều công lao xây dựng Không quân nhân dân Việt Nam. Ông đã góp phần chế tạo thành công giá thả hàng của máy bay cho Đoàn 919 không quân phục vụ Đoàn 559 ở Vít Thù Lù năm 1959, nghiên cứu lắp ống thả pháo sáng cho máy bay AN2 đánh tàu biệt kích Mỹ tháng 12 năm 1967, lắp rốc két cho máy bay chiến đấu AN2 của biên đội Phan Như Cần tiêu diệt trạm ra đa mắt thần của Mỹ ở Pha Thí (Lào) ngày 12 tháng 1 năm 1968, cải tiến hai máy bay chở hàng IL-14 số hiệu 6050 và 6056 thành máy bay ném bom tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968...

Tháng 10 năm 1976, ông chuyển ngành về Sở Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh với quân hàm thượng úy. Bằng trí thông minh, sáng tạo, dày dặn kinh nghiệm và tràn đầy nhiệt huyết, bằng những việc làm âm thầm, lặng lẽ nhưng thật xuất sắc, ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 30 tháng 8 năm 1995.

TRẦN THANH HẰNG

**BỨC ẢNH ĐỒNG CHÍ TRẦN NAM TRUNG
TRAO HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
CHO PHI CÔNG NGUYỄN THÀNH TRUNG**



Bức ảnh đồng chí Trần Nam Trung
trao huân chương Chiến công cho phi công Nguyễn Thành Trung

Chúng tôi đến nhà ông Trần Nam Trung ở quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Sau nhiều năm ở chiến trường gian khổ, thiếu thốn với những cơn sốt rét rừng đã làm sức khỏe ông giảm sút, nhưng trên

khuôn mặt từng trải và khắc khổ của thời gian vẫn còn giữ được ánh mắt nụ cười rất đỗi nhân hậu.

Ông tên thật là Trần Lương, sinh năm 1912, quê ở Đức Trung, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trong một gia đình có 8 anh em đều đi theo cách mạng, nhiều người đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông tham gia cách mạng từ năm 1927, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1931. Từ năm 1941 đến năm 1943, nhiều lần bị địch bắt và đưa đi đày tại các nhà tù ở Khu 5, nhà tù Buôn Ma Thuột. Từ năm 1944 đến tháng 8 năm 1945, ông tham gia thành lập ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi, cùng các đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt tham gia thành lập, lãnh đạo đội du kích Ba Tơ. Từ năm 1945 đến năm 1960, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bí thư tỉnh ủy Quảng Ngãi, Bình Định, Xứ ủy viên Trung Bộ, Chính ủy Thường vụ Khu ủy Khu 5, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bí thư Liên khu ủy Khu 5. Từ năm 1960 đến năm 1975, ông giữ hàm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, lấy tên là Trần Nam Trung. Từ năm 1976 đến năm 1982, ông giữ chức Chủ nhiệm ủy ban thanh tra Chính phủ. Trong suốt thời gian tham gia cách mạng, ông là ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II, chính thức khoá III, IV.

Biết chúng tôi là cán bộ bảo tàng, ông lục tìm cho chúng tôi những bức ảnh kỷ niệm chụp tại chiến trường miền Đông trong cuốn anbum cũ. Ông đưa cho chúng tôi một tấm ảnh cỡ 6x6cm. Đây là bức ảnh ông trao huân chương Chiến công cho phi công Nguyễn Thành Trung - người lái máy bay F-5E, ném hai quả bom xuống dinh Độc Lập ngày 8 tháng 4 năm 1975.

Ông cười và nói với chúng tôi: mình tên là Trung, cậu ta cũng tên là Trung, việc ném bom xuống dinh Độc Lập là sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ, bức ảnh là một kỷ niệm khó quên, nhất là nó gắn với hồi kết của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta suốt 20 năm. Ông chỉ cho chúng tôi căn nhà mái lá trong ảnh, là nơi hội họp của Quân ủy Miền ở căn cứ Lộc Ninh. Ngày ấy Nguyễn Thành Trung trông trẻ măng, xúng xính trong bộ đồ quân giải phóng còn nguyên nếp gấp, vẻ mặt hiền lành với hàng ria mép khá rậm. Ông cho biết phi công Nguyễn Thành Trung tên thật là Đinh Khắc Trung. Quê của Trung ở xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Cha anh là một huyện ủy viên bị địch bắt và giết năm 1963. Sau khi cha mất, anh đề nghị với đồng chí Bảy - bạn hoạt động với cha - xin thoát ly, tham gia cách mạng. Tổ chức giao nhiệm vụ cho Trung tiếp tục đi học. Từ đây, Trung đổi họ Đinh mang họ Nguyễn, mỗi việc làm của anh đều được tổ chức quan tâm sát sao, phân công, giao nhiệm vụ kịp thời. Trong những năm tháng học tập ở trường, Trung tích cực tham gia phong trào thanh niên, sinh viên chống Mỹ - Thiệu. Ngày 31 tháng 5 năm 1969, khi đang là sinh viên năm thứ hai trường Đại học khoa học Sài Gòn, Trung trúng tuyển vào khoá đào tạo hoa tiêu ở Trường sĩ quan không quân Nha Trang. Sau hai năm học, Trung được trường cử sang Mỹ đào tạo nâng cao, do vậy Trung nắm khá chắc về sử dụng hai loại máy bay A37 và F5.

Tháng 3 năm 1975, khi quân ta làm chủ Buôn Ma Thuột, lần lượt tiến công giải phóng các tỉnh, khí thế thắng trận như chẻ tre. Lúc này, cán bộ nội tuyến Ban binh vận miền Nam chỉ thị cho Trung chọn thời cơ ném bom xuống dinh Độc Lập rồi bay ra vùng giải phóng. Tiếng bom phản chiến của phi công trong hàng ngũ ngụy Sài Gòn sẽ góp phần làm cho quân ngụy hoang mang, bối rối thêm, góp phần thuận lợi cho cuộc tổng tiến công của ta vào Sài Gòn - Gia Định. Nhưng trong những chuyến bay Trung tham gia đầu năm 1975, tiếc thay, anh chỉ là hoa tiêu dự bị. Trung nghĩ cách tìm sơ hở của địch để hành động. Thời cơ đã tới, ngày 8 tháng 4, trung uý Nguyễn Văn Lượm - hoa tiêu chính đến muộn, Trung xin được thay thế vị trí ấy để phi đội kịp giờ cất cánh. Ba chiếc F5E ầm ầm lặn ra khỏi sân đỗ, lao lên không trung. Chiếc F5E theo tay lái của Trung không bay về Phan Rang

như hai chiếc kia, mà tăng độ cao, lao về hướng Sài Gòn. Đến toạ độ định trước, Trung ấn nút, hai quả bom lao vút xuống, bom nổ nhưng không trúng mục tiêu, Trung vòng lại lần thứ hai, ấn nút. Hai trái bom trút đúng vào nóc dinh Độc Lập. Cột khói đen bùng lên giữa bầu trời thành phố. Lúc đó là 08 giờ 15 phút. Hoàn thành nhiệm vụ, Trung cho máy bay vọt lên cao, bay qua kho xăng Nhà Bè bắn luôn một loạt đạn 20mm xuống mấy bể xăng ở đó rồi hạ thấp độ cao, bay về hướng Bắc, hạ cánh an toàn xuống sân bay Bình Phước trong khu giải phóng. Tại đây, Trung được đồng chí Khúc Đình Bình, một cán bộ không quân của ta và một số cán bộ quân giải phóng chờ sẵn, đón về tỉnh ủy Phước Long.

Nguyễn Thành Trung cho biết không quân nguy chi còn 120 chiếc máy bay A37 và 70 chiếc máy bay F5, khả năng xuất kích thường chỉ được một phần ba. Mỗi ngày huy động máy bay đi bắn phá cũng chỉ được 120 lần chiếc. Nếu ta pháo kích Biên Hoà, không cần bắn liên tục, cứ nửa giờ một phát. Vì khi đạn đại bác nổ, phải nửa giờ sau bọn nguy mới từ hầm ra được máy bay.

Với chiến công trên, Nguyễn Thành Trung được tặng thưởng huân chương Chiến công giải phóng.

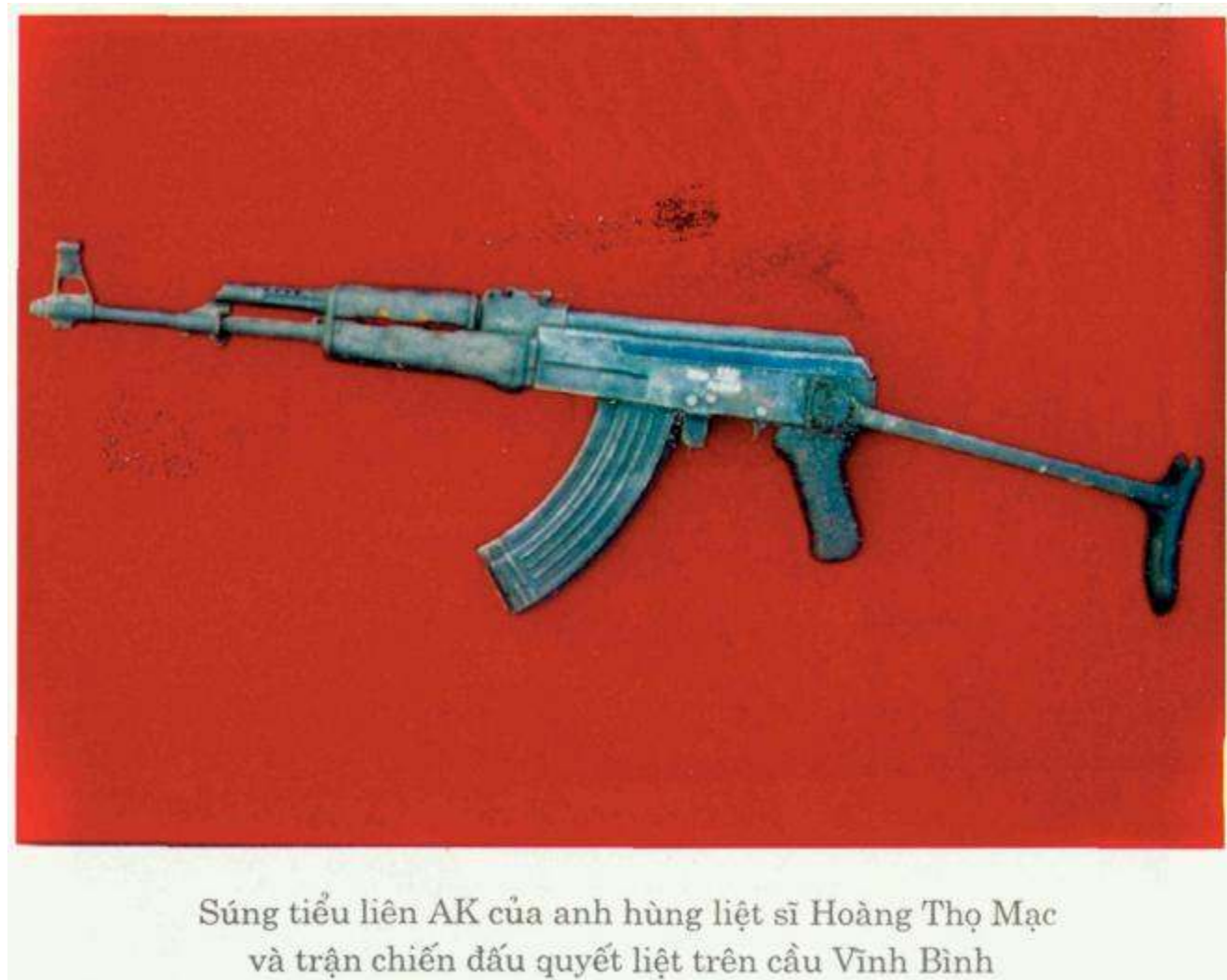
Ngừng một lát, ông kể tiếp: tôi thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam trao huân chương cho Nguyễn Thành Trung. Bức ảnh do tuyên huấn Miền chụp, sau đó tặng lại tôi, tôi giữ từ đó đến giờ, nay trao lại cho bảo tàng.

Với giọng nói ầm ập dẫn dắt người nghe, câu chuyện của ông làm chúng tôi có được những thông tin quý về bức ảnh và biết thêm về sự dũng cảm gan góc của Nguyễn Thành Trung. Cùng với phi đội Quyết thắng ném bom xuống sân bay Tân Sơn Nhất chiều ngày 28 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thành Trung lại ghi tiếp chiến công. Sau ngày giải phóng, Nguyễn Thành Trung được phong quân hàm trung tá rồi đại tá Đoàn 919 không quân. Sau đó anh chuyển sang Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, đi học chuyển loại máy bay BOEING 767 tại Úc năm 1993. Hiện nay, Nguyễn Thành Trung chuyên lái máy bay BOEING 767 trên các tuyến quốc tế. Ngày 20 tháng 12 năm 1994, Nguyễn Thành Trung được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Bức ảnh trở thành hiện vật bảo tàng và là nguồn tư liệu quý giá phục vụ nghiên cứu và giáo dục ở Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam.

TRẦN THÀNH

**SÚNG TIỂU LIÊN AK
CỦA ANH HÙNG LIỆT SĨ HOÀNG THỌ MẠC
VÀ TRẬN CHIẾN ĐẤU QUYẾT LIỆT
TRÊN CẦU VĨNH BÌNH**



Sài Gòn giải phóng!

Miền Nam hoàn toàn giải phóng!

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân ta mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng. Trong niềm vui hân hoan mừng chiến thắng, những chiến sĩ Lữ đoàn tăng thiết giáp 202, bụi ngùi xúc động đưa tiễn người đại đội trưởng đại đội 3 - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Hoàng Thọ Mạc về nơi an nghỉ cuối cùng ở nghĩa trang thành phố. Chiếc xe chở quan tài phủ cờ và đầy hoa, chậm chậm lăn trên đường. Những giọt nước mắt lạnh lẽo lăn trên gò má những chiến sĩ trẻ vừa mới hôm qua còn dưới sự chỉ huy của anh, cảm tử giành và giữ cho được cầu Vĩnh Bình. Trong dòng người đưa tiễn anh còn có cả những người dân Sài Gòn vừa được giải phóng, họ xót thương những người con miền Bắc đã hy sinh cho mảnh đất này.

Hoàng Thọ Mạc anh dũng hy sinh khi đánh chiếm cầu Vĩnh Bình để đoàn quân thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn. Khẩu tiêu liên AK anh dùng chiến đấu trước lúc hy sinh được đồng đội chuyển đến bảo tàng. Giờ đây nó được trưng bày trang trọng tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, có số đăng ký: 6531- K3/1658.

30 năm trước, trong đoàn quân thần tốc theo đội hình Quân đoàn 1 tiến vào giải phóng Sài Gòn có Lữ đoàn tăng thiết giáp 202. Bộ tư lệnh Quân đoàn 1 giao nhiệm vụ cho lữ đoàn tăng thiết giáp 202 phối thuộc với Sư đoàn 320B tiến công trên hướng chủ yếu của quân đoàn, đảm nhiệm mũi thọc sâu đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy, khu binh chủng, tiểu khu Gia Định, lục quân công xưởng Gò Vấp.

18 giờ ngày 25 tháng 4 năm 1975, tại sở chỉ huy Sư đoàn 320B ở bắc suối Mã Đà, Lữ đoàn 202 tổ chức lễ tuyên thệ. Trong giờ phút long trọng, đồng chí Hoàng Thọ Mạc - đại đội trưởng Đại đội 3, Tiểu đoàn bộ binh cơ giới 66, Lữ đoàn 202, thay mặt cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 3 hứa quyết tâm: “Chúng tôi đã thấy hết vinh dự và trách nhiệm của mình. Các đồng chí cứ tin tưởng ở cán bộ, chiến sĩ đại đội 3, dù khó khăn đến đâu cũng kiên quyết khắc phục để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Dù phải hy sinh tính mạng, nhưng Sài Gòn được giải phóng, miền Nam được giải phóng, trả thù cho đồng bào, đồng chí đã hy sinh, chúng tôi cũng cam lòng”.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975, đại đội 3 nhận nhiệm vụ phối thuộc với trung đoàn 27 tiến đánh Lái Thiêu. 4 giờ 20 phút sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, xe tăng thiết giáp phối hợp chặt chẽ với bộ binh đánh chiếm chi khu Lái Thiêu. Sau 2 giờ liên tục chiến đấu - tuyến “tử thủ” vững chắc mà quân ngụy đặt nhiều hy vọng và tin tưởng sẽ chặn đứng các mũi tiến công của ta - đã thất thủ hoàn toàn. Lái Thiêu được giải phóng, cánh cửa phía bắc Sài Gòn đã mở. Thừa thắng, quân ta tiếp tục tiến xuống nam Lái Thiêu hướng về phía cầu Vĩnh Bình. Đây là chiếc cầu rất quan trọng nằm trên đường 13, bắc qua sông Sài Gòn. Vượt qua cầu này quân ta sẽ nhanh chóng tiến về Sài Gòn. Nhưng sau phút hoảng loạn ở Lái Thiêu, địch đã kịp thời tổ chức chống trả. Phía bắc cầu Vĩnh Bình, địch chôn rất nhiều mìn chống tăng, ở phía nam cầu có gần 30 chiếc xe tăng, thiết giáp. Đạn pháo từ xe tăng và đạn chống tăng từ lô cốt địch bắn ra đan dày trước đội hình tiến công của đại đội 10 và đại đội 3. Chiếc xe thiết giáp K63 đi đầu trúng đạn bốc cháy. Mũi tiến công của quân ta chững lại. Ngay đầu cầu Vĩnh Bình, đại đội trưởng đại đội 10 Nguyễn Tiến Hoạt và đại đội trưởng đại đội 3 Hoàng Thọ Mạc hội ý chớp nhoáng, bàn cách đánh địch. Hoàng Thọ Mạc nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của trận đánh, quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ xác định quyết tâm bằng bất cứ giá nào cũng phải cùng lực lượng trung đoàn bộ binh 27 đánh chiếm và bảo vệ cầu cho bộ binh vượt qua. Trên xe 454 của mình, Hoàng Thọ Mạc vượt lên trước, chỉ huy đơn vị phối hợp với bộ binh, lợi dụng địa hình, triển khai hỏa lực tiêu diệt địch. Trận độ sức diễn ra hết sức quyết liệt giữa ta và địch tại cầu Vĩnh Bình. Địch cố sống, cố chết giữ cầu. Bộ binh và xe tăng của ta chiến đấu chiếm từng mét đường. Hoàng Thọ Mạc chỉ huy mũi đột phá. Mũi chiến đấu do Mạc chỉ huy đã bắn cháy 3 xe tăng M48 của địch. Trước sức tiến công áp đảo của ta, địch lùi dần về phía sau, vừa lùi chúng vừa rải mìn chống tăng trên đường, tạo khoảng cách giữa ta và chúng để kịp gọi pháo bắn chặn. Hoàng Thọ Mạc ra lệnh cho các chiến sĩ B40, B41 xuống xe diệt địch, hỗ trợ cho công binh tháo gỡ mìn, nhanh chóng thông đường. Đường thông đến đâu, đại đội 3 tiến sát tới đấy Địch liền linh xông ra cản đường. Chúng đưa một khẩu pháo 175mm “vua chiến trường” ra hăm dọa. Đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc lệnh cho xe 956: Chú ý! Đạn xuyên một phát. Bắn. Tiếng hô của đại đội trưởng vừa dứt, những quả đạn lao vút vào khẩu “vua chiến trường”, làm cho nó đâm vào bức tường gạch,

bốc cháy, hất xuống vệ đường. Thấy vua chiến trường bị bắn cháy, bọn địch phía sau hốt hoảng dừng lại. Chớp thời cơ các chiến sĩ đại đội 10 chia thành nhiều mũi, từ các hướng đánh vào đội hình địch. Đợt phản kích thứ hai của địch bị chặn đứng. Xe tăng của chúng chiếc bị bắn cháy, chiếc bị bắt sống. Số còn lại vội vàng tháo chạy co cụm chót ở đầu cầu. Địch vẫn ngoan cố chống cự và tìm mọi cách ngăn cản bước tiến của quân ta. Địch dùng thùng phuy và những tấm bê tông xếp chồng đồng làm vật cản trên đoạn đường đầu cầu. Hoàng Thọ Mạc thấy không thể liều lĩnh cho xe tăng lên húc đổ các vật cản trên đường, bởi địch sẽ lợi dụng khi xe ta khắc phục vật cản mà xông ra tiêu diệt. Anh quyết định đánh bằng bộ binh, đẩy địch ra khỏi công sự để tiêu diệt và khắc phục vật cản cho xe tăng vượt qua. Anh tháo mũ công tác, cầm theo khẩu AK, bật nắp xe nhảy xuống đường. Một số chiến sĩ cũng rời xe, xách AK chạy theo đại đội trưởng. Mạc hô to: các đồng chí tổ lái về xe, chuẩn bị cho xe vượt cầu. Nói rồi, Mạc lao tới phối hợp với mũi của đại đội 10. Khẩu tiểu liên AK trong tay Mạc liên tiếp nhả đạn vào các tốp địch không cho chúng nổ mìn phá cầu. Bỗng có tiếng súng rộ lên ở phía sau. Một chiến sĩ chạy lên báo cáo Trung đoàn 27 đang đánh chặn quân địch từ Bình Dương chạy về Sài Gòn. Mạc thoáng nghĩ: phía trước, phía sau đều có địch. Anh nói với đại đội trưởng đại đội 10: “Phải nhanh chóng chiếm cầu cho bằng được”. Nói xong, Mạc vọt sang bên kia đường. Một tiếng nổ choáng óc ở mép đường nơi Mạc vừa đến. Bọn địch ở lô cốt gần đó đã nhìn thấy Mạc. Mảnh đạn M79 xuyên vào ngực làm anh lao đảo, khụy xuống. Một chiến sĩ lao đến. Mạc khoát tay chỉ về phía cầu.

Bọn địch trên cầu bắn mạnh. Chúng đổ đạn xuống đội hình tiên công của ta. Nhưng khoảng cách giữa ta và địch xích lại gần. Những vật cản trên đường của chúng trở thành ụ chiến đấu của ta. Hoàng Thọ Mạc tay trái ôm chặt vết thương đang rỉ máu, tay phải cầm khẩu AK lăm lăm vọt tiến. Máu chảy ướt đầm mảng áo trước ngực anh. Anh tiến đến dây thùng phuy. Hiểu ý đại đội trưởng, một chiến sĩ lao vọt theo anh. Một tiếng nổ chát chúa trước mặt họ. Mạc nhào lên lấy thân mình che cho người chiến sĩ. Khói của quả đạn chống tăng phủ kín cả hai người. Hoàng Thọ Mạc và người chiến sĩ đã anh dũng hy sinh. Máu của các anh đã chảy thấm đỏ một khoảng đất đầu cầu Vĩnh Bình. Các chiến sĩ đại đội 3 và đại đội 10 tiếc thương hai người đồng chí của mình, chẳng ai bảo ai cùng bật dậy lao về phía địch. Lòng căm thù như ngọn lửa rực cháy tiếp thêm sức mạnh cho các chiến sĩ, thôi thúc họ tiến lên. Họ đều có chung ý nghĩ “đại đội trưởng hy sinh nhưng các mũi tiên công không dừng lại”. Bộ binh và xe tăng dũng mãnh xông lên, chiếm được lô cốt đầu cầu, đẩy địch ra khỏi công sự. Mất chỗ dựa, bọn địch chót trên cầu phải bỏ súng đầu hàng. Xe tăng và bộ binh của ta ào qua cầu như một cơn lốc đè bẹp các ổ đề kháng của địch, tiến nhanh về Sài Gòn.

Các chiến sĩ đại đội 3 đưa đại đội trưởng của mình lên xe, ai nấy nước mắt trào dâng, lòng căm thù dồn lên nòng súng. Điểm xuất phát của đội hình tiên công từ tám biển chỉ dẫn nơi đầu cầu “Sài Gòn 10km”. Vượt cầu Vĩnh Bình, mũi tiến quán ngoặt về hướng Tây, tiến vào quận lỵ Gò Vấp.

Hoà cùng tiếng súng của các đơn vị, lần lượt các mục tiêu của địch ở Sài Gòn đã bị tiêu diệt. Trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, cờ giải phóng đã tung bay trên nóc dinh Độc Lập và khắp thành phố Sài Gòn. Trong rợp trời cờ hoa, nhân dân Sài Gòn nô nức đổ ra đường, hân hoan đón chào đoàn quân chiến thắng. Trong đoàn quân đó có rất nhiều cán bộ, chiến sĩ đã mãi mãi không trở về, họ đã ngã xuống để Bắc - Nam được sum họp một nhà. Hoàng Thọ Mạc là một trong số đó.

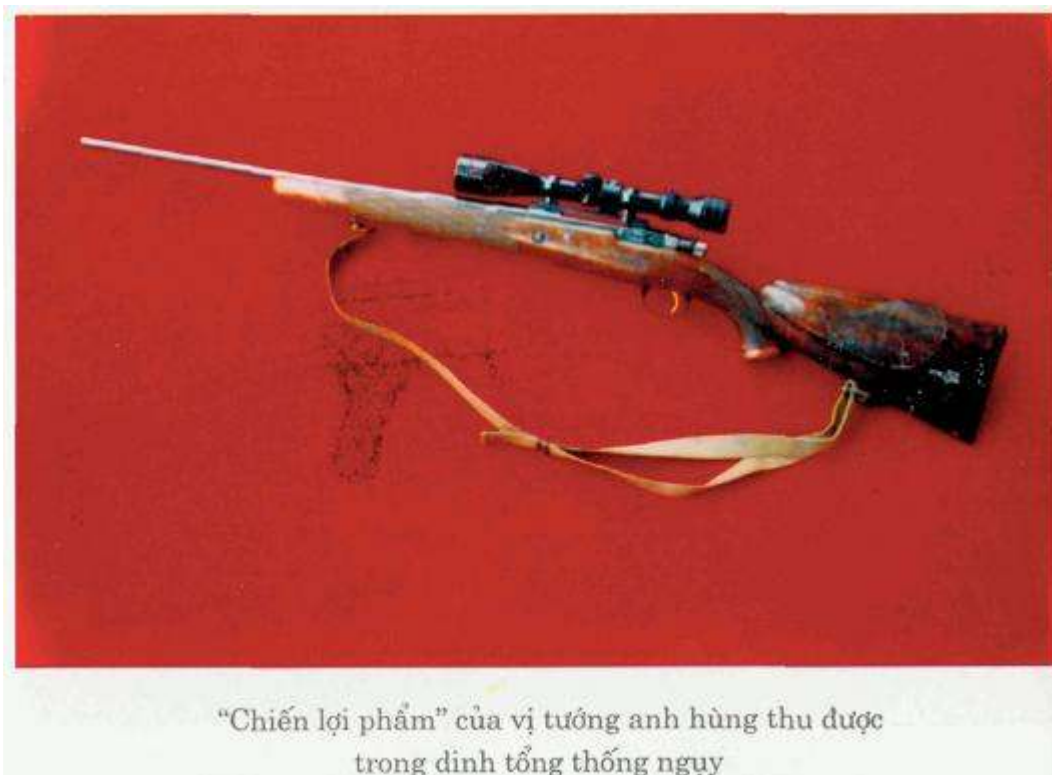
Hoàng Thọ Mạc đã được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 12 tháng 9 năm 1975. Anh hy sinh ở tuổi 28 - tuổi đầy hứa hẹn của cuộc đời. Khi viết câu chuyện về chiến công của người anh hùng Hoàng Thọ Mạc - người con của quê hương Xuân Hưng,

Xuân Thuỷ, Nam Định - tôi thật sự xúc động. Cầm khẩu tiểu liên AK của anh trên tay để ghi chép đặc điểm của nó, tôi bỗng thấy như nó vẫn còn đỏ lửa đến bây giờ.

Khẩu súng tiểu liên AK của người anh hùng liệt sĩ đang được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Nhiều bộ đội, thanh niên, sinh viên, học sinh khi đến tham quan bảo tàng đã xúc động rơi nước mắt khi được xem và nghe kể về lai lịch khẩu súng.

TRẦN THANH HẰNG

CHIẾN LỢI PHẨM CỦA VỊ TƯỚNG ANH HÙNG THU ĐƯỢC TRONG DINH TỔNG THỐNG NGUYỄN



Chúng tôi bấm chuông số nhà 9 đường Tú Xương, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Cánh cửa sắt hé mở. Biết chúng tôi hẹn trước, người giúp việc nói với chúng tôi: "ông đang đợi trong nhà". Mặc dầu đã hẹn trước nhưng do ông quá bận rộn, nên khi chúng tôi gặp được kim đồng hồ đã chỉ 21 giờ.

Chúng tôi biết về ông qua những chiến công trong sách vở nhưng đây là lần đầu tiên chúng tôi được gặp mặt ông. Nhìn ông với dáng cao gầy, tác phong nhanh nhẹn, vàng trán rộng trên khuôn mặt cương nghị, dù mới gặp ai cũng nhận thấy sự dạn dày, từng trải của người đã kinh qua nhiều chiến trận và đầy kinh nghiệm trường đời. Ông chính là Trung tướng Võ Việt Thanh - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông kể với chúng tôi vừa mới từ Tây Nguyên về rồi sáng mai lại tiếp tục đi Cần Thơ. Công việc

quá bận nên lỡ hẹn, mong chúng tôi thông cảm vì sự chậm trễ. Ông rót nước mời, hỏi han chúng tôi về tình hình Hà Nội, về công việc của bảo tàng. Nghe giọng nói ấm áp của ông, chúng tôi thấy thật gần gũi và tình cảm. Ông đưa chúng tôi lên căn phòng lưu niệm của gia đình. Ông cho biết cái gì ở đây cũng gắn với kỷ niệm về những trận đánh, về đồng đội, người thân của ông. Chúng tôi ngạc nhiên vì ý thức giữ gìn và sự cẩn thận, tỷ mỉ của gia chủ. Thấy chúng tôi chăm chú ngắm nghía sưu tập vũ khí cá nhân treo trên tường, trưng bày trong tủ, như đoán được mong muốn của chúng tôi, ông lấy ra từng thứ và kể sơ qua về nó cho chúng tôi nghe. Đây là khẩu M79 số A-90951 - chiến lợi phẩm ông thu được của quân Mỹ năm 1963, khi chúng càn quét vào công xưởng ở Cồn Rừng, xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú. Còn đây là khẩu AK báng gấp số 61 K2615 do Liên Xô sản xuất, xưởng sản xuất vũ khí của tỉnh đội Bến Tre trang bị khi ông là đại đội phó của xưởng năm 1964. Đây nữa, khẩu súng ngắn K59 số 6237 của Liên Xô sản xuất, ông được tỉnh đội Bến Tre trang bị năm 1968. Ba khẩu súng này là vật bất ly thân của ông khi chiến đấu. Khẩu AK dùng khi bắn thẳng, khẩu M79 dùng bắn cầu vồng, khẩu K59 dùng tự vệ hoặc khi chỉ huy bộ đội chiến đấu. Với các loại vũ khí này, ông đã cùng đồng đội tham gia nhiều trận, diệt hơn 180 tên Mỹ - nguy, bắn hỏng một tàu chiến, bắn rơi và phá huỷ 5 máy bay lên thẳng của địch, góp phần bảo vệ căn cứ, bảo đảm hoạt động của xưởng sản xuất vũ khí từ năm 1964 đến khi tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt có khẩu súng bắn tỉa do Bỉ sản xuất, kính ngắm của Mỹ số 5x32393, súng dài 108cm, cỡ nòng 7,62mm. Khẩu súng tuyệt đẹp, bảo tàng của chúng tôi chưa có khẩu súng kiểu này. Trên thân, báng súng có chạm khắc hoa văn hình hoa lá, cò súng mạ vàng. Ông kể lại rằng, trong chiến dịch Hồ Chí Minh với cấp bậc trung úy, chức vụ chính trị viên Tiểu đoàn 4 thuộc Lữ đoàn đặc công biệt động 316. Ông đã cùng đơn vị thực hiện nhiệm vụ đánh chiếm các mục tiêu như: dinh Độc Lập, bộ tổng tham mưu nguy, cầu Sài Gòn, cầu Rạch Chiếc và Trung tâm huấn luyện Quang Trung. Từ ngày 28 tháng 4, các mũi tiến công của đơn vị đã triển khai theo các hướng. Đêm 29 tháng 4, ông cùng ba cán bộ, chiến sĩ trinh sát đi hai chiếc xe Honda 90 đi từ Tân Phú Trung, Củ Chi chỉ huy đơn vị đánh Trung tâm huấn luyện Quang Trung rồi từ đó phát triển mũi thọc sâu vào sân bay Tân Sơn Nhất. Khoảng 10 giờ ngày 30 tháng 4, nhóm trinh sát dưới sự chỉ huy của ông tới dinh Độc Lập. Cả tổ đi vòng đến công phụ rồi từ đó trèo qua cổng đột nhập vào dinh. Nhóm của ông đến dinh Độc Lập đầu tiên. Lúc này, đại đội xe tăng của ta chưa tới. Trong cơn hoảng loạn, quân nguy nhón nhào tìm cách thoát thân, mặc dầu phát hiện thấy Quân giải phóng vào dinh nhưng chúng cũng không lo chống cự gì hết. Ông nhờ một người ở đây chỉ đường rồi chạy thẳng lên lầu vào phòng tổng thống. Trước khi đến đây, ông không hề biết Nguyễn Văn Thiệu đã cao chạy xa bay. Ở đây giờ chỉ còn tổng thống Dương Văn Minh cùng nội các chính phủ Việt Nam cộng hoà đang ngồi thảo luận về việc bàn giao chính quyền. Trong phòng tổng thống đồ đạc bừa bộn, có rất nhiều súng ống, trang bị. Vốn mê súng từ nhỏ, khi nhìn thấy cây súng bắn tỉa khác lạ, ông bèn bảo chiến sĩ trinh sát lấy cho ông khẩu súng đó làm kỷ niệm. Biết được tình hình ở đây có vẻ yên ổn như dự định, các công việc tiếp theo giao lại cho một trinh sát biệt động, ông cùng nhóm tiếp tục làm nhiệm vụ của mình. Ông lao đến tư dinh của Nguyễn Văn Thiệu ở 161 Pasteur và gọi một trung đội đến chốt giữ rồi từ đó sang tư dinh của Trần Văn Hương...

10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, xe tăng, bộ binh có đặc công phối hợp tiến vào dinh Độc Lập.

Ông say sưa kể về những khẩu súng của mình, về những năm tháng chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Một thoáng trầm tư trên nét mặt. Ông bỗng nhớ về miền quê Bến Tre rợp bóng dừa ở nơi ông đã sinh ra và lớn lên bên những người thân yêu của mình... Bảy tuổi, ông theo cha vào xưởng quân giới học chữ, học nghề, lớn lên tham gia đội võ trang tuyên truyền. Năm 1959, cha

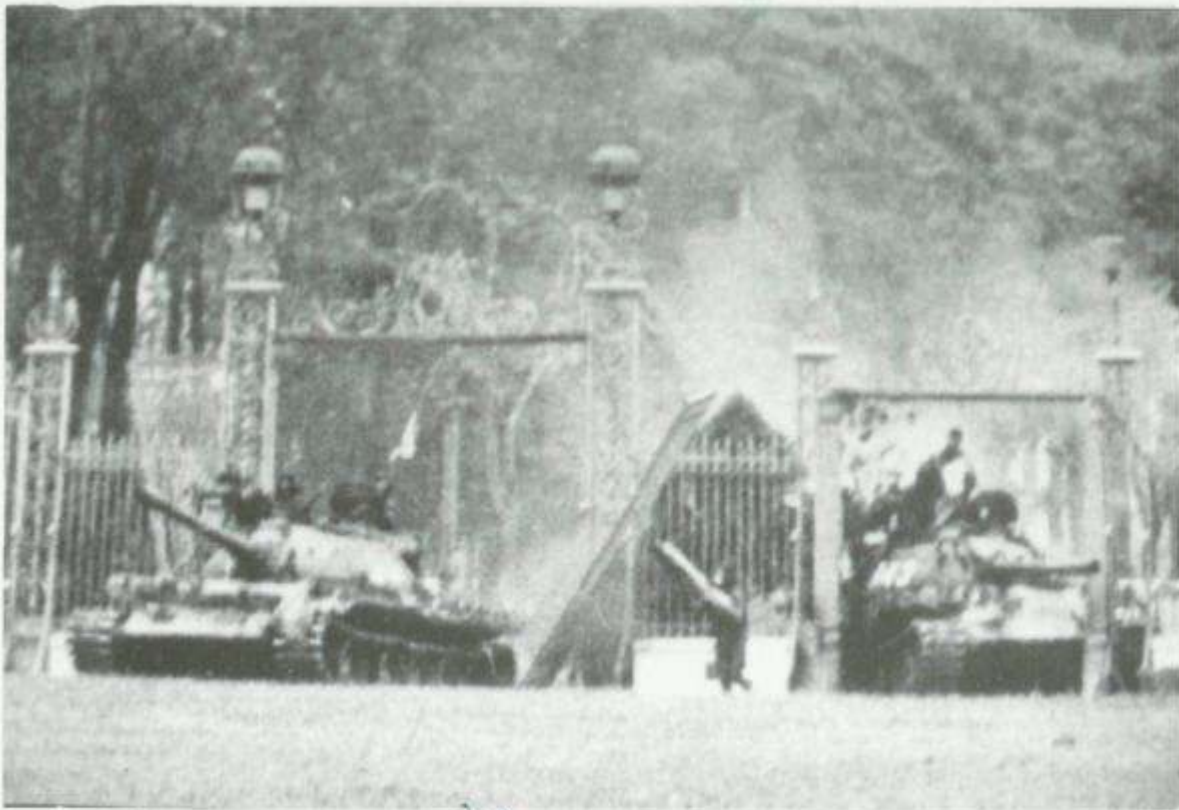
mẹ ông đều bị địch bắt giam tại nhà tù Phú Lợi. Ngày 26 tháng 8 năm 1962, chúng giết hại, ném xác xuống sông. Tin dữ đó, ba năm sau ông mới được biết qua cô Ba Định - Phó tư lệnh Quân giải phóng Miền. Năm 1960, ông tham gia đội biệt động, bị địch bắt. Ra tù, về binh công xưởng, được đề bạt phó giám đốc “công trường” Bến Tre, chuyên sửa chữa vũ khí, làm mìn, thủy lôi. Ông đã cùng đồng đội chiến đấu dũng cảm, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch. Ngày 5 tháng 9 năm 1970, ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ông cười bộc bạch: tôi không muốn đề cập chuyện vào dinh Độc Lập ai trước, ai sau. Mấy năm trước đây nổ ra tranh luận khá nhiều, nhưng tôi nghĩ dù là ai thì cũng là đại diện của lực lượng Quân giải phóng, cây súng bắn tía này và những trinh sát của Tiểu đoàn 4 chúng tôi đều biết rất rõ.

Mặc dầu rất yêu quý những kỷ vật của mình nhưng ông rất vui lòng tặng lại chúng cho Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, với tâm nguyện những kỷ vật của mình sẽ góp phần vào việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

DƯƠNG THÀNH

**HAI TẤM PHIM VỀ HAI XE TĂNG
HÚC CÔNG DINH TỔNG THỐNG CHÍNH QUYỀN
SÀI GÒN, NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 1975**



Hai tấm phim về hai xe tăng húc cổng dinh tổng thống chính quyền Sài Gòn, ngày 30 tháng 4 năm 1975

Đó là hai tấm phim đen trắng của Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, có ký hiệu P. 9935 và P. 9936, có hình 2 xe tăng số 843 và 390 húc cổng dinh tổng thống chính quyền Sài Gòn - dinh Độc Lập (nay là dinh Thống Nhất) trưa ngày 30-4-1975, do người chụp bấm máy ảnh hai lần.

Sáng ngày 30-4-1975, mũi đột kích của lực lượng thọc sâu Quân giải phóng phát triển tới dinh Độc Lập, hai xe tăng 843 và 390 của Đại đội 4, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 203 thiết giáp húc cánh cổng phụ và cánh cổng chính dinh Độc Lập. Thời khắc đó, không có phóng viên quân giải phóng, thông tấn xã giải phóng, báo giải phóng theo cùng, càng không có phóng viên nào của ta lọt trước được vào dinh để từ trong dinh chĩa máy ảnh ra phía cổng chụp hai chiếc xe tăng đầu tiên chạm cổng. Rất may bên trong dinh lúc đó có một phóng viên nước ngoài - bà Phrăng-xoa Đomuynder (Francoise Demulder) có máy ảnh ống kính 200 bấm liền được hai kiểu ghi lại thời khắc hai xe tăng húc vào cổng dinh Độc Lập.

Thời khắc lịch sử ấy, “xe tăng 843 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp làm trưởng xe luôn dẫn đầu Kíp xe gồm Lữ Văn Hòa, Thái Bá Minh, Nguyễn Văn Kỳ. Tiếp sau là xe 390 do chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn chỉ huy, kíp xe gồm Lê Đình Phụng, Nguyễn Văn Tập, Ngô Sĩ Nguyên (trên xe còn có pháo thủ Đỗ Cao Trường bị thương phải ở lại tuyến sau, y tá Nguyễn Văn Tảo được chính trị viên Toàn cử đi giải quyết thương vong, Phùng Đình Liên - kỹ thuật viên đại đội được đại đội phó Phụng cử đi khắc phục xe hỏng hóc của đại đội 5). Xe 843 tiến đến trước hàng rào dinh Độc Lập, húc vào cổng phụ bên cạnh cổng chính, xe bị mắc kẹt, dừng lại. Ngay lúc đó, xe 390 lao lên húc cổng chính dinh Độc Lập. Trung úy Bùi Quang Thận từ xe 843 cầm lá cờ giải phóng, chạy lên cắm cờ trên nóc dinh tổng thống ngụy quyền. Lúc đó là 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975”⁽¹⁾.

“Trong sự kiện lịch sử tiến vào dinh Độc Lập.... trưa ngày 30-4-1975, xe tăng 843 là xe dẫn đầu đội hình tiến công, xe đã lao vào cổng phụ dinh Độc Lập và bị kẹt. Xe tăng 390 đi sau lập tức xông lên, húc cánh cổng chính. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận từ xe 843 nhảy ra, chạy lên nóc dinh Độc Lập, hạ cờ ngụy quyền, treo cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam” (công văn số 14/CV.CT ngày 10-1-1997 của Tổng cục Chính trị trả lời Bộ Giáo dục - Đào tạo).

“Đại đội 4 xe tăng do đại đội trưởng Bùi Quang Thận và chính trị viên Vũ Đăng Toàn chỉ huy, dẫn đầu đội hình vượt tới cầu Thị Nghè. Vẫn còn hai xe tăng địch nằm phục kích ở cầu này, nhưng các chiến sĩ ta đã bắn cháy cả hai chiếc... cả đội hình thọc sâu tiến vào thành phố... Theo sơ đồ mang theo và được nhân dân chỉ dẫn, các chiến sĩ xe tăng tiến vào đường Hồng Thập Tự, rẽ sang đường Thống Nhất, xông thẳng tới phủ tổng thống ngụy quyền. Xe số 843 và xe số 390 lao vào dinh lũy cuối cùng của địch” (*báo Nhân dân* ngày 19-9-1975).

“Chiếc xe thứ nhất vượt cầu Sài Gòn là của Đại đội 3 anh hùng, mang biển số 866. Tiếp đó đến hai xe của đại đội tôi (Bùi Quang Thận), xe số 390 do chính trị viên Vũ Đăng Toàn chỉ huy, tôi đi với xe 843.

... Xe 843 tới đường Thống Nhất, rẽ tay phải, gặp một phụ nữ, tôi hỏi đường, chị nhìn lá cờ trước mũi xe rồi giơ tay phía trước “anh đi thẳng miết”. Tới cửa dinh Độc Lập, tôi cho xe húc vào cánh cổng nhỏ ở phía bên trái cổng chính. Cánh cổng đổ rạp. Nhưng cổng hẹp, xe vướng cột... tôi nhảy xuống đất. Một lính ngụy loay hoay mở cổng chính. Vừa lúc, xe 390 của đồng chí Toàn từ phía

đường Công Lý lao tới húc thêm cho hai cánh cổng chính mở toang. Tôi giờ cao cờ chạy bên xe 390” (báo Quân đội nhân dân ngày 17-12-1979).

Hình trong hai tấm phim, sách “Lịch sử Quân đoàn 2 (1974-2004)”, Công văn của Tổng cục Chính trị, báo Nhân dân, báo Quân đội nhân dân, phản ánh khách quan, giống nhau về sự kiện hai xe tăng húc đổ cổng dinh Độc Lập trưa ngày 30-4-1975.

Tác giả hai tấm ảnh - bà Phrăng-xoa Đomuyndơ trở về Pháp sau khi miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng. Trong dịp kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam (30-4-1975 - 30-4-1995), tùy viên văn hóa sứ quán ta ở Pháp trưng bày ảnh chiến thắng, thiếu ảnh xe tăng tiến vào dinh Độc Lập. Bà Phrăng-xoa thông báo cho Sứ quán ta rằng bà có phim chụp được thời khắc Quân giải phóng vào dinh Độc Lập. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm chiến dịch Hồ Chí Minh, được sự đồng ý của Bộ Ngoại giao ta, bà Phrăng-xoa trở lại Việt Nam để làm tiếp phần hai của thiên phóng sự mà phần một bà đã làm từ năm 1975. Bộ Ngoại giao và các cơ quan Nhà nước ta tạo điều kiện cho bà Phrăng-xoa hoàn thành công việc của mình. Nhân dịp này, bà đến Bảo tàng Quân đội tìm hiểu thêm về sự kiện ngày 30-4-1975. Bà thích thú quay cảnh bảo tàng tu bổ, nâng cấp một số đề mục trưng bày nhân kỷ niệm 20 năm giải phóng hoàn toàn đất nước, trong đó có việc di chuyển hiện vật xe tăng 843 đến vị trí mới. Trong khi nói chuyện với giám đốc bảo tàng, bà luôn dùng các cụm từ “những chiếc xe tăng đầu tiên”, “những người lính giải phóng đầu tiên” đến dinh Độc Lập. Giám đốc bảo tàng phân công một cán bộ sưu tầm cùng một cán bộ ngoại giao giúp bà tìm gặp lại một số nhân chứng. Bà được cô Đại tướng Văn Tiến Dũng tiếp. Lần theo địa chỉ do Binh chủng Tăng thiết giáp cung cấp, cán bộ sưu tầm của bảo tàng giúp bà gặp Lữ Văn Hòa, quê ở Phú Lý, nguyên là chiến sĩ lái xe tăng số 843. Từ Lữ Văn Hòa, cán bộ sưu tầm giúp bà gặp Nguyễn Văn Tập, nguyên là chiến sĩ lái xe tăng số 390 và các chiến sĩ khác trong kíp xe. Kết thúc công việc ở Việt Nam, bà Phrăng-xoa Đomuyndơ tặng Bảo tàng Quân đội 36 tấm phim chuyển từ phim gốc, trong đó có hai phim về hai xe tăng húc cổng dinh Độc Lập. Việc bàn giao phim có văn bản bằng hai thứ tiếng Việt - Pháp, có chữ ký của bà Phrăng-xoa Đomuyndơ và chữ ký của Giám đốc bảo tàng. Trong văn bản bàn giao có ghi: Bảo tàng Quân đội Việt Nam (nay là Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam) được sử dụng số phim trên. Khi in ảnh trưng bày hoặc in sách phải ghi tên tác giả. Lần đầu tiên, ảnh về hai xe tăng số 843 và số 390 húc cổng dinh Độc Lập được công bố ở trang 4 báo Quân đội nhân dân ngày 30-4-1995 (chứ không phải đợi đến tháng 6-1996, người đọc, người xem mới được biết bức ảnh ghi lại sự kiện hai xe tăng ở cửa dinh Độc Lập qua một phim phóng sự truyền hình).

HOÀNG VŨ

BA TẤM ẢNH VỀ SỰ KIỆN BẮT TỔNG THỐNG NGUYỄN QUYỀN SÀI GÒN TRƯA NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 1975

Đầu năm 1990, nhân kỷ niệm 15 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đồng chí đại tá Phạm Xuân Thệ - Phó sư đoàn trưởng Sư đoàn 304 (nay đồng chí Thệ là Trung tướng Tư lệnh Quân khu 1) trao tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam một số ảnh gốc, trong đó có ba ảnh phản ánh về sự việc bắt tổng thống chính quyền Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975. Đó là các phim đen trắng mang ký hiệu 7877a; 7877b; 7877c. Theo lời kể của đồng chí Thệ, sau khi vượt cầu Thị Nghè, lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 2 qua Thảo Cầm Viên, đến ngã tư Hồng Thập Tự - Mạc Đĩnh

Chi, một mũi do xe tăng 843 dẫn đầu rẽ trái rồi theo đường Thống Nhất tiến đến dinh tổng thống nguy - dinh Độc Lập (nay là dinh Thống Nhất); một mũi do xe tăng 390 dẫn đầu tiến thẳng theo đường Hồng Thập Tự, rẽ trái theo đường Công Lý tiến đến dinh Độc Lập. Đồng chí Thệ đi xe Jeep theo mũi này. Sau khi xe tăng 843 húc cánh cổng phụ, xe tăng 390 húc cánh cổng chính; xe tăng 390, xe tăng 843 tiến vào sân dinh, tiếp sau hai xe tăng là chiếc xe Jeep của đồng chí Thệ - Trung đoàn phó Trung đoàn 66 Sư đoàn bộ binh 304. Các sĩ quan, chiến sĩ Quân giải phóng xuống xe. Theo lệnh chỉ huy, các chiến sĩ đại đội 2 Tiểu đoàn 7 Trung đoàn bộ binh 66 cùng các chiến sĩ Đại đội 4 Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn thiết giáp 203 bắt lực lượng lính dù dồn vào góc sân phía trái dinh Độc Lập. Đồng chí Thệ cùng đồng chí Nhu - sĩ quan tác chiến, đồng chí Kỷ - sĩ quan trinh sát, các đồng chí Thất, Hoàng chiến sĩ thông tin, đồng chí Vận - chiến sĩ lái xe, súng trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, tiến vào toà nhà lớn.

Gần tới cửa, các nhà báo Sài Gòn và nhà báo nước ngoài chụp ảnh, quay phim liên tục. Đồng chí Thệ gạt họ tránh ra, hỏi một nhà báo Sài Gòn lối lên sân thượng để cắm cờ. Nhà báo nói: “Ngài theo cầu thang bên tay mặt lên cũng được”. Đồng chí Thệ và đồng đội lên đến bậc thang trên cùng nổi vào hành lang tầng hai thì gặp một người cao to mặc áo cộc tay màu xám. Người đó bước đến trước mặt đồng chí Thệ và nói: “Báo cáo cấp chỉ huy, tôi là chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, phụ tá của tổng thống Dương Văn Minh. Toàn bộ nội các của chính phủ Sài Gòn đang trong phòng khánh tiết, mời cấp chỉ huy vào làm việc”.

Khoảnh khắc trên được một nhà báo bấm máy ảnh. Trong ảnh (đã sang phim, ký hiệu 7877a) từ trái qua phải có hình chuẩn tướng nguy quyền Nguyễn Hữu Hạnh, hình đồng chí Thệ đang chỉ thị cho chiến sĩ Hoàng mời trợ lý tuyên huấn trung đoàn lên phòng khánh tiết, hình một nhà báo Sài Gòn, hình lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (chiến sĩ Vận cầm cờ bị che khuất - lá cờ chiến sĩ Vận tháo từ xe Jeep đưa lên).



Trước tình huống cụ thể, đồng chí Thệ và đồng đội không lên sân thượng dinh Độc Lập cắm cờ. Cả tổp bước qua hành lang vào một phòng rộng, trang trí đẹp, nền trải thảm xanh, các ghế ngồi bọc

nhưng, các cửa sổ che rèm trắng, trong phòng có khoảng vài chục người đứng ngồi lộn xộn. Trước mặt đồng chí Thệ là một người lớn tuổi, cao to, mang kính. Nguyễn Hữu Hạnh chỉ vào ông ta giới thiệu: “Đây là tổng thống Dương Văn Minh”. Sau đó, Nguyễn Hữu Hạnh chỉ tiếp vào người thấp đậm và nói: “Đây là thủ tướng Vũ Văn Mẫu”, rồi chỉ sang người cao gầy: “Đây là phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền”. Trong lúc Nguyễn Hữu Hạnh đang giới thiệu với đồng chí Thệ các nhân vật cao cấp của chính quyền Sài Gòn thì chiến sĩ Vận mang lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng cắm ở lan can cửa sổ phòng khánh tiết.

Dương Văn Minh bước lại gần đồng chí Thệ và nói: “Tôi biết Quân giải phóng đã tiến vào nội đô. Toàn bộ nội các của chúng tôi đang chờ Quân giải phóng vào để bàn giao”. Đồng chí Thệ nghiêm mặt: *“Các anh là kẻ thất bại, các anh bị bắt làm tù binh, các anh không còn gì để bàn giao, các anh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện”*.

Lúc này, những nhân viên trong nội các chính quyền Sài Gòn tản dần ra ngồi ở ghế, còn lại Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Hữu Hạnh, đồng chí Thệ và một số sĩ quan, chiến sĩ Trung đoàn bộ binh 66 và Lữ đoàn thiết giáp 203 cùng các nhà báo đứng tụ lại. Một nhà báo bấm máy ảnh. Tám ảnh (đã sang phim, mang ký hiệu 7877b) từ trái qua phải có hình đồng chí Thệ, hình nhà báo nước ngoài, nhà báo Sài Gòn, Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu và Nguyễn Hữu Hạnh.



Nghe đồng chí Thệ trả lời, Dương Văn Minh thoáng chút bối rối: “Xin được bắt tay Quân giải phóng”. Đồng chí Thệ gạt đi: “Các anh là kẻ thù của chúng tôi, tôi không bắt tay các anh”. Dương Văn Minh cúi mặt và yêu cầu được tuyên bố đầu hàng tại dinh Độc Lập. Đồng chí Thệ kiên quyết bắt Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng qua làn sóng của đài phát thanh Sài Gòn. Dương Văn Minh lo lắng: “Bên ngoài súng nổ nhiều, sợ không an toàn”. Đồng chí Thệ nói: “Quân giải phóng

đã làm chủ thành phố. Chúng tôi bảo đảm an toàn cho các anh”. Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu buộc phải chấp thuận ra đài phát thanh.

Xuống tới sân dinh Độc Lập, Dương Văn Minh chỉ vào chiếc xe sang trọng: “Mời cấp chỉ huy lên xe của tôi để ra đài phát thanh”. Đồng chí Thệ chỉ vào chiếc xe Jeep bám đầy bụi đất và cắm lá nguyệt trang: “Chúng tôi đã có xe đưa các anh đi”.

Ở đài phát thanh Sài Gòn, Tiểu đoàn 8 Trung đoàn bộ binh 66 đã chiếm giữ. Vào đến cổng, đồng chí Thệ gặp một ông già gác cổng, hỏi về các nhân viên của đài, ông già đáp: “Quân giải phóng cần sử dụng máy móc của đài thì chờ chút xíu, tôi đi gọi họ về, khi Quân giải phóng vào, vì sợ, họ đã bỏ trốn”.

Đồng chí Thệ và những người cùng đi theo một sĩ quan của Tiểu đoàn 8 lên tầng hai. Trong một căn phòng nhỏ, máy móc hiện đại còn nguyên nhưng điện bị cắt. Mọi người vào vị trí, đồng chí Thệ bắt đầu thảo cho Dương Văn Minh bản tuyên bố đầu hàng. Nguyên văn như sau: “Tôi - đại tướng Dương Văn Minh - tổng thống chính quyền Sài Gòn xin tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi kêu gọi chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương bỏ vũ khí, đầu hàng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam”.

Viết xong, đồng chí Thệ đưa cho Dương Văn Minh xem, vì viết vội nên chữ xấu, khó đọc, Dương Văn Minh đề nghị đồng chí Thệ đọc lại cho ông ta chép. Đồng chí Thệ đồng ý. Viết đến chữ “tổng thống”, ông ta dừng lại và nói: “Báo cáo cấp chỉ huy, vì ông Hương bỏ chạy nên tôi mới lên đảm trách mấy ngày nay, tôi chỉ là đại tướng thôi”. Đồng chí Thệ trả lời: “Dù chỉ lên nắm chính quyền một giờ hay một ngày, anh cũng là một tổng thống của chính quyền Sài Gòn”. Với thái độ kiên quyết trên, Dương Văn Minh phải chép nguyên văn bản thảo của đồng chí Thệ. Đồng chí Thệ cho gọi đồng chí Quang trợ lý tuyên huấn (cùng đi từ dinh Độc Lập ra) đưa chiếc máy cát-xét Hitachi (mang theo từ Đà Nẵng) tới ghi âm lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh. Máy hỏng, không ghi được, đồng chí Thệ phê bình đồng chí trợ lý tuyên huấn bảo quản máy không chu đáo.

Lúc này, một người cao lớn, da ngăm đen tiến đến hỏi đồng chí Thệ: “Anh là ai?”. Đồng chí Thệ trả lời: “Tôi là Phạm Xuân Thệ - Đoàn phó Đoàn Đông Sơn”. Đồng chí Thệ hỏi lại, người kia trả lời: “Tôi là Bùi Văn Tùng - Chính ủy Lữ đoàn thiết giáp 203. Tôi có mặt ở đây đã lâu, tưởng anh là người trên Quân đoàn nên tôi không tham gia gì. Sau khi anh đưa Dương Văn Minh lên xe Jeep ra đây, tôi đi chiếc xe K63 theo luôn”. Đồng chí Thệ rất mừng, mời đồng chí Tùng cùng giải quyết công việc.

Một nhà báo nước ngoài tới gần, ông ta tự giới thiệu bằng tiếng Việt là nhà báo Tây Đức, ngỏ ý cho mượn máy ghi âm cùng một cuộn băng mới và giúp ghi âm. Đồng chí Thệ chấp nhận. Đồng chí yêu cầu Dương Văn Minh đọc lời tuyên bố đầu hàng. Ghi xong lời Dương Văn Minh, đồng chí Thệ cho mở máy nghe lại, thấy đúng với nguyên văn bản thảo.

Xong việc ghi âm lời tuyên bố đầu hàng của Dương Văn Minh, đồng chí Thệ bàn với đồng chí Tùng “cần phát biểu chấp nhận lời đầu hàng của Dương Văn Minh”. Đồng chí Tùng nói: “Anh phát biểu luôn”. Đồng chí Thệ trao đổi: “Anh là người miền Nam, thay mặt Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, anh phát biểu đúng giọng hơn”. Đồng chí Tùng nhất trí và đọc cho nhà báo Tây Đức ghi âm tiếp: “Chúng tôi thay mặt Quân giải phóng miền Nam Việt Nam chấp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của đại tướng Dương Văn Minh - tổng thống chính quyền Sài Gòn”.

Một nam và một nữ nhân viên đài phát thanh Sài Gòn vừa đến, nhân viên nam nói: “Báo cáo các ông, toàn bộ máy móc đã hoạt động tốt. Xin mời các ông làm việc”. Đồng chí Thệ yêu cầu hai nhân viên đài phát thanh vận hành máy phát theo làn sóng cũ. Đồng chí Thệ đưa Dương Văn Minh vào ngồi trước bàn làm việc. Nhà báo Tây Đức mở máy ghi âm để chuyển sang máy phát của đài phát thanh Sài Gòn, truyền đi lời tuyên bố đầu hàng không điều kiện của tổng thống chính quyền Sài Gòn và lời chấp nhận đầu hàng của đại diện Quân giải phóng. Quang cảnh ở phòng phát thanh giây phút đầu tiên được một phóng viên ghi lại bằng ảnh. Tấm ảnh này (đã sang phim, ký hiệu P 7877c), từ trái qua phải có hình nhà báo Tây Đức, Dương Văn Minh, đồng chí Thệ, hai sĩ quan Trung đoàn bộ binh 66 và một nhân viên của đài phát thanh.



Sau khi lời tuyên bố đầu hàng của tổng thống chính quyền Sài Gòn và lời chấp nhận sự đầu hàng của đại diện Quân giải phóng được công bố trên đài phát thanh Sài Gòn, đồng chí Thệ cùng đồng đội đưa Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu trở lại dinh Độc Lập. Tại đây, đồng chí Thệ báo cáo với đồng chí Hoàng Đan - Tư lệnh phó Quân đoàn 2, đồng chí Nguyễn Ân - Sư đoàn phó Sư đoàn bộ binh 304 toàn bộ diễn biến của sự việc bắt tổng thống và nội các chính quyền Sài Gòn, đồng thời giao Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu lại cho sư đoàn. Đồng chí Thệ trở lại vị trí chỉ huy của Trung đoàn bộ binh 66.

Về sự kiện bắt tổng thống và nội các chính quyền Sài Gòn, sách “Lịch sử Quân đoàn 2 (1974 -

2004)” viết: “Trung đoàn phó Trung đoàn 66 - Phạm Xuân Thệ và một số cán bộ, chiến sĩ lực lượng thọc sâu của Quân đoàn và biệt động thành tiến vào dinh Độc Lập bắt tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ những nhân vật chủ chốt của nội các chính quyền Sài Gòn... Ngay sau đó Phạm Xuân Thệ, cùng một số cán bộ, chiến sĩ áp giải tổng thống Minh đến đài phát thanh. Trong lúc đồng chí Thệ và các đồng chí cán bộ Trung đoàn 66 soạn thảo nội dung lời tuyên bố đầu hàng thì đồng chí Bùi Văn Tùng - Chính ủy Lữ đoàn 203 - đến mọi người cùng bàn bạc, soạn thảo tiếp. Đồng chí Thệ đọc cho Dương Văn Minh chép lại nội dung bản tuyên bố đầu hàng. Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trên đài phát thanh Sài Gòn... Tiếp đó, Bùi Văn Tùng vinh dự thay mặt các đơn vị Quân giải phóng đánh chiếm dinh Độc Lập tuyên bố chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của tổng thống chính quyền Sài Gòn”⁽¹⁾.

Những tấm ảnh, trong đó có 3 tấm đã sang phim về sự kiện bắt tổng thống chính quyền Sài Gòn, đồng chí Thệ tặng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam do một nhà báo gửi tặng, đồng chí không nhớ được tên. Sự kiện bắt tổng thống chính quyền Sài Gòn, mãi tới đầu năm 1990 - khi trao tặng một số hiện vật cho Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam - đồng chí Thệ mới kể lại chi tiết.

HOÀNG VŨ

Mời bạn tải

Những Kỷ Vật Kháng Chiến - tập 1 tại thư viện sách điện tử online VietLion.Com